

15 THÁNG 10 NĂM 1969

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm mười ba

VIỆT PHƯƠNG *hội nghị Hồi-giáo và lễ lửa chiến tranh*
Trung-Đông * PHẠM VIỆT CHÂU *In-đô-nê-sia : kinh-*
nghiệm liên-hiệp Quốc-Cộng * CHÂU HẢI KỲ *hai giờ*
với thi sĩ Quách Tấn về cụ Đào Tấn * TRẦN ĐẠI
đào tạo kỹ giả tại các quốc-gia kém mở mang *
CUNG GIỮ NGUYÊN *toán số với cần khôn* * NGUYỄN
ĐỨC SƠN *L. L. Lan* * NGUYỄN VĂN QUAN *từ*
hai chữ « chung cư » đến tinh thần học hỏi của nhà
giáo * THÁI LÃNG *buổi sáng mùa đông cho những*
nụ hoa vàng * ĐẶNG TẤN TỚI *thiên cò-dạ sâu* *
TƯỜNG LINH *biên gọi* * HỒ TRƯỜNG AN *theo*
bước di dân * LAN SƠN ĐÀI *người nữ tu* *
SINH HOẠT TỪ TRÌ *thời sự thế giới* * MINH QUÂN
Dạ hội Ca Vũ Nhạc Kịch Cờ truyền Cổ đô Huế *
TỬ DIỆP *thời sự khoa*
học * TRẦN THIÊN — THU
THỦY *thời sự văn nghệ* *

307





ROUSSEL

Activité locale accrue sans répercussions générales

l'Hydrocortancyl

en applications topiques

eczème

Flacon de 8 g à 0,5 p. 100
de delta-hydrocortisone
dans un excipient fluide,
non gras, hydrodispersible

collyze

Flacon compte-gouttes
contenant 3 ml soit 15 mg
de principe actif, d'une
suspension d'acétate
de delta-hydrocortisone
titrée à 0,5 p. 100

gouttes nasales


Acétate de delta-hydro-
cortisone en suspension
aqueuse titrée à 0,50 p. 100
Flacon de 8 ml

LES LABORATOIRES ROUSSEL

35, BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS 7^e

ROUSSEL VIETNAM, 6, Boulevard Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA, 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



ROUSSEL

BACH

KHOA THỜI-ĐẠI

Số 307 ngày 15-10-1969

VIỆT PHƯƠNG <i>hội nghị Hồi-giáo và lò lửa chiến tranh Trung-Đông</i>	5
PHẠM VIỆT CHÂU <i>In-đô-nê-sia : kinh-nghiệm liên-hiệp Quốc-Cộng</i>	11
CHÂU-HAI-KỲ <i>hai giờ với thi sĩ Quách-lấn về cụ Đào-Tấn</i>	17
TRẦN ĐẠI <i>đào tạo kỹ-giả tại các quốc-gia kén mở mạng : tiêu-chuẩn đào tạo</i>	25
CUNG GIỮ NGUYỄN <i>toán số với cần khôn : một câu thai đại-số</i>	29
NGUYỄN-ĐỨC-SƠN <i>L. L. Lan (15 năm thi ca Miền Nam)</i>	33
NGUYỄN VĂN QUAN <i>từ hai chữ « chung cư » đến tinh thần học hỏi của nhà giáo</i>	39
THÁI LĂNG <i>buổi sáng mùa đông cho những nụ hoa vàng (truyện)</i>	43
ĐẶNG TẤN IỚI <i>thiên cổ — dạ sầu (thơ)</i>	50
TƯỜNG LINH <i>biên gọi (thơ)</i>	51
HỒ TRƯỜNG AN <i>theo bước di dân (truyện)</i>	53
LAN SƠN ĐÀI <i>người nữ tu (truyện)</i>	63
SINH HOẠT	
TỪ TRÍ <i>thời sự quốc tế</i>	69
MINH QUÂN <i>Dạ hội Ca Vũ Nhạc kịch cổ truyền cổ-đô Huế</i>	73
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	75
TRĂNG THIÊN, THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	76

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa soạn :

160, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H. 1, 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133, Võ-Tánh Saigon

GIÁ : 30 \$ Công sở : GIÁ gấp đôi : 60 \$

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— **Nhạc trẻ** gồm 12 bài ca, tuyển chọn trong 3 tập ca : Ca sinh hoạt những bài ca yêu đời, Hát cho quê hương của nhóm Thăng Tiến, in ronéo rất trang nhã.

— **Phan đình Phùng** thoại kịch bi hùng dã sử của Phạm Trường Hưng do Nhân Chứng xuất bản và gửi tặng, Sách dày 32 trang Giá 40đ.

— **Giấu mặt** tập thơ của Phở Đức, do Nhân Chứng xuất bản và tác giả gửi tặng Sách dày 60 trang gồm 31 bài thơ, quà Trung Thu tuổi 31 của tác giả. Bản đặc biệt.

— **Phong tục Việt Nam** của Toan

Ánh do nhà sách Khai-Trí xuất bản và tác giả gửi tặng Sách dày 532 trang gồm 2 phần : Đời sống bản thân (từ ăn uống làm lung đến nghỉ ngơi, giải trí) và Đời sống gia đình (từ gia đình, cưới xin, đến khao vọng, tang ma) với trên 70 hình ảnh. Giá 480đ.

— **Việt từ báo vận động văn học nghệ thuật về nguồn** số 5, tháng 7 và 8/69, khổ 20 x 28, in ronéo rất đẹp xuất bản tại Huế, dày 136 trang gồm truyện và thơ của những cây bút trẻ có tiếng tại Miền Trung.

— **Tân Văn** số 16 và 17 số đặc biệt về xuất bản, dày 112 trang, gồm những bài thuộc chủ-đề trên đây của : Nguyễn Hiến Lê, Bình nguyên Lộc, Mai Thảo, Nguyễn Đình Vương, Trần Phong Giao, Đàm Gia Tuấn, Thu Liễu, Thư Trung,, Truyện dài của Doãn Quốc Sỹ. Giá 40 đ.

Cùng quý bạn đọc thân mến

Từ hơn một năm nay, vật giá tăng lên bội phần và mọi chi phí liên quan đến việc ấn loát cũng tăng lên gấp rưỡi. Bởi vậy bó buộc chúng tôi phải tăng giá báo Bách-Khoa, kể từ số 308 ra ngày 1-11-69 tới đây, mỗi số là 40đ. như các tạp chí bạn.

Chúng tôi mong quý bạn đọc đã ủng hộ cho tạp chí Bách-Khoa đứng vững trong 13 năm nay sẽ vui lòng chấp nhận giá báo mới trên đây để tờ báo được đầu được với những khó khăn hiện tại mà tiếp tục phục vụ bạn đọc.

Cũng bắt đầu từ số tới, Bách-Khoa sẽ thay chữ mới và chấn chỉnh lại việc ấn loát để có thể cải tiến cả phần hình thức lẫn nội dung cho hợp với các đề nghị mà quý bạn đã sốt sắng góp ý với Tòa-soạn từ mấy tháng nay.

Tạp chí BACH-KHOA

Hội nghị Hồi-giáo

và lò lửa chiến tranh Trung-Đông

Cuộc "Chiến tranh 6 ngày" kết thúc tới nay đã được hơn hai năm. Tình hình Trung-Đông chẳng những không lắng dịu mà mỗi ngày một thêm nóng bỏng. Phe Ả-rập thì cay cú muốn trả thù và tiện thể gạch tên Do Thái trên bản đồ thế giới. Còn Do Thái thì cũng hết sức ương ngạnh, nhất định đóng quân lại trên những phần đất sa mạc mình đã chiếm được một phần bán đảo Sinai của Ai-Cập đến sát tận kênh đào Suez, một phần xứ Jordanie của Quốc vương Hussein và phân nửa Jerusalem, phần của Palestine (phần kia là của Do-Thái), nơi thánh địa của Hồi-giáo.

Tất cả mấy nước Ả-rập quanh Do-Thái (Cộng hòa Ả-rập Thống nhất, Syrie, Jordanie, Arabie Saoudite, Yemen, Irak và xa hơn nữa là Algérie, Soudan, Libye đều dẹp những nỗi hiềm khích nhỏ để thống nhất hành động chống Do-Thái. Mặt trận Giải phóng Palestine được thành lập, luôn luôn phá hoại khủng bố tại các làng và các trại quân Do Thái vùng biên giới. Ngoài ra các đội biệt kích Ai-Cập dùng đủ mọi phương tiện để gây thiệt hại tối đa cho những đội quân trú phòng Do Thái. Gần đây cả hai bên lại tăng cường những cuộc pháo kích qua kênh Suez và những cuộc không tập vào sâu nội địa của nhau.

Đề đối phó lại với một cuộc chiến

tranh hao mòn và dai dẳng không dùng đến những phương tiện lớn lao mà phe Ả-rập biết là mình kém thế, Do-Thái đã trả đũa bằng nhiều đòn sấm sét và cũng bất ngờ không kém. Ngày 1-8-69 biệt kích Do-Thái dùng phi cơ và trực thăng đến phá phi trường Beyrouth để trả đũa việc các đặc công người Palestine phá chiếc phi cơ chở khách Do Thái ở Thụy-sĩ. Gần đây ngày 9-9 một đạo quân Do Thái đã đổ bộ quy mô lên đất Ai-Cập bên kia Hồng Hải phía Nam kênh đào Suez (40 km) và cách Thủ-đô Le Caire chừng 100 km về phía Đông Nam trên một mặt trận 1 km phối hợp chiến xa và không quân gây thiệt hại lớn cho Ai-Cập vì bị hoàn toàn bất ngờ nên không kịp huy động lực lượng đối phó. Trận đột kích này là trận đánh tốn lao nhất từ sau khi cuộc chiến 6 ngày kết liễu. Ai-Cập lại nhận thêm một đòn đau nữa. Lửa căm thù chỉ mỗi ngày một bùng bùng cháy to không còn cách gì dập tắt.

Một bản thống-kê sơ lược cho ta biết trong hơn 2 năm gọi là « ngưng bắn » vừa qua, những cuộc đụng độ Ả-rập Do-Thái chỉ có mỗi ngày một thêm tăng cường và ác liệt.

Năm 1967, từ cuối tháng 9 có hai cuộc pháo chiến ở hai bên bờ kênh Suez và một chiếc khu trục hạm Do Thái bị hải quân Ai-Cập đánh đắm.

Năm 1968 từ tháng 7 đến tháng 10 có 3 cuộc pháo chiến dữ dội gây thiệt hại lớn cả cho 2 bên. Ai-Cập đổ các Do-Thái đã các dàn phòng hỏa tiến nhằm vào các thành phố Ai-Cập dọc theo bờ kênh Suez. Tướng Dayan Bộ trưởng Quốc-phòng Do-Thái dọa sẽ biến bờ phía Tây kênh đào Suez thành một nghĩa địa Ai-Cập (10-68). Ngày 31-10 một toán biệt kích Do-Thái tấn công vùng gần đập Assouan (Thượng Ai-Cập). Trong khi đó biệt kích Ai-Cập cũng hoạt động mạnh mẽ trên bán đảo Sinai theo tiết lộ của báo AL Ahram. Bước sang năm 1969 những cuộc pháo chiến mỗi ngày một tăng cường và lan rộng, hầu như tháng nào cũng có Do-Thái phải dùng không quân để bắn phá các vị trí trọng pháo của Ai-Cập. Tướng Dayan tuyên bố: « Muốn chiến thắng phải tấn công ».

Ngày 20 tháng 4/69, biệt-kích Ai-Cập vượt qua kênh Suez để tấn công các vị trí Do-Thái. 9 ngày sau, biệt kích Do-Thái trả đũa tấn công lần thứ 2 vùng gần đập Assouan. Tháng 6 và tháng 7 biệt kích Do-Thái lại tấn công một đài radar Ai-Cập ở phía Nam Suez và 3 đồn binh Ai-Cập trên bờ kênh Suez. Những hoạt động biệt kích này đều rất mạnh mẽ và hữu hiệu.

Ngày 27-7 không quân Ai-cập tấn công các vị trí Do-Thái ở Sinai để trả đũa việc không quân Do-Thái ném bom các vị trí pháo binh Ai-Cập.

Ngày 28-8 biệt-kích Do-Thái trực thăng vận đã đánh phá một đồn binh Ai-Cập ở vùng Thượng Ai-Cập.

Kể đó đến vụ đột-kích đại-quy-mô ngày 9-9-69 ở phía Nam kênh Suez vừa kể trên gây thiệt hại quan trọng cho Ai-Cập.

Ta nhận thấy những vụ biệt-kích của Do-Thái mỗi ngày một tăng cường và được tổ chức mỗi ngày một chu đáo và hữu hiệu hơn. Phối hợp với những vụ pháo kích và không tập thường xuyên, nó có mục đích thực hiện kế-hoạch tấn công phòng ngự của tướng độc-nhơn Dayan, làm nhụt ý chí phấn đấu của khối cả trăm triệu người Ả-Rập bao bọc xung quanh.

Có thể nói là với kế-hoạch nặng về hành động quân-sự quyết liệt đó, cho tới nay Do Thái đã thành công. Hơn 2 triệu người quyết tâm chiến đấu để bảo vệ quyền sống của mình đã cầm chân được cả trăm triệu người khác bao bọc xung quanh, gây cho họ nhiều thiệt hại đáng kể.

Nhưng nếu trên phương-diện quân-sự, Do-Thái đã lập được những kỳ công, gây cho phe Ả-Rập những thất bại chua cay, thì trên phương diện chính trị, Do-Thái đã có nhiều sơ hở khiến cho phe Ả-Rập vẫn tin tưởng rằng mình tuy thua nhiều trận nhưng sẽ thắng ở trận cuối cùng.

Trước hết, những hành động của Do-Thái làm cho nước này mỗi ngày một thêm bị cô lập trên trường quốc-tế. Phần đông các nước Ả-Rập Hồi-giáo và Cộng-sản đều tuyệt giao với Do-Thái. Đó là điều dĩ nhiên. Nhưng các nước Tây-Phương cũng không dám ra mặt ủng hộ lập trường của Do-Thái vì sợ làm phật lòng các nước Ả-Rập. Nước Pháp đã ngưng cung cấp phi-cơ kiểu Mirage cho Do-Thái. Còn Anh và Hoa-kỳ thì tuy ủng-hộ Do-Thái nhưng khuyên nước này nên có thái độ ôn hòa hơn. Hiện nay việc Hoa-kỳ cung cấp 50 phi cơ biểu Phantom cho Do-Thái đã bị các nước Ả-

Rập kịch-liệt lên án cho đó là một hành động đế-quốc. Những hành vi phiêu lưu của Do-Thái làm cho Hoa-kỳ càng mắc thêm vào thế kẹt ở Trung-Đông, nơi mà ảnh hưởng của Nga-xô đang tiến những bước nhảy vọt. Vì vậy cho nên chính sách cứng rắn của Do-Thái chỉ gây thêm khó khăn cho Hoa-kỳ và Anh ở khu vực này của thế giới.

Tại Liên-Hiệp-Quốc, Hội-đồng Bảo-an đã nhiều lần phải lên tiếng đề yêu cầu Do-Thái có thái độ biết điều và ôn hòa hơn. Hội đồng Bảo-an đã phản đối vụ Do-Thái phá hoại phi trường Beyrouth (11-8) và yêu cầu Do-Thái thu hồi ngay những biện-pháp xâm phạm đến quy-chế của Jerusalem. Nhưng Do-Thái đã tỏ ra coi thường những quyết nghị của Liên-Hiệp-Quốc Nói tóm lại Do-Thái, với chính sách sức mạnh của mình, đã mỗi ngày một bị cô lập thêm trên bàn cờ chính-trị quốc tế.

Với những người thông minh và cứng rắn như bà Thủ tướng Golda Meir, bộ trưởng Quốc phòng, Dayan Do-Thái hẳn phải biết rõ như vậy. Nhưng họ vẫn phải theo đường lối đó vì họ cho rằng không còn đường lối nào khác hơn là đường lối chiến đấu đến cùng và tấn công phòng ngự. Do-Thái cũng còn nghĩ cả đến việc chế tạo vũ khí nguyên tử vì với thứ vũ-khí này Do-Thái hy vọng sẽ chế ngự được khối Ả-Rập bằng một đe dọa thường xuyên về chiến tranh nguyên tử. Nhưng chính cái hy vọng đó đã làm cho cả Anh lẫn Mỹ đều rất lo ngại và tìm mọi cách chế ngự không cho Do-Thái chế-tạo bom nguyên-tử. Muốn chế tạo loại vũ khí này Do-Thái còn phải được Hoa-kỳ cung cấp cho chất Uranium 235 hay chất Plutonium mà Do-Thái không có. Cuộc thăm viếng Hoa-kỳ

của bà Golda Meir là cốt đề yêu cầu Hoa-kỳ viện trợ thêm cho phi cơ, đại bác để chống khối Ả-Rập. Nhưng liệu Tổng-Thống Nixon có dám liều mà châm thêm dầu vào ngọn lửa Trung-Đông không? Những cuộc hội đàm giữa các Ngoại-trưởng tứ cường (Anh, Pháp, Hoa-kỳ, Liên-xô) ở Nữu-Uớc về vấn-đề xung-đột Do-Thái — Ả - Rập với sự tham gia của ông Tổng-Thư-ký Liên-Hiệp-Quốc U Thant, những cuộc tranh-luận sôi nổi tại khóa họp thứ 24 Đại Hội-đồng L.H.Q. để mong tìm một giải pháp văn hồi hòa-bình ở Trung-Đông nói chung đều có thái độ không thiện cảm với Do-Thái. Tất cả những sự-kiện trên cho ta thấy rõ là Do-Thái hiện nay đang ở một thế yếu về phương-diện chính-trị quốc-tế mặc dầu vẫn tin tưởng vào sức mạnh quân sự của mình.

Chính vì cái thế yếu đó mà Hoa-kỳ đã không dám ra mặt ủng-hộ và còn cố gắng thuyết phục Do-Thái không nên dùng vũ lực thuần túy để bảo vệ sự sinh tồn của mình mà phải trông vào sự bảo vệ của Liên-Hiệp-Quốc mà Do Thái là một hội viên.

Để đạt tới sự hòa-giải đó, thái độ bất di bất dịch của khối Ả-Rập là đòi Do-Thái phải rút khỏi các khu vực chiếm đóng, trả lại cho Palestine khu thánh-địa Jerusalem. Do-Thái không những không chịu mà lại còn củng cố thêm các khu chiếm đóng.

Về phía các nước Ả-Rập, hành động ương ngạnh của Do-Thái không những không làm nhụt chí chiến đấu của khối Ả-Rập mà còn làm tăng cường thêm sự đoàn-kết của các nước này. Trước kia Hussein là kẻ thù không đội trời chung của Nasser vì một bên là quân-chủ

chuyên-chế, một bên là cộng-hòa xã-hội. Nhờ có sự chiếm đóng của Do-Thái mà 2 lãnh tụ của hai quốc-gia này trở nên thân thiết.

Cũng nhờ có sự chiếm đóng này mà 4 nước cấp tiến nhất của khối Ả-Rập là Ai Cập, Irak, Syrie và Algérie trở nên keo sơn gắn bó với nhau hơn. Nhiều nước khác vốn dĩ thân Tây-phương như Liban, Tunisie, Maroc, Arabie Séoudite cũng chịu góp phần vào công cuộc chống Do-Thái. Mặt-trận Giải phóng Palestine được thành lập và hoạt động ngay sát nách Do-Thái gồm những phần-tử gan dạ, sẵn sàng hy sinh cho đại-nghĩa. Những toán cảm tử Palestine không những hoạt động phá hoại ở trong nội địa Do-Thái mà cả ở ngoài Do-Thái, ở những nơi nào trên thế-giới có người Do-Thái hay có hoạt động Do-Thái. Ví dụ như những vụ khủng bố người Do Thái ở Bonn, La Haye, Bruxelles, Francfort (nơi này có một hãng du lịch Do-Thái).

Những hành động phá hoại của Mặt-trận Giải-phóng Palestine đều được các quốc gia Ả-Rập nhiệt liệt tán trợ. Vũ khí, tiền bạc được gửi đến tới tấp. Dư luận Tây-phương thì lại tỏ ra lo ngại rằng những vụ bắt cóc phi cơ trên có người Do Thái và những vụ khủng bố người Do Thái ở nhiều nơi trên thế giới sẽ gây nên sự trả đũa qua lại và đưa đến những hậu quả không thể lường trước được.

Nói tóm lại, vì thái độ cứng rắn của Do-Thái mà các nước Ả-Rập đã đoàn kết chặt chẽ và thống nhất hoạt động được.

Nhưng gần đây có 2 sự-khiến xảy ra làm củng cố thêm lực lượng của phe

Ả-Rập và cố nhiên là không có lợi cho Do-Thái.

Sự-khiến thứ nhất là cách-mạng xã-hội đã xảy ra ở 2 nước Ả-Rập cách nhau trong khoảng thời gian không đầy 3 tháng.

— Cuộc cách-mạng thứ nhất thực hiện ở Soudan vào tháng 5-69 biến nước này thành một nước Cộng-hòa xã-hội, tả khuynh. Cuộc cách mạng ở Soudan đã làm cho chế-độ chính-trị của nước này gần giống với chế-độ chính-trị ở Ai-Cập và Algérie, mà lại có phần cấp-tiến hơn vì đây là một cuộc cách-mạng chủ yếu của nông dân và công nhân nắm một vai trò quan trọng trong bóng tối.

— Cuộc cách-mạng thứ 2 bùng nổ ở Libye vào những ngày đầu tháng 9-69, lật đổ chế độ quân chủ và thiết lập một chế-độ dân-chủ xã-hội do một nhóm quân nhân lãnh đạo. Libye, cái kho tiền của khối Ả-Rập, với cuộc cách mạng thành công đã trở thành một hậu cứ vững chắc của phe Ả-Rập trong công cuộc chống Do-Thái. Những người Palestine hoạt động không còn lo thiếu tiền nữa. Khối Ả-Rập trước kia có nhiều hướng chính trị khác nhau, (từ quân-chủ đến xã-hội) phải miễn cưỡng đoàn kết với nhau, nay đã có vẻ thống nhất hơn về phương diện chính trị. Hiện nay trong khối Ả-Rập chỉ còn 3 ông vua là: vua Hussein của Jordanie, vua Fayçal của Arabie Séoudite và vua Hassan II của Maroc và những quốc gia có xu hướng thân Tây phương là Tunisie, Liban, Arabie Séoudite và Maroc. Các quốc gia khác đều ít nhiều có thái độ chống Hoa, kỳ và thân thiện với Liên-xô (CHARTN, Algérie, Soudan, Libye, Syrie, Yemen, Irak, Palestine). Jordanie vốn dĩ thân Tây-phương đã thay đổi thái độ từ ngày

Hoa-kỳ và Anh-Quốc có vẻ ủng hộ Do-Thái.

Thế là 2 cuộc cách-mạng ở 2 nước đã làm cho khối Ả-Rập thêm phần vững chắc, ít nhất về phương diện chính trị.

Sự kiện thứ hai là Hội-nghị các quốc-gia hồi-giáo ở Rabat (Maroc) từ 22 đến 24-9-69. Hội nghị này được triệu tập là do vụ hỏa-hoạn Thánh - đường El Aqsa.

Vụ hỏa hoạn này đã xảy ra như sau : Sáng ngày 21-8-69, trong nội cung thánh đường (mosquée) El Aqsa, một thánh đường Hồi-giáo nổi tiếng nhất thế giới ở Jeru-salem (khu Ả-Rập bị Do-Thái kiểm soát từ 6/1967) đã xảy ra một đám cháy. Thôn hỏa hoạn hành suốt 2 giờ mới dập tắt được nhưng một phần mái và bực thang lên điện thờ đã bị phá hủy.

Tin hỏa hoạn vừa loan ra, lập tức khắp thành phố Jerusalem biểu tình nổi lên. Nhà cầm quyền Do-Thái phải tuyên bố giới nghiêm và ra lệnh mở cuộc điều tra. Nhưng vị giáo chủ ở Jerusalem đã bác bỏ ngay và đòi phải triệu tập một ủy-ban điều tra gồm đại biểu tất cả các nước Ả-Rập và Hồi giáo. Tin này làm sôn sáo dư luận các nước Ả-Rập và Hồi-giáo, và báo chí các nước này đã triệt để lợi dụng và đổ tội cho Do-Thái. 24 nước Hồi giáo đã gửi thư cho U Thant đòi mở cuộc điều tra về vụ này.

Ngày 22-8, chính phủ Do Thái tuyên bố đã bắt được thủ phạm vụ đốt giáo-đường này là một thanh niên U theo đạo Thiên-Chúa tên là Michaël Roben. Mặc dù thanh niên này đã thú tội và đợi ngày ra tòa xét xử, dư luận Ả-Rập vẫn không tin và cho đó là một vụ do Do-Thái dựng lên để trốn trách nhiệm.

Chỉ 3 ngày sau, một hội nghị các ngoại-trưởng Ả-Rập đã họp ở Le Caire

để nghiên cứu một chương-trình hành-động chung chống Do-Thái.

Ngày 8-9, bảy ngoại trưởng Hồi giáo đã họp ở Rabat (Maroc) để sửa soạn triệu-tập Hội-nghị Hồi-giáo vào ngày 22 đến 24-9-69.

Ta nên biết là trên thế giới có tất cả 45 quốc-gia có thành phần dân theo Hồi-giáo trong số đó chỉ có khoảng 12 nước Ả-Rập tập họp chừng 100 triệu dân. Nước có đông dân theo Hồi-giáo nhất là Pakistan (88 triệu trên 107 triệu dân) rồi đến Indonésia (87 triệu trên 115 triệu). Nước thứ 3 là Ấn-độ (50 triệu), nhưng tỉ-số chỉ bằng 1/10 tổng số dân Ấn-độ (511 triệu). Vì thế cho nên tuy có đông dân theo Hồi-giáo mà Ấn-độ không được coi là một nước Hồi-giáo. Có những nước khác như Liên-xô (có 30 triệu dân theo Hồi giáo), Trung quốc (có 10 triệu dân Hồi) không thể coi là những nước Hồi-giáo. Nhưng nếu cộng tất cả số dân theo đạo Hồi trên thế-giới ta sẽ thấy một con số không nhỏ là khoảng 400 triệu người. Nếu khối Ả-Rập lợi dụng được vụ đốt thánh đường El Aqsa này để lôi kéo tất cả các quốc gia Hồi-giáo vào cuộc thánh chiến chống Do-thái thì thật là một kỳ công.

Vì thực ra không phải nước Hồi-giáo nào cũng chung quyền lợi với Ả-Rập. Các nước Pakistan và Indonésia, Mã Lai vì ít quan hệ với Do-Thái nên cũng không ghét bỏ gì nước này.

Các nước Thổ-nhĩ-kỳ, Iran tuy là những nước Hồi-giáo gần như là thuần túy, nhưng lại không ưa các nước Ả-Rập và có quan-hệ láng giềng tốt với Do Thái. Nhiều nước Phi-Châu theo Hồi-Giáo như Sénégal, Cameroun, Nigeria thì vì ở xa nên cũng không sốt sắng lắm với việc chống Do-Thái. Nếu không triệt để khai thác được vụ El Aqsa
(xem tiếp trang 81)

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— **Vấn đề nhận thức trong Duy thức học** của Nhất Hạnh do Lá-Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 120 trang gồm 3 phần : Khái quát ; Hành tướng nhận thức ; Con đường thể hiện và phần Phụ lục. Bản đặc biệt. Giá bán thường : 70đ.

— **Đóng góp một nền giáo dục dân chủ Việt Nam trong tương lai** Luận án của Minh Thông Nguyễn Thanh Nhân do Minh Tâm xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 258 trang gồm 11 chương từ « Lịch-sử đại cương về giáo dục V.N. » đến « Động lực phát triển toàn bộ của tổ chức giáo dục ». Giá 200đ.

— **Các cuộc đời ngoại hạng** của Nguyễn Hiến Lê do Bà. Trẻ xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 212 trang, gồm 6 cuộc đời ngoại hạng của : Cha con Dumas, Victor Hugo, George, Sand, Jules Verne, André Maurois. Giá 180đ.

— **Những giọt đắng** tập truyện của Võ-Hồng do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 150 trang gồm 7 truyện đặc sắc mới nhất của Võ-Hồng với phục bản của Đinh Cường Hiếu Đệ, Huy Tường. Bản đặc biệt, Giá bán thường : 80đ.

— **Mặt trận miền Tây vẫn yên tĩnh**, nguyên-tác « À l' Ouest, rien de nouveau » của Erich Maria Remarque, bản dịch của Phạm Trọng Khôi, do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 276 trang Bản đặc biệt. Giá bán thường : 150đ.

— **Người đồng hành** tập truyện của Huỳnh-Phan-Anh do Đêm Trắng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 192 trang gồm 11 truyện rất đặc biệt. Giá 140đ.

— **Trên đỉnh yêu đương** tuyển

tập nhạc của Trần Tử Thiêng, tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách in khổ 20 x 24 trình bày rất mỹ thuật, gồm 16 bài tình ca, trong có 4 bài thơ của Hoàng Trúc Ly, do Trần Tử Thiêng phổ nhạc, bìa và phụ bản của Đinh Cường. Bản đặc biệt. Giá bán tại Saigon : 120đ.

— **Ca dao nhi đồng** (quyển 1) tuyển tập văn chương nhi đồng do Doãn quốc Sỹ sưu tập, Sáng - Tạo xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 140 trang gồm Phần 1 : Ca dao nhi đồng Việt Nam (120 bài ca dao và trò chơi, câu đố vv...), Phần 2 : Ca dao nhi đồng quốc tế. Bản đặc biệt. Giá bán thường : 80đ.

— **Chuyến tàu trên sông Hồng** tập truyện của Mai-Thảo do Tuổi Ngọc xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 180 trang, gồm 9 truyện chọn lọc của tác giả ấn loát rất trang nhã, bìa của Duy Thanh. Bản đặc biệt.

— **Con đường khổ nhọc** của Dương Kiên do Tạp chí Văn-học ấn hành trên số 93 (9/69) gồm những bài và thơ mà tác giả gọi là cuốn Bạch-Thư của Tuổi Trẻ, dày 100 trang, Giá 50đ.

— **Văn học số 94 (10/69)** với chủ đề « Vũ Trọng Phụng dứt tình với làng văn » dày 114 trang gồm những bài viết về Vũ Trọng Phụng (kỷ niệm, phê bình) và trích đăng một số truyện của tác giả « Số đỏ ». Giá : 50đ.

— **Sáng hóa văn hóa văn nghệ Việt Nam**, số « Vào thu » gồm những bài biên khảo, phê bình (5 người viết nữ thời danh, Hội Bút Việt, Phạm Công Thiện), thơ và truyện, dày 136 trang. Giá 40đ.

— **Zen và dưỡng sinh** do Thái Khắc Lễ biên soạn, tác giả ấn hành và gửi tặng. Sách in lần thứ 3 dày 300 trang, trình bày phương pháp Dưỡng sinh Ohsawa có bổ túc thêm những điều thực dụng cần thiết. Giá 195đ.

TRĂM VIỆT TRÊN VÙNG ĐỊNH MỆNH :

(Xin xem B.K. T.Đ. từ số 290-291)

I N - Đ Ô - N Ê - S I A

kinh-nghiệm liên-hiệp quốc-cộng

(Tiếp theo B.K. số 306)

Chế-độ Sukarno

Từ 1950 đến 1965, chế-độ Sukarno tại Cộng-hòa In-đô-nê-sia được chia đều là hai thời kỳ: Thời kỳ dân-chủ đại-nghị (tự do) và thời kỳ Dân-chủ hướng dẫn (chỉ-huy).

Thời kỳ áp-dụng chế-độ dân-chủ đại-nghị (hiến-pháp 15-8-1950) thực ra chỉ là giai-đoạn tập-sự bước vào sinh-hoạt dân-chủ kiểu Tây-phương. Mấy năm đầu tiên, Đảng Hồi-giáo Masjumi và Đảng Quốc-gia đã chia nhau cầm quyền và luôn luôn nắm đa số phiếu ở Quốc-hội. Ít năm sau, Đảng Cộng-sản lớn mạnh lên cùng với một số đảng nhỏ khác chia sẻ ghế làm cho Quốc-hội trở nên quá ôm đồm, nhiều khuynh-hướng. Tình-trạng an-ninh quốc-gia luôn luôn gặp rối ren. Các thủ-tướng kế nhiệm nhau không còn tìm nổi sự ủng-hộ đủ lớn để vượt qua những khó-khăn. Phân-hóa địa-phương đã trở thành một mối đe dọa nên thống nhất, nhất là vụ khởi loạn ở Sumatra năm 1956.

Trước tình-thế ấy, Đảng Hồi-giáo Masjumi và Đảng Xã-hội đòi phải tạo thông-cảm giữa Java và Ngoại Đảo bằng cách mời cựu thủ-tướng Hatta (người Sumatra) ra lập nội-các. Nhưng Sukarno

thì không chấp nhận sự giải-quyết vá vúi ấy. Ông yêu cầu phải trở về Hiến-pháp 1945 với chế-độ m. ông mệnh-danh là Dân-chủ Hướng-dẫn.

Đảng Hồi-giáo Masjumi đã vận-động các đảng không cộng-sản khác bác bỏ đề-nghị của Tổng-thống vì cho rằng trở lại Hiến-pháp 1945 là thoái bộ, sinh hoạt dân-chủ tự-do sẽ mất, quyền hành sẽ vào tay Tổng-thống hết. Cuộc vận-động chống đối đã thành-công : Quốc-hội bỏ phiếu không tán thành tái áp-dụng Hiến-pháp 1945. Tổng-thống Sukarno phản-ứng lại quyết-liệt bằng cách giải-tán Quốc-hội. Hai đảng Masjumi và Xã-hội bị đặt ra ngoài vòng pháp-luật. Báo chí đối lập bị đóng cửa. Nhiều lãnh-tụ quốc gia bị bắt giữ trong đó có ba cựu thủ-tướng là Sjahrir (đảng Xã-hội), Moham-med Natsir, và Burhanuddin Harahap, và cựu chủ-tịch cơ-quan hành pháp kháng chiến (thế Sukarno trong khi ông này bị Hòa bắt năm 1948) Sjafruddin Prawiranegara.

Để thay thế Quốc hội, Sukarno đặt ra một hội-đồng Dân-biểu (Council of people's representatives) với 280 Hội-viên chỉ-định đại-diện đảng phái và nghề

nghiệp Đồng thời, một Hội-nghị Tư-vấn Nhân-dân (People's Consultative Congress) cũng được triệu tập định-kỳ năm năm một lần với chừng 600 đại-biểu gồm tất cả hội-viên Hội-đồng Dân-biểu cộng thêm đại-diện các địa-phương.

Trong thời-kỳ áp-dụng chế-độ dân-chủ hướng-dẫn, đường lối đối ngoại của Sukarno càng ngày càng thấy xa rời chủ-trương đứng giữa cũ mà thiên về khối Cộng. Do đó ngay trong nội-bộ, Sukarno đã cố-gắng nâng đỡ Cộng-sản, làm cho phe chống Cộng bất mãn. Sự bất mãn dồn nén đã đẩy Đảng cực hữu Darul Islam (Quốc-tể Hồi-giáo) tới hành-động đên rồ : ám sát Tổng-hống. Vụ ám sát thất bại, các nhà lãnh-đạo Darul Islam bị bắt và phong-trào tan rã. Hậu quả của hành-động này là Sukarno càng thiên Cộng hơn và càng mưu tính triệt hạ các đảng hữu-phái. Trên thực tế, đảng Cộng-sản đã đủ mạnh để lấn át tất cả các đảng khác, nên về mặt chính-trị được coi là *am đôn*. Trở ngại quan-trọng nhất trong công cuộc *đầy mạnh cách mạng tiến tới* dư-*ai* mắt Sukarno chính là và chỉ còn là quân-đội.

Quân-đội In-đô-nê-sia là một tổ chức có truyền thống. Các tướng lãnh đều đã cầm quân từ thời kháng-chiến chống Hoa-lan, vì vậy đối với quần chúng họ là những anh-hùng cứu quốc. Trong sinh-hoạt quốc gia, quân-đội luôn luôn đứng ngoài chính-tại, nhưng xét lập trường của giới lãnh-đạo qua sự phát biểu và hành động, người ta có thể nhận thấy họ có tinh thần quốc-gia cực đoan, có ảnh-hưởng truyền thống Hồi-giáo, chống Cộng, chống sự hiện diện của Hoa-kiểu và do đó chống luôn cả chủ-trương bắc cầu Djakarta — Bắc-kinh của ông-thống.

Đề cạnh tranh với quân đội chính-quy, Sukarno đã dự liệu thành lập lực lượng dân quân. Thêm vào đó, Aidit, lãnh tụ Cộng-đảng còn đề-nghị đặt chính-ủy trong quân đội. Nhưng kế hoạch này đã bị phá tan ngay từ trong trứng nước. Tướng Nasution, Bộ-trưởng Quốc-phòng đã quả quyết rằng ông sẽ võ trang nhân dân nếu trường hợp khẩn cấp đòi hỏi, còn hiện tại (mùa Xuân 1965) ông không thể chấp nhận lực lượng thứ năm ấy được (Bốn lực lượng đã có là Lục-quân, Hải-quân, Không quân và Cảnh sát quốc-gia). Tướng Yani, Tổng tham-mưu-trưởng, cũng kịch liệt chống lại tổ chức chính-ủy trong quân-đội.

Sau cùng Sukarno đành hoãn kế-hoạch lại, dù Bắc-kinh đã lên tiếng ủng hộ và sẵn sàng viện trợ vũ-khí nhẹ. Trong những năm qua, các tướng lãnh đã có nhiều bất đồng ý kiến với Tổng-thống, nhưng Sukarno thường phải điều đình hơn là dám có hành-động quyết-liệt. Với sự cố-vãn của lãnh-tụ Cộng đảng, Sukarno đã dự liệu bùng nổ cái trở ngại khó chịu nhất này đi khi hoàn tất giai-đoạn một của cuộc cách mạng (1). Và ngày 25-9-1965, Sukarno đã long trọng tuyên bố « Chúng ta bắt đầu bước sang giai-đoạn hai của cuộc cách mạng In-đô-nê-sia, giai đoạn tiến tới xã-hội chủ-nghĩa ».

Năm ngày sau (30-9) thì xảy ra cuộc chính biến, khởi đầu bằng hành động bắn giết các tướng lãnh, cuộc chính

(1) Năm 1964, Aidit đã nói « Khi hoàn tất giai-đoạn một của cuộc cách-mạng mà chúng ta đang tiến-hành, chúng ta sẽ cùng phối hợp với các thành phần tiến bộ khác trong xã-hội để đem tổ-quốc tới cách-mạng xã-hội mà không cần võ-trang đấu tranh ».

biến đã đưa tới sự sụp đổ của chế độ Sukarno và sự tan rã của Đảng Cộng-sản.

Đảng Cộng-sản

Nhưng trước khi xét nét lại chính-biến và hậu quả của nó, tưởng cũng nên nhìn qua diễn trình hoạt-động của Đảng Cộng-sản Chính đảng này đã đóng vai trò then chốt tạo nên chính-biến và đã phải hứng chịu thảm họa khốc liệt do một thế-lực mù quáng khác gây nên — thế-lực tôn giáo!

Như phần trên đã trình-bày, Đảng Cộng-sản In-Đô-Nê-si-a được thành-lập từ 1920, ba năm sau cuộc cách-mạng Nga. Lãnh-tụ đầu tiên là Tan Malaka, nguyên là phần-tử thuộc đảng Dân-chủ Xã-hội Indies (do Sneevliet, người Hòa Lan, lập nên)

Sau vụ thất bại 1926, Tan Malaka đã trốn thoát và ẩn náu ở Bangkok. Từ đó ông ta tự ý rút ra khỏi hệ-thống Cộng-sản Quốc-tế. Còn Musso, một lãnh tụ quá khích khác đã lánh sang Nga.

Năm 1935 Musso được Staline ra lệnh trở lại In-đô-nê-si-a để tái lập đảng Cộng-sản. Tuy nhiên, mãi tới sau ngày công bố độc-lập năm 1945, chính phủ Sukarno kêu gọi các công-dân hoạt-động quy-tụ lại thành chính-đảng để tham gia sinh-hoạt chính-trị, thì Cộng-đảng mới thực sự được chỉnh đốn và tổ chức lại. Khi đảng đã đủ mạnh, ngày 18-9-1948, Musso lại ra lệnh võ trang nổi dậy ở Madiun, Đông Java, dù khi ấy Cộng-hòa In-đô-nê-si-a còn đang tranh chấp với Hòa Lan. Cuộc nổi dậy đã bị quân đội phá vỡ làm cho đảng viên Cộng-sản phải lần trốn vào vùng rừng núi Trung Java. Musso và nhiều lãnh-tụ khác đã bị bắt và bị giết.

Trong khi Cộng-đảng đang tan rã thì Tan Malaka về nước. Ông ta quy tụ các du-kích quân lại, thành lập Đảng Murba Mác-xít, một thứ Cộng-sản quốc-gia, và mở chiến-dịch đấu tranh chống chính-quyền In-đô-nê-si-a, chống quân xâm-lược Hòa, và chống cả những phần tử Cộng-sản thân Nga. Hoạt động của Murba vốn ven được vài tháng thì Tan Malaka bị quân đội bắt và xử tử (1).

Năm 1950, giữa lúc Cộng-sản đang tan tác thì một nhân vật trẻ tuổi rất lỗi lạc là Dipa Nusantara Aidit đã từ ngoại quốc trở về tập hợp và chỉnh đốn lại đảng. Aidit là một cán-bộ cao cấp đã trốn thoát sau vụ Madiun. Với sự tháo vát và tài lãnh-đạo đặc biệt của Aidit, chỉ trong một thời-gian ngắn Cộng-đảng lại trở ra hoạt-động công khai. Năm 1952 số đảng-viên quy tụ được chừng 8.000. Nhưng với sự ủng hộ mãnh liệt về tài-chánh của Hoa-Kiều và của cả Bắc-Kinh cùng với sự hỗ trợ tinh-thần của chính Tổng-thống Sukarno, Đảng Cộng-sản đã phát triển tới một mức độ kỳ diệu. Vài năm sau số đảng viên đã lên tới hai triệu. Ở Java, cuộc bầu cử năm 1955 Cộng-sản chiếm 20,6%, và năm 1957 vọt lên 27,4%.

Mười năm sau Đảng đã phát triển tới số đảng viên 3 triệu, cộng thêm 16 triệu trong các tổ chức Đảng Đoàn. Những tổ chức Đảng Đoàn gồm có Đoàn Nông dân (BTI) 8.500.000 người, Tổ-chức

(1) Sau này, khi ngã hẳn về phía Cộng-sản, Sukarno đã cố tình cứu vãn lại những đồ vỡ trước bằng cách đề cao Tan Malaka là anh hùng dân tộc. Năm 1962 bản tiểu sử Tan Malaka đã được chính thức công-bố trong đó có đề cập đến cái chết của ông mà nhà cầm quyền đã che đậy bằng cách cho là bị bắn lầm.

Nghiệp - Đoàn thợ thuyền (SOBSI) 3.500.000 người, Đoàn Thanh - niên Cộng-sản (Pemuda Rakjat) 2 triệu và Đoàn Phụ-nữ Cộng-sản (Gerwani) 2 triệu.

Lý-do mà Sukarno đã nâng đỡ Cộng-đảng là vì ông muốn Cộng-đảng có ưu thế hơn trong liên hiệp Nasakom để duy trì thân hữu với Trung-Cộng hầu hành lập Trục Bắc Kinh-Djakarta mà k-uyh đảo thế giới (1).

Về phía Cộng-sản, Aidit đã trắng trợn ve vuốt Sukarno bằng cách nhiều lần lên tiếng ca tụng ngũ niêm Pantja Sila, dù ngay tín-niệm đầu tiên về Thượng-đế đã hoàn toàn phản lại ý-thức Mác-xít. Aidit cũng triệt để ủng hộ Sukarno trong cuộc chiến tranh với Mã-lai-Á sau khi Liên-bang này được thành lập (2). Và sau cùng Aidit đã không quên săn sóc đến sức khỏe của Tổng thống bằng cách yêu-cầu Bắc-kinh gửi riêng tới một y-sĩ chuyên môn để lo trị bệnh đau thận cho Tổng-thống.

Sang năm 1965, Sukarno bị đau luôn, và ai cũng nhìn thấy rõ là khi ông ta nằm xuống thì thể ba chân Nasakom cũng sụp đổ theo Thực ra, cho tới 1965, Đảng Cộng-sản đã quá mạnh mẽ có thể nói là chỉ còn thể hai chân: Cộng-sản và không Cộng-sản. Chủ chốt bên phe Không Cộng-sản là các tổ-chức Hồi-giáo và Quân-đội (trừ Không quân thiếu Cộng). Tình-trạng thù nghịch đã căng thẳng đến độ không còn có thể chấp nhận chung sống, và khi tình thế bắt buộc ắt phải kể còn người mất.

Do đó, vai trò vị y-sĩ của Sukarno đã trở nên vô cùng quan trọng. Và, không biết ông ta đã báo cáo thế nào về sức khỏe của Tổng-thống mà Đảng Cộng-sản vội vã đi tới quyết định đảo chánh để giữ thế tay trên.

Chính biến và hậu quả

Đêm 30-9-1965, năm ngày trước ngày kỷ-niệm 20 năm thành-lập quân-đội, cuộc nổi dậy đã được mở màn bằng hành-động đột kích vào tư thất các tướng lãnh cao cấp nhất của quân-đội. Kết-quả ba tướng, trong đó có Tổng-tham-mưu-trưởng Yani, bị giết tại nhà, ba tướng khác bị bắt đem về Căn-cứ Không-quân Halim hành quyết, riêng tướng Nasution Tổng-trưởng Quốc-phòng đã thoát trong gang tấc, tuy bản thân đã bị thương và con gái 5 tuổi bị bắn chết.

Người chỉ-huy trực tiếp đêm chính-biến là Trung-tá Untung, Tiểu-đoàn trưởng Tiểu-đoàn Cận vệ Phủ Tổng-thống. Untung giải-thích hành-động của mình là cốt đập tan cuộc đảo chánh đang được Hội-đồng Tướng lãnh dự trù. Tiếp tay với Untung ngay từ phút đầu là một số đơn vị có ộng-sản xâm nhập, Tư-lệnh Không-quân Dhani và Căn-cứ Không-quân Halim các Đoàn Thanh-niên và Phụ-nữ Cộng-sản (được huấn-luyện sử-dụng vũ khí tại Halim)

Ngày ra quân đầu tiên kẻ như đã hoàn toàn thành công. Tờ Harian Rakjat, nhật-báo chính thức của Đảng ộng-sản đã in lên trang nhất bức vẽ một nắm tay to lớn trên đề GESTAPU đang dấn vào mặt một viên tướng In-đô-nê-sia. GESTAPU là chữ viết tắt Gera'tam Sepember Tiga Pulu'ah có nghĩa là Cuộc Vận động 30 Tháng Chín.

(1) Ngày 17-8-1965 trong lễ kỷ-niệm Độc-lập, Sukarno còn đề cập đến một cái trục lòng thông hơn từ Jakarta qua PnomPenh tới Hà-nội Bắc Kinh và Pyongyang (Bình-Nhưỡng; thủ đô Bắc Hàn).

(2) Trong dịp này Sukarno đã rút In-đô-nê-sia ra khỏi tổ chức Liên-Hiệp-Quốc.

Tờ báo cũng hô hào dân chúng hãy hưởng ứng cuộc Vận-động và sẵn sàng đối phó với mọi biến cố.

Biến cố đã xảy ra, hoàn toàn bất lợi cho phe Cộng. Vì ngay ngày hôm sau, tướng Suharto, Tư-lệnh Lực-lượng Trừ-bị Chiến-lược KOSTRAD đã tung quân tiến chiếm các vị-trí trọng yếu và cả căn cứ Không-quân Halim. Sự trống trải ở thủ-đô của phe đảo chánh rất yếu ớt. Tại các quân-khu khác quân đội cũng dần dần làm chủ tình thế. Nasution đã cùng Suharto lập kế-hoạch bình định trên toàn quốc. Sự phẫn nộ trong quân-đội cũng như trong quần chúng đã lên cao đến cực độ từ khi người ta phổ biến những tấm hình các tướng lãnh bị giết và loan truyền những câu chuyện có thể đã được phóng đại thêm về những cái chết thê thảm của họ. Trong tang lễ các tướng lãnh bị hạ sát (mà Sukarno và hầu hết nhân-viên hội-đồng nội-các của ông không dự (Tư-lệnh Hải-quân đã thốt lên một tiếng duy nhất *Sikat* có nghĩa là *quét sạch* trước đám sinh viên Hồi-giáo. *Sikat* đã trở nên một khẩu-biêu khủng khiếp. Thanh niên Hồi-giáo đã biết họ phải làm gì và với sự tiếp tay của quân-đội họ cũng biết là phải quét sạch những gì. Thế là cuộc thanh trừng trên toàn quốc bắt đầu bùng nổ.

Tại thủ-đô, trụ-sở Đảng Cộng sản và nhà riêng lãnh tụ Aidit bị triệt hạ. Thanh niên Cộng-sản và Hồi-giáo đánh

giết nhau ngay trên đường-phố. Trong khi tại các địa phương khác, đâu đâu cũng thấy máu đổ người chết, nhất là ở Java và hòn đảo nhỏ Bali. Quân-đội đóng vai phối-trí hành-quân, nhưng chính chủ-động là thành-phần thanh-niên Hồi-giáo. Họ tổ-chức thành từng đoàn võ-trang bằng súng ống của quân-đội hoặc bằng dao nhọn, sục sạo vào các làng xóm ; kiểm soát từng gia-đình với sự chỉ-điểm của các phần tử chống Cộng địa phương. Họ đã bắt đi hàng xâu đảng viên Cộng-sản và thủ tiêu ở một ven sông hoặc núi nào đó. Nhiều nơi các chi bộ Cộng-sản có võ trang đã chống cự lại mãnh liệt. Nhưng nơi nào Cộng-sản càng cự quậy thì lại càng bị tàn sát dã man. Ở Trung Java, có làng được kiểm kê là 100% Cộng-sản, tất cả dân làng đã bị bắt và bị giết hết chỉ trừ trẻ con. Aidit, lãnh-tụ Cộng-đảng đã trốn thoát khỏi thủ-đô, nhưng vài tuần lễ sau cũng bị bắt tại Trung Java và bị hành quyết.

Cuối năm 1965, tổng thống Sukarno đã công bố con số người bị giết là 87.000, nhưng một nhân-viên trong phái-đoàn điều-tra của chính-phủ cho rằng tổng-thống đã chỉ nói ra 1/10 con số thực (1). Chính-phủ đã che giấu sự thực để cho tấm thảm kịch In-đô-nê-sia được dịu bớt trước mắt thế-giới. Ai

(1) In-đô-nê-sia Upheaval. John Hughes, David McKay Co, Inc 1967.

VIÊN THUỐC HỒNG
CÓ SINH-TỐ C

Neurotonic

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

cũng biết là số người chết còn cao hơn nhiều, nhưng lâu hết cũng không dám nghi quá con số nửa triệu. (1).

Song song với chiến-dịch *triệt-hạ Cộng-sản* địa phương (mà người In-đô-nê-sia gọi là *Ganjang Komunis*), sinh-viên ở Djakarta cũng đổ phá luôn tòa đại-sứ Trung Cộng trong khu H. -kiểu Glodok Hoa-kiểu khắp nơi bị khủng bố bên nội Trung-Cộng phái đem ào đến để chờ đũa về Hoa-lục. Hằng ngày luôn luôn có hàng ngàn gia-đình Trung-hoa ăn chực nằm chờ ở bến tàu để đợi có chỗ ra đi.

Sang năm 1966, tuy những ngày khủng khiếp đã qua, nhưng In-đô-nê-sia vẫn còn tiếp tục sống trên sự xáo động mạnh về chính trị. Sukarno đã cố-gắng lấy lại uy-quyền một cách tuyệt-vọng. Thành niên, sinh-viên liên tục xuống đường đòi lật đổ Tổng-thống. Hoạt-động nhất là Mặt trận Sinh viên Hành-động KAMI và Mặt trận Học-sinh Hành-động KAPPI San cùng, tới ngày 12-3-1967, Hội-nghị Tư-vấn Nhân-dân do Tướng Nasution giữ ghế chủ-tịch đã bỏ phiếu truất phế Sukarno và bầu Tướng Suharto lên thay. Sukarno rời bỏ chức vị Tổng thống năm 1967, nhưng thực sự chế-độ Sukarno đã chấm dứt từ sau 1965.

Trong những chiều hướng mới của tân chế-độ, người ta nhận thấy rõ ràng sự trở lại vị trí ở giữa trung thực hơn trước sự phân chia thế-giới của các khối Đệ-quốc (2) In-đô-nê-sia đã tái nhập

Liên-hiệp-Quốc và giao thiệp thân hữu với mọi quốc-gia trừ Trung-Cộng. Bị một thất bại chua cay trên vùng đất này, Trung - Cộng đã không nếm lại nhai chửi bới Tân chính phủ In-đô-nê-sia mà họ gọi là *Tập đoàn Quân-nhân Phát-xít Suharto*. Mọi đây, Bắc-Kinh còn la hoảng về mưu tính quân-sự hóa Liên-Minh Các Nước Đông-Nam-Á (ASEAN) do Suharto đề nghị nhằm tấn công Trung-Cộng. Trên thực tế, In-đô-nê-sia quả có đang nỗ lực vận-động thành lập Liên - Minh Các Nước Đông-Nam-Á, nhưng là để tạo sự hỗ trợ về kinh-tế dưới hình thức thị trường chung, và từ khởi điểm ấy sẽ tiến lần đến những hợp tác trong các địa hạt khác.

PHẠM-VIỆT-CHÂU

(9) Báo chí ngoại-quốc qua sự điều tra riêng đã đưa ra những con số khác biệt nhau: tờ Life ước tính 400.000, tờ Washington Post nửa triệu, tờ New York Times cho là trên nửa triệu, còn tờ Economist ở Luân-đôn góit trọn 1 triệu, trong đó Java có chừng 800.000, Bali 100.000, còn 100.000 chia cho Sumatra và các đảo khác.

(2) John Hughes, thông-tin-viên của Báo The Christian Science Monitor đã cảnh cáo: Hoa-kỳ cần nhớ rằng ngọn lửa của tinh-thần quốc-gia thiêu rụi Cộng-sản hiện vẫn còn được các nhà lãnh-đạo In-đô-nê-sia giữ cho bùng cháy. In-đô-nê-sia sẽ theo đuổi đường lối riêng của mình. Nếu phe Tư-bản đụng chạm vào ngọn lửa ấy thì cũng sẽ bị thiêu rụi như Cộng-sản.

REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

Hai giờ với thi sĩ Quách-Tấn về cụ Đào-Tấn

Tôi đến nhà thi-sĩ Quách-Tấn một sáng chúa nhật. Cuộc thân viếng hình linh này vì một nguyên do ! Một hôm, một em học sinh lớp Đệ-tam Văn-chương đến hỏi tôi :

— Giảng về Hát bội, thầy em có chứng dẫn vài nhân vật liên quan, trong đó có Đào Tấn. Thầy em có nêu lên điểm « tinh thần ái quốc » cùng dụng tâm của vị « đại quan » này. Quan-điểm ca tụng của thầy em trái ngược với tác giả bài « Cuộc hi trường » đăng trong Bách-khoa Thời đại số 283 ra ngày 15-10 68. Vì thế em đến hỏi ý kiến của thầy.

Và em mở sổ Bách-Khoa mang theo chỉ cho tôi bài của ông Nguyễn Văn Xuân.

Vấn đề không thể trả lời bừa-bãi hấp-tấp được, nhằm lẫn tức là phụ họa vào việc phổ biến rộng rãi điều sai lầm nếu không nói là đả tội với tiền nhân. Tôi hẹn đề đọc lại kỹ càng và sẽ trả lời vào một lần khác, vì, mặc dù đọc rồi, nhưng đã cách mấy tháng, làm sao nhớ cho đầy đủ được !...

Bởi bài có nói đến thi-sĩ Quách-Tấn, tôi quyết định tìm gặp tác giả « Nước non Bình-Định » ; ở một tỉnh thiếu hẳn một thư-viện, sách báo không biết mượn đâu ra để mà tra cứu thì ngoài cách trực tiếp hỏi, bàn luận với người có liên quan, chẳng còn cách nào hơn.

Thấy thi-sĩ đang nói chuyện với khách, tôi ngần ngại chưa muốn vào. Chợt anh ngừng đầu, từ trong nhà anh chạy ra vồn vã :

— Mời anh vào.

Tôi theo chân anh. Thì ra anh đang trò chuyện với một vị sư. Anh cho biết anh đã hoàn thành cuốn Khánh-Hòa, hiện anh duyệt lại mục thắng cảnh chùa chiền và anh nhờ vị sư (anh tươi cười giới thiệu nhà sư với tôi) bổ khuyết đôi tài liệu về sự tích thành lập vài chốn thiền môn...

Tôi ngồi chờ khá lâu cho đến khi câu chuyện chấm dứt, vị sư ra về. Sau khi anh tiễn chân vị tu hành ra tận ngõ trở vào, anh vừa ngồi xuống ghế là tôi nói ngay :

— Bây giờ thì đến phiên tôi phá rầy anh khá lâu đấy.

Như tưởng sực nhớ ra sự gì, anh xin lỗi, đứng dậy đi ra nhà sau, một lát đem vào cặp tách bình trà. Anh rót nước mời tôi uống.

Tôi trình-bày mục-dịch của tôi sau khi

kể cho anh nghe câu chuyện về em học sinh kia.

Anh mau mắn đáp lời tôi:

— Lâu quá tôi cũng không nhớ kỹ, vậy anh chờ cho tôi đọc lại bài của anh Nguyễn Văn Xuân đã chứ.

— Thi tôi nói đâu, anh nói đó. Qua mấy lần đều thấy anh bận khách. Bây giờ bảo chờ nữa thì biết lúc nào gặp anh hết khách như lúc này.

Anh cười. Tôi nêu ngay câu hỏi:

Theo anh thì cụ Đào Tấn có phải vì có tài tổ chức hát-bội mà được trọng dụng và thăng quan không?

Như sẵn sàng ở trong bụng rồi, anh đáp:

— Cụ Đào Tấn có tài soạn tuồng hát bội và có rành điệu nghệ, chứ không «có tài tổ-chức hát-bội».

Năm Tự-Đức thứ 24 (1871), sau khi đậu cử-nhân cụ được bổ làm việc ở Nội-Các, với hàm Kiềm-Tịch.

Qua năm sau, nhà vua biết cụ có tài soạn tuồng hát bèn sắc sai diễn tuồng Đàng-Khấu, Bình-Địch, Tam-Bảo, Thái Giám.

Năm Tự-Đức thứ 27 (1874) được thăng Biên-Tu rồi được đi tri-phủ Quảng-Trạch (Quảng-Bình).

Nhưng được ít lâu lại triều hồi làm việc ở Các. Và phụng chỉ cùng hai cụ Vũ đình Phương, Ngô Quý Đồng, soạn tuồng Vạn Bửu-Trình-Tường, Tứ-Quốc Lai-Vương và Quần-Trần Hiến-Thoại.

Đó là những bản tuồng vĩ-đại. Cụ Đào đóng vai chính. Hai cụ Vũ, Ngô chỉ thêm bớt và sửa chữa đôi chỗ thôi.

Vua Tự-Đức xem văn khen: «Thần hồ kỳ hỹ».

Giọng anh thong thả, ấm áp chỗ này, anh nhấn mạnh từng chữ «Thần hồ kỳ hỹ» trong cử điệu của một người tán thưởng, đầu nghiêng nghiêng hơi lắc lư, cặp mắt hơi mơ màng như hướng về dĩ-vãng, một chốc anh tiếp:

Đến năm Tự-Đức thứ 35 (1882) cụ ngồi Phủ-Doãn Thừa Thiên. Cũng năm này cụ được thăng Hồng Lô-Tự-Khanh.

Sau khi vua Tự-Đức băng hà, trong triều quyền hân lộng hành, cụ bỏ quan về nhà. Triều-đình nghị giáng tứ cấp.

Kể đó ông cụ thân sinh từ trần, cụ ở nhà luôn cho đến khi vua Đồng Khánh lên ngôi. Nhà vua triệu cụ về Kinh, cho làm Tham-Tá các-vụ.

Hai năm sau, thăng Quan-Lộc Tự-Khanh lãnh Thừa-Thiên Phủ Doãn (chức này dưới triều Tự-Đức - Tự-Đức thứ 35 - cụ đã lãnh được gần 1 năm).

Từ ấy đến triều Thành-Thái cụ được thăng chức luôn.

Năm Thành-Thái thứ 16 (1904) cụ về trí sĩ.

Được 3 năm, năm Thành-Thái thứ 19 (1907) thì thọ chung.

Như vậy có thể nói rằng nhờ soạn tuồng hát hay mà được thăng quan, bởi vì cụ Đào ra làm quan triều Tự-Đức, đã dùng một phần lớn thời giờ để soạn tuồng theo sắc lệnh của nhà vua. Còn bảo rằng nhờ có tài soạn tuồng mà được trọng dụng thì không. Vì công việc soạn tuồng hát và công việc của một ông quan trong nội-các là công việc giấy tờ soạn thảo theo mệnh-lệnh của người trên, đâu phải là việc quan trọng. Làm quan mà ở các thì có thua chi «đàn bà góa», phần nhật hương phai trong bóng tối.

Tôi mỉm cười, anh vẫn tiếp, giọng thay đổi, từ đều-đậm dần sang giọng hơi khôì hài ngắt quãng :

— Cho nên không mấy người ưng. Nếu « trọng dụng » kiểu đó thì đừng trọng dụng còn hơn.

— Nghĩa là (tôi chen lời hỏi để được kỹ vấn-đề) có thể nói trái lại rằng chính vì tài soạn tuồng hát làm cho vua Tự-Đức yêu mến mà giữ mãi cụ ở trong Các ?

— Phải, chính vì vậy mà cụ Đào, suốt triều Tự-Đức, không mấy khi thi-thố được tài năng về chánh-sự.

— Tức là có lợi về mặt làm văn, nhưng không lợi cho đời làm quan ?

— Quả đúng như lời anh. Chỉ dưới triều Đồng-Khánh, Thành-Thái, cụ mới được trọng dụng. Song dưới hai triều-đại này, cụ không soạn tuồng hát cho vua nữa.

Anh nghĩ hơi, đưa tay rót thêm nước mời tôi uống. Tôi đặt ngay câu hỏi khác:

— Hát bội hồi đó có phải là một «phương cách bá đạo» mà cụ Đào-Tấn được ủy thác làm nhiệm-vụ kín đã lợi dụng để giúp cho việc tiêu-diệt các phong-trào Cần Vương, Văn-Thân không ?

Uống hết tách nước, bình tĩnh, chậm rãi anh đáp :

— Như tôi đã nói, cụ Đào-Tấn phụng-chỉ soạn tuồng dưới triều Tự-Đức, còn phong-trào Cần - Vương Văn - Thân dưới triều Hàm-Nghi, Đồng-Khánh, thì sao có thể bảo «Hát bội là một phương-cách bá-đạo mà Đào-Tấn được ủy-thác làm nhiệm-vụ kín đã lợi-dụng để giúp cho việc tiêu-diệt các phong-trào Cần-Vương, Văn-Thân » ?

Còn bảo « hát bội hồi đó là một phương-cách bá-đạo » thì, xin lỗi ông bạn, thật là phi-lý. Nếu dùng Hát-bội để làm việc bá-đạo là lỗi nơi người đầu phải là lỗi nơi Hát-bội. Thời Đồng-Khánh, Thành-Thái, nếu quả thật bọn mãi quốc cầu vinh có dùng hát-bội để làm cho người say-đắm không còn nghĩ gì đến việc nước việc nhà, thì các nhà chí-sĩ ở Bình-Định cũng đã dùng hát-bội để đề-cao chữ trung, chữ hiếu. Như cụ nghè Nguyễn-Trọng-Trì, một lãnh-tụ trong phong-trào Cần-Vương Bình-Định, đã soạn và cho diễn xuất tuồng Phụng-Hoàng-Anh và Lý-Phụng-Đình, sau ngày Phong-trào Cần-Vương bị tan rã. Hai bõn tuồng này rất hay về văn-chương, lại phản-ảnh được một xã-hội hỗn-loạn là xã-hội Việt-Nam thời bấy giờ và một nếp sống thanh cao của hạng người biết quý-trọng phẩm-giá...

Anh ngừng nói, nhưng không để cho tôi kịp chen lời, bằng một giọng chắc chắn, đầy tự tin, anh tiếp :

Phải nói rằng « hát bội là một lợi-khí tuyên truyền rất sắc-bén ». Chính ông cha chúng ta đã dùng để giáo-dục quần-chúng ăn ở theo đạo Thánh Hiền, dùng để vạch rõ những kẻ trung người nịnh, kẻ thiện người ác.

Chúng ta phải biết rõ giá-trị của hát bội. Mặc dù bắt chước Tàu, bắt chước Chăm, nhưng những cách điệu ngoại-lai một khi vào hát bội rồi, thì hoàn-toàn bị Việt-Nam-hóa. Các nước đều có ca-kịch cổ-điển. Mỗi nước có một tính-chất riêng. Hỏi nước Việt-Nam ta ca-kịch cổ-điển là gì, nếu không phải là hát-bội...

Bởi vậy, tôi thiết-tưởng không nên dùng những chữ quá nặng-nề «phương

cách bá đạo" đề n'oi về hát bội, mặc dù có kẻ đã lợi-dụng đề làm việc không hay.

Tôi cạn tách nước thứ ba ; hương vị trà tựa tựa hương trà xanh xứ Huế. Tôi ngẩng ra ngoài nhìn đôi con chim đang hót cọt đũa với gió sông tại nơi nhánh cây mận trong sân, định để anh nghỉ hơi một chút, nhưng thấy anh tần ngần nửa muốn dừng, nửa muốn nhấn mạnh thêm điều gì, tôi liền bắt sang một câu hỏi có liên quan đến tác giả bài « Cuộc hí trường » :

— Trong bài « Cuộc hí trường », ông Nguyễn-văn-Xuân bảo rằng : binh vực cho Đào-Tấn, anh đã dùng nhiều cảm tình hơn lý tính. Xin anh cho vài sự-kiện nào đặc biệt để biện-minh cho tư-cách, nhân-phẩm của vị « đại thần » dưới triều Đồng-Khánh này ?

Anh đứng dậy, đi lại phía tủ sách, định lấy cái gì, nhưng lại thôi. Anh trở lại ghế ngồi, dịu dàng trả lời tôi :

— Ông Nguyễn-văn-Xuân cùng tôi là chỗ quen thân. Có lẽ Nguyễn-quân nhận thấy tôi là người giàu tình cảm, nên nói thế. Chớ sự thật, khi viết về cụ Đào-Tấn tôi đã suy xét kỹ lắm.

Nguyễn-quân ngờ « tinh thần ái-quốc » của cụ Đào-Tấn, không phải là không căn cứ.

Năm Ất-Dậu (1885) hường ứng chiếu Cần-Vương của vua Hàm-Nghi, hầu hết các sĩ phu trong nước đều nổi dậy chống Pháp. Nghĩa-binh Cần - Vương Bình-Định do Mai-Xuân-Thường lãnh đạo cho người đến mời cụ Đào gia-nhập. Lúc bấy giờ cụ Đào ở nhà tại Vinh-Thạnh (Tuy Phước) linh gian cho ông

cụ thân-sinh. Cụ Đào từ chối. Chí-sĩ Nguyễn-trọng-Trì vỗ án thét :

— Thời thái-bình lo hưởng ân vua lộc nước, mũ cao áo dài. Đến khi gặp quốc nạn lại tìm cách ăn thân để bảo-toàn tánh-mạng. Như vậy lòng trung-quân để đâu, lòng ái-quốc để đâu ?

Đoạn cho quân đến nhà vây bắt để làm tội.

Cụ Đào biết được, nhảy qua rào sau, tàu-thoát, lên chùa Linh-sơn ẩn-náu.

Sau vua Đồng - Khánh lên ngôi (1889) triệu cụ về kinh, giao việc sửa chánh-sự cho kỹ-cương được nghiêm túc, rồi thăng Quang-Lộc Tự-Khanh, lãnh Thừa-Thiên Phủ Doãn v.v... Thời bấy giờ vua Đồng-Khánh không được giới sĩ-phu công-nhận. Cụ Đào đã không tham-gia phong trào Cần-Vương mà còn ra làm quan cùng « nguy triều » thì làm gì không bị mang tiếng.

Cụ rất lấy làm khổ tâm. Và tâm sự của cụ thường thể hiện nơi những câu tuồng mà tôi đã trích dẫn trong bài viết về cụ năm 1960 đăng ở tạp-chí Lành-Mạnh (1).

Nhưng rồi thái-độ và hành-vi của cụ khi làm quan, hết đời Đồng-Khánh đến đời Thành-Thái đã khôi phục uy danh của cụ. Đến lúc về trí-sĩ (với hai bàn tay trắng, ngôi từ-đường bằng tranh vẫn còn bằng tranh) còn được tiếng công minh liêm chánh.

Khi cụ mất thì tôi chưa sanh, làm sao tôi biết được ?

Đó là tôi bằng theo lời nói của các

(1) Kẻ viết bài này về nhà có tra cứu lại thấy có đăng trong các số 47, 48, 49, 50.

bậc tiền bối còn sống lúc tôi đã lớn khôn. Như :

— Cụ Phan-Bội-Châu mà lòng ái-quốc không ai có thể nghi-ngờ.

— Cụ Đào-Phar-Duân, là một bậc túc nho đến cụ Huỳnh-Thúc-Kháng, Phan-Bội-Châu cũng phải kính phục về tài đức.

— Cụ Hồ-Sỹ - Tạo, một chiến sĩ chống Pháp bị án khổ sai chung thân.

Các cụ đều ca-ụng văn tài và đức độ của cụ Đào-Tấn. Cho đến cụ rghè Nguyễn-Trọng-Tri, sau này cũng trở thành một người bạn xương thù.

Nếu cụ là người tà ngụy thì riu búa xuân-thu đâu có tha thứ cụ, sĩ-phu Bình-Định đâu có ca-ngợi cụ, và nhân dân làng Vinh-Thạnh đâu có lập miếu thờ ? Có ai không chê Nguyễn-Thân, Hoàng-cao-Khải ? Có ai lập miếu thờ 2 người ấy ?

Ông Nguyễn-văn-Xuân, vì không sống ở Bình-Định, nên không rõ thái độ người Bình-Định đối với kẻ vạ người ngay.

Anh nói một hơi, giữ y một thế ngồi. Tôi im lặng chăm chú vừa nghe vừa ghi. Có lúc như tưởng bị kích thích mạnh, dù vẫn một giọng bình thường, anh nói hơi mau, tôi phải xin anh chậm lại. Tôi nhắc đến điểm thắc mắc của tôi về tên bồi của viên khâm sứ, anh giải như sau !

— Việc tên bồi của viên khâm-sứ mà Nguyễn-quân cho là một việc nhỏ như việc tát tai công sứ, là vì chưa rõ sự-kiện. Chuyện này trong những bài tôi viết về cụ Đào tôi không nêu ra, vì một lẽ riêng. Tôi xin nói qua rằng tên bồi của viên khâm-sứ thời ấy là một con hùm xám làm hại đồng-bào Huế rất

nhều. Các quan lớn nhỏ đều sợ, vì tên bồi rất được viên khâm-sứ tin yêu. Cụ Đào đã chém đầu tên ấy ngay trước Phủ-Doãn, mặc dù viên khâm-sứ thân hành đến can-thiệp.

Phải có can-đảm lại khí-tiết lớn mới dám xử sự như thế. Chớ như bọn chúng ta, anh, tôi... dù có « mượn với bạc triệu » e cũng từ chối lấy cớ rằng mình tu-hành không dám phạm-sát.

Anh nhìn thẳng vào mặt tôi, cười vui vẻ, rồi tiếp :

Nhưng không cần đến sự-kiện ấy. Chỉ nội những lời phê-phán của các vị tiền-bối có uy-danh trong nước, như ba vị tôi đã kể trên cũng đủ « biện minh cho tư cách, nhân-phẩm của vị đại-thần dưới triều Đồng-Khánh ».

Như vậy (hót lời anh, tôi chận hỏi liền) anh nghĩ như thế nào về việc cụ Đào-Tấn ra làm quan cùng vua Đồng-Khánh mà người đương thời khép là « ngụy triều » ?

Không ngần ngừ, anh trả lời tôi :

— Việc cụ Đào-Tấn ra làm quan cùng vua Đồng-Khánh, phải hay không thì nên xét nơi công việc nơi thái-độ của cụ lúc đắc thời

Sĩ các hữu chí.

Rút kiếm chặt đầu giặc để cứu nước đó là chí khí của bậc anh-hùng. Dùng ngọn bút để yên trăm họ là chí nguyện của con nhà văn-học.

Nếu lấy cớ « ra làm quan cùng ngụy triều » là bằng cớ chứng minh rằng « không có lòng yêu nước » là « bất chính » thì Liễu - Hạ - Huệ đâu được tiếng Thánh chí Hòa, Dịch-Nhân-Kiệt đâu được tiếng trung-thần mà đời đời trọng - vọng.

Thiếu chi người ứng nghĩa Cần-Vương mà rốt cuộc trở thành một tên phản dân phản nước. Như Vũ-Phong-Mậu, tham trấn thứ Hương-Sơn Bình-Định. Ông này khi lên nắm quyền tham-trấn, lợi dụng quyền thế làm nhiều điều bất liêm bất chính. Quản-trấn là Trần - Tân khuyên can không được. Sau hai bên xích - mích nhau, Tham Mậu bắt Quản-trấn đem chôn sống. Phong-trào Cần-Vương mất đi một chiến sĩ ưu tú. Khi phong trào bị tan rã, chính Tham-Mậu là người ra đầu thú trước tiên và được Pháp cho đi huấn-đạo. Được ít lâu về nhà bị cộp bẻ cổ và nghìn thu lưu xá nơi bia miệng thế gian và trong tường Trúc-Lâm, tục gọi là Tường Thứ Hương-Sơn của Bình-Định.

Cũng thì ứng nghĩa Cần - Vương chống Pháp, mà Mai - Xuân-Thường, Tăng-Bạt-Hồ... được hiển danh, nhân dân Bình-Định xây lăng lập đền thờ phượng. Còn Vũ - Phong - Mậu lại bị thanh nghị giáng búa hạ rìu ?

Như thế đâu có phải tham gia công việc chống Pháp là yêu nước yêu đời. Và cũng thì ra làm quan mà cụ Đào Tấn được sĩ-phu Bình-Định kính trọng cho đến ngày nay, còn Phan-Bá-Hoành (cũng người Bình-Định) bị nghìn thu

phủ-nhờ, vì ham chút công danh mà làm lụy hai nhà chí-sĩ Trần-Quý-Cáp và Hồ-Sĩ-Tạ. Đó cũng do hành-động quyết định sự khen chê. Chắc anh đồng ý ?

Liếc nhìn đồng hồ, thấy gần 12 giờ trưa rồi, tôi hỏi anh một câu chót :

— Ngoài « Nước non Bình-Định » anh còn định làm gì cho Bình-Định nữa không ? Anh biết nhiều về cụ Đào Tấn, tại sao anh không viết một tác phẩm về nhân vật này ?

— Trong công việc tôi đang làm cho Bình-Định gồm có việc soạn thảo :

- * Nước non Bình-Định (đã in)
- * Nhân vật Bình-Định.
- * Hát-Bội Bình-Định.
- * Võ Bình-Định.

Cụ Đào-Tấn ở trong quyền Nhân-vật Bình-Định. Anh sẽ thấy rõ khi đọc quyển ấy, tôi có thiếu lý-trí chẳng. Còn bây giờ thì anh hỏi đâu tôi nói đó.

Cả hai chúng tôi cùng cười. Một bóng phụ nữ lấp ló ở phía phòng sau. Tôi đoán người nhà đang chờ cơm. Tôi đứng dậy cảm ơn vì kiểu từ. Mạnh sẵn gạch trước hiên chan hòa ánh nắng chói lọi. Anh đưa tôi ra ngõ và bắt tay tôi thật chặt trước khi tôi chào từ giã...

CHÂU-HẢI-KỲ

THUỐC BÒ : **ACTIVIT**

TRỊ LAO LỰC, BỔ MÁU, BỔ PHỔI,
BỔ CƠ THỂ,
CÓ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN.

Đào tạo ký-giả

tại các quốc gia kém mở mang

TIÊU CHUẨN ĐÀO TẠO

Xác định tiêu chuẩn đào tạo là một công việc khó khăn. Thật vậy, tiêu chuẩn của một người ký giả biến đổi với thời gian và không gian.

Ngay tại nước Mỹ, một nhà báo vào năm 1734, như John Peter Zenger, vừa là một phóng viên, thợ sắp chữ vừa là người viết bài bình luận, chủ bút, phát hành báo v.v... chắc hẳn sẽ khác xa một nhà báo hiện tại.

Ngày nay, chỉ riêng một phần sắp chữ, hoặc hình ảnh cũng phải cần biết bao nhiêu người.

Báo chí tiến từ giai đoạn tiểu công nghệ sang kỹ nghệ cũng sẽ biến đổi luôn phương pháp làm việc, năng khiếu và ngay cả tinh thần của người làm báo.

Những tổ chức bao la của cơ sở báo chí hiện tại, phát hành hàng trăm ngàn tới hàng triệu bản đã thay đổi bộ mặt báo chí và cũng thay đổi luôn tiêu chuẩn của người ký giả.

Việc ấn định tiêu-chuẩn ký giả ở một quốc gia chậm tiến càng khó khăn hơn, nó tùy thuộc ở chính sách quốc-gia và trình độ báo chí của mỗi quốc gia đó. Bởi vậy, ấn-định tiêu-chuẩn phải nhận

định những điểm tương đồng, đối với các báo chí tiên tiến nhưng đồng thời cũng phải tìm kiếm những điểm dị biệt đối với các nước trên. Đôi khi còn phải kiểm những dung hòa cần thiết cho những mâu thuẫn giữa những dị biệt đó.

Cũng như bất cứ một nghề nghiệp nào khác, tại các quốc gia tiên tiến, công việc đào tạo những người hành nghề báo chí cũng đặt vào hai mục tiêu : khả-năng chuyên môn và luân-lý chức-nghiệp

Về khả năng chuyên môn, tất cả những nhà báo như chủ bút, thư ký tòa soạn, trưởng biên, phóng viên, đặc phái viên v.v. đều thực hiện một công việc : làm tin chính xác và nhanh chóng. Việc « làm tin chính xác và nhanh chóng » của nghề báo đòi hỏi các ký-giả làm việc không kể ngày đêm, đôi khi không có thời giờ để mơ mộng. Chính vì vậy, một ký giả cần có nhiều đức-tính : tinh thần vững mạnh, óc quan sát bén nhạy, cởi mở, tháo vát, kiên nhẫn, tài viết, sức khoẻ dồi dào và nhất là học vấn vững chắc. Một học vấn vững chắc có thể hiểu là tốt nghiệp đại-học hoặc là có một kiến-thức tương đương như vậy.

Đối với luân lý chức nghiệp, các ký giả của một nền báo chí mở mang thường căn cứ và hiến-chương 1918 qui định các bổn phận của người cầm bút. Hiến-chương này, cũng như Bản tuyên ngôn của Đại-hội kỳ II của Liên-đoàn Ký-giả Quốc-tế nêu lên những điều phải theo của một ký-giả như: tôn trọng sự thật, bênh vực quyền tự-do thông-tin, bình-luận, không để cho bất cứ cơ quan nào kể cả chính-phủ xen vào nội-bộ những người cầm bút v.v. (1)

Tất nhiên về khả năng chuyên môn, một ký-giả nước chậm tiến cũng cần có đủ những điều-kiện đó. Về luân-lý chức-nghiệp, ký-giả tại nước chậm tiến thường cũng phải noi theo. Tuy nhiên, về tiêu chuẩn đào tạo, tại các quốc-gia kém mở mang, cũng có nhiều điều khác.

Như ở phần đào tạo ký giả trong khuôn khổ quốc gia người viết đã nhấn mạnh tới tính chất « phát triển quốc gia » của báo chí. Với nhiệm vụ « phát triển quốc gia », báo chí đã đóng một vai trò vô cùng khẩn thiết.

Vai trò giáo dục có thể nói là vai trò trọng yếu nhất của báo chí quốc-gia chậm tiến.

Một trong những yếu-tố để phát triển kinh tế và chính trị là trình-độ văn-hóa của dân chúng. Muốn nâng cao trình-độ văn-hóa, nhất là các kiến-thức chuyên môn về mọi ngành cho người dân, phương-thức tốt đẹp nhất vẫn là giáo dục bằng báo chí. Người nông dân nhờ những bài báo mà có thể có kiến thức để phát triển nông nghiệp. Người thợ có thể nhờ học hỏi bài báo về cơ khí để thăng tiến. Hơn bất cứ người dân quốc gia tiên tiến nào người dân quốc gia chậm tiến cần phải được giáo

dục bằng báo chí. Tại các quốc gia Cộng-sản, họ còn dùng báo chí để cưỡng bách giáo dục bằng cách chia ra những tờ đọc từng tờ báo rồi sau đó phải thảo luận về nội dung những bài báo.

Báo chí còn giáo dục về chính trị. Không có một phương pháp tuyên truyền nào cho chính sách quốc gia, cho sự xây dựng dân chủ, hoặc ngay cả cho một chế độ độc tài nào hữu hiệu bằng báo chí. Những bài bình luận, những bản tin khéo xếp đặt có thể hướng dẫn dư luận quần chúng theo lập trường của chính quyền.

Tính cách quan trọng đặc biệt của việc « phát triển quốc gia » đã được nhiều người có trọng trách về thông tin bàn luận. Ông Tor Jesdal, Giám đốc Ngành Thông-tin cơ quan UNESCO cũng đồng ý: « Các phương tiện thông tin có thể giữ một vai trò quan trọng trong việc nâng cao tình-trạng xã-hội tại một quốc gia » (2)

Jacques Léauté sau khi nói: « Chắc chắn là giáo-dục đi vào khắp nơi trong sứ mệnh thông tin ». Ông còn nhấn mạnh tới một khía cạnh tích cực hơn của việc phát triển quốc gia, đó là việc khích động tinh thần dân chúng: « Thông tin là một trong những phương tiện đóng góp cho cái đà hướng về tương lai, rất cần thiết cho một quốc gia đang mở mang. » (3)

Vì vai trò quan trọng của ký giả tại các quốc gia, chậm tiến trong công cuộc phát triển quốc gia, cho nên: về phương diện khả năng chuyên môn, chúng

(1) Có thể đọc rõ bản hiến-chương 1918 trong Bách Khoa số 217 « Đặc biệt Kỷ niệm 100 năm Báo chí ».

(2) Recueil des conférences op cit. 91

(3) Jacques Léauté. Ibid.

ta có thể rút ra kết luận: ngoài những khả năng cần thiết của một ký giả quốc tế, ký giả còn phải được đào tạo thêm các khả năng khác như sau :

— *Kiến thức quốc gia* : với bất cứ một cơ sở báo chí của quốc gia hậu tiến nào, phần tin phổ biến chiếm đa số vẫn là tin tức quốc nội. Vì vậy, kiến thức tổng quát là một kiến thức cần thiết cho mọi ký giả và những kiến thức sâu xa về quốc gia vẫn là điều mà ký giả nào cũng phải có.

Phát triển kinh tế tại các quốc gia chậm tiến, sử ký, địa lý v.v.. về chính quốc gia đó là những môn học không thể không có. Nhờ các kiến-thức quốc-gia này, người ký giả mới có thể đảm nhận được vai trò giáo-dục của báo chí một cách đắc lực.

— *Ký giả phải đóng góp cho việc phát triển báo chí* : Ngoài nhiệm vụ nặng nề là đóng góp chung cho việc phát triển quốc gia, ký giả các quốc gia chậm tiến còn phải là những người sẽ tích cực phát triển chính ngành mà họ đảm nhiệm, phát triển báo chí tại các quốc gia chậm tiến là một nhiệm vụ mà người ký giả cần đạt tới.

Như vậy, tình trạng báo chí của quốc gia đó phải được khảo sát. Tình trạng đó liên-bề với xã hội như thế nào, liên quan với định - chế chính - trị ra sao? Làm thế nào để đẩy mạnh sự phát triển trong tình trạng đó?

Nếu chưa thể khảo sát được một cách hệ-thống như trên, thì cũng phải tìm hiểu tình trạng báo chí tại chính quốc gia mình qua các bài thuyết trình về kinh nghiệm báo chí của các ký giả lão thành.

Như vậy, người sinh viên Ban Báo-chí-học mới có thể tránh được tình trạng ngỡ ngác, khi phải thực tế tiếp xúc với tình trạng báo chí tại quốc gia họ, vì trong trường học họ chỉ học về báo chí Tây-phương.

Sự hiểu biết về tình trạng báo chí của quốc gia mình, làm họ có thể đẩy mạnh công việc phát triển báo chí trong công cuộc phát triển quốc gia.

Ngoài ra, muốn phát triển báo chí toàn diện còn phải phát triển báo chí địa phương, tại các quốc gia tiền tiến, phân biệt tờ báo toàn quốc và tờ báo địa phương, người ta căn cứ ở tính cách lớn nhỏ. Còn cách tổ chức các tòa báo này đều giống nhau. Tổ chức Thông-tấn-xã cung cấp các ký sự, hình ảnh truyện, tranh vẽ, đều cho các báo. Nhờ có các máy tối tân như viễn ký, viễn ảnh, việc tổ chức một tờ báo địa phương tương đối dễ dàng như báo toàn quốc.

Trong khi tại các quốc gia hậu tiến, báo địa phương chưa có, hoặc rất thưa thớt, việc tổ chức cũng có nhiều trở ngại, thiếu thốn đủ mọi phương tiện. Muốn phát triển báo chí phải phát triển báo chí địa-phương. Như vậy, người ký giả tại các quốc gia này phải nắm vững được những khó khăn, những phương-thức để phát triển báo chí địa-phương. Có như vậy, ký giả mới có thể đóng góp vào việc phát triển thông tin báo chí quốc gia.

— *Ký giả làm việc phù hợp với tính cách tiêu công nghệ của các cơ sở báo chí của một nước chậm tiến.* Như trên đã nói, tình trạng báo chí tại quốc gia chậm tiến thật đặc biệt. Các cơ sở báo chí tại các quốc gia chậm

tiến hãy còn thô sơ và chỉ có tính cách tiểu công nghệ. Ký giả cần phải là người có thể làm việc một cách hữu hiệu trong các cơ sở này. Những cơ sở báo chí với máy móc chưa tới tân, nhân viên ít ỏi, số vốn nhỏ bé, khác hẳn với các quốc gia tiên tiến. Diop Obey cho rằng việc quản trị cơ sở báo chí chậm tiến cần phải được dạy ngay tại quốc gia đó, chỉ nên cho ký giả biết cách quản trị các cơ sở báo chí Tây phương bằng cách gửi đi tu nghiệp tại các quốc gia tiên tiến.

Vì tính cách đặc biệt của khung cảnh báo chí chậm tiến, nên nhiệm vụ của các nhân viên trong tòa soạn thật linh động. Trừ các đặc phái viên được gửi đi ngoại quốc, hầu như tại các quốc gia chậm tiến, bất cứ một phóng viên nào cũng được gửi làm đặc phái viên tại các tỉnh, nếu cần. Tình trạng đó là do tính cách tiểu-công-nghệ của báo chí, báo chí chưa tiến tới mức độ mà những phóng viên thật xuất sắc mới có thể được gửi làm đặc-phái-viên.

Cũng vì tính cách tiểu-công-nghệ một biên-tập-viên, một trưởng biên có thể làm công việc của một phóng viên và ngược lại, khi có những công tác dồn dập khẩn thiết. Nhiều khi một thư-ký tòa-soạn cũng có thể viết tin như một biên-tập-viên.

Lại nữa, tình trạng tập trung báo chí tại thủ-đô của các quốc gia chậm tiến, khiến nhiệm vụ của thông-tin-viên coi như không đáng kể. Tại các quốc gia tiên tiến các thông-tin-viên của các tờ báo lớn cũng là phóng-viên của tờ báo địa-phương.

Như vậy một ký-giả có cần phải có

kiến thức đại-học như các ký giả Tây phương không? Sự khảo sát cho biết kiến thức đại-học, dù ở quốc gia nào, vẫn là cần thiết cho ký giả. Tuy nhiên có cần đào tạo tất cả ký giả ở cấp đại-học hay không lại là chuyện khác. Nếu có một chính sách phát triển báo chí toàn diện, công việc đào tạo tốt hơn nên chia ra nhiều cấp, cấp đại-học, cấp tú-tài, cấp trung-học. Tất cả các ký giả thuộc các loại này sẽ được phân phối cho hợp với nhu cầu.

— Về phương diện luân lý chức nghiệp : Tính cách quan trọng của « phát triển quốc gia » là một nhiệm vụ của người ký-giả tại các quốc-gia chậm tiến. Từ nhiệm vụ đó, có thể suy ra hai hệ-luận :

★ Không phải các sự thực đều được trình bày tất cả. Với một quần chúng còn kém hiểu biết, một tin không có lợi cho chính-sách có thể làm xúc-động quần chúng và gây trở ngại việc phát-triển.

★ Tự do báo-chí có một giới-hạn. Người ký-giả không thể phát biểu các ý kiến bất lợi cho quốc gia.

Hai hệ-luận trên đưa tới những kết-luận có tính cách vi phạm bản Hiến-chương Quốc-tế 1918 và Tuyên-ngôn tại Đại-hội Kỳ II của Liên-đoàn Ký-giả Quốc-tế hồi tháng 4 năm 1954, và gây sự bất đồng ý kiến giữa các quốc gia chậm tiến và tiên tiến. Điều đó đã xảy ra gần tương tự khi các đại diện quốc gia tại Liên-Hiệp-Quốc năm 1958 thảo luận về điều khoản 19 và 29/2

(1) Recueil des conférences .. op.cit.89.

của bản Tuvên ngôn nhân quyền. (1).

Sự đồng ý giới hạn tự do báo chí tại các quốc gia chậm tiến có thể chấp nhận được với lý luận sau:

— Tự do chỉ là vấn đề tương đối. Ngay tại các quốc gia tiên tiến, vì tính cách tổ hợp của tờ báo do các nhà đại tư bản bỏ tiền ra, ký giả không thể tự do phát biểu theo ý kiến mình, tin tức được lựa chọn, hoặc được sửa theo một lối hành văn cho hợp với đường lối của tờ báo.

— Tự do báo chí tự bản chất không thể có được khi mà phương tiện không đồng đều. Một đại biểu Pakistan đã tuyên bố tại L.H.Q.: «Khổ thay cho các nước Á-Phi bị lạm dụng quyền tự do thông tin» (2). Báo chí Tây phương nhờ phương tiện đã có thể phổ biến những tin sai, mà vẫn được tin là thực, như cả thiên phóng sự của một ký giả Mỹ lừng danh là Stewart Alsop đã viết: « Một Tổng-thống thuộc Phi châu đã bán mẹ vợ làm nô lệ, thân sinh của một nhân viên cao cấp Katanga ăn thịt người v.v... »

Nhờ phương-tiện đầy đủ, các ý kiến và tin tức Tây phương tràn ngập thế-giới. Trong khi đó ý kiến và tin tức của Á-Phi không được phổ biến.

— Tự do báo chí chỉ có thể phát triển với sự phát triển của một quốc gia. Trước khi đạt tới tự do báo chí hiện tại, các quốc-gia Tây-phương cũng đã phải trải qua những sự hạn chế quyền tự do báo chí.

Như vậy, qua các khảo sát trên, có thể kết luận về luân-lý chức nghiệp của các ký giả tại quốc gia chậm tiến như sau:

— Người ký giả phải tuân theo bản Hiến-chương 1918 hay những văn kiện tương tự.

— Nhưng đồng thời người ký giả cũng có trách nhiệm như một chuyên viên trong việc phát triển quốc gia (3).

— Với hai trách nhiệm đó, đôi khi mâu thuẫn nhau, sẽ đưa tới một kết luận thứ ba, đó là sự xâu xé về lương tâm chức nghiệp. Khi nào nên tôn trọng hiến chương 1918, khi nào nên theo trách nhiệm quốc gia? Những trường hợp xâu xé về lương tâm chức nghiệp cần phải được thảo luận cụ thể tại môi-trường đào tạo ký giả, để cho người sinh viên có thể có một sự phân tích chín chắn giữa hai nhiệm-vụ trên khi hành nghề.

(Còn tiếp 1 kỳ)

TRẦN ĐẠI

Kỳ tới: Phương thức đào tạo

1 - Điều 19 Mỗi người có quyền tự do phát biểu ý kiến mình; quyền này gồm cả quyền tự do tìm kiếm, thu nhận và truyền bá những quan niệm và ý tưởng của mình qua bất cứ một biên giới nào với tất cả mọi phương tiện mà không sợ bị ngăn cản. Điều 21/2: trong sự thi hành những quyền hạn và những quyền tự do của mình, mọi người phải theo những giới hạn luật định, nhằm bảo vệ sự nhìn và sự tôn trọng những quyền hạn và những quyền tự do của người khác và để đạt được điều kiện luân lý hợp pháp, trật tự công cộng và hạnh phúc của toàn thể trong xã hội dân chủ. Trần Nhật Minh «vấn đề tự do Thông tin Báo chí tại các quốc gia cấp tiến» op. cit. 8.

(2) Trần Nhật Minh ibid.

(3) Quan điểm như trên là nhìn theo chính sách quốc gia khi nêu lên một luân lý chức nghiệp như vậy, người viết coi như là tại quốc gia chậm tiến chính quyền cũng như dân chúng nỗ lực thực hiện việc «phát triển quốc gia». Còn như tại các quốc gia không có một chính sách, chính quyền chỉ là một thứ đề đầu đề cõ dân chúng, thì vấn đề trên không đặt ra nữa. Những người làm báo khi đó, muốn báo chí là lợi khí chống đối với những loại chính quyền trên, ngược lại không những đòi hỏi mà còn phải đào tạo ra nhiều loại ký-giả có tinh thần tự do báo chí mạnh mẽ hơn.

Park Lane

Park Lane
VIRGINIA
KING SIZE

*Khắp nơi đều được
khen tặng nhờ:*

DẦU LỘC
MILK CHOLON

THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm Ngộ-Lão — Sài-gòn

Dây số 25 861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cỡ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển và Trương-mục Bưu-điện
số: 2.701 THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

Toán số với càn khôn

Một câu thai đại-số khác

Từ thời giấy Rhind của Ai-cập viết bằng chữ tượng-hình, lợi-ích của ký-hiệu đề thay số chưa được ý-thức và dùng đến nhiều. Cho đến thế kỷ 17 khi Descartes muốn tìm một thứ toán phổ-quát (*mathesis universalis*). Người ở Âu-Tây được xem là khai-môn đại-số-học là một toán-gia Hy-lạp, Diophantus, sống trước Tây-lịch khoảng từ 1 đến 4

thế-kỷ. Được biết Diophantus thọ 84 tuổi nhờ một môn-đề ghi lại trong một câu thai đại số. "Thiếu-thời của Diophantus mất hết 1/6 đời ông ta, ông đề râu sau 1/12 của đời. Sau 1/7 Diophantus cưới vợ, năm năm sau có con trai. Người con sống nửa đời của bố, và Diophantus chết bốn năm sau khi con chết. Cộng thêm 4 nữa là đủ số năm của cuộc đời Diophantus."

Phương trình sẽ là :

$$x = \frac{x}{6} + \frac{x}{12} + \frac{x}{7} + 5 + \frac{x}{2} + 4$$

Rút gọn thành $\frac{3x}{28} = 9$

$$3x = 9 \times 28 = 252$$

$$x = \frac{252}{3} = 84.$$

Diophantus được tôn làm tổ-sư đại-số học, không phải nhờ câu thai trên, mà vì ông là người đầu tiên dùng những ký-hiệu riêng và đã giải-quyết những phương trình gọi là vô-định hay *diophantine*, thứ phương-trình $f(x+y+z) = 0$ trong đó f là đa-thức và nghiệm-số x, y, z phải là nguyên-số. Ví dụ Lan lớn hơn một năm 10 lần tuổi của Cúc. Hỏi Lan bao nhiêu tuổi. Dĩ nhiên nếu Cúc 1 tuổi hay 2,3,4... 100... thì Lan sẽ có 11,21,31,41... 1001 tuổi. Phương-trình $x = 10y + 1$,

bề ngoài có vẻ đơn-giản nhưng sẽ có hai dãy nguyên-số đi theo lối $x = 10y + 1$ cho đến vô-cực. Nhờ dùng những dãy số đến vô-cực, toán-gia hiện-đại nghiên cứu những loại nguyên-số như số chẵn số lẻ, số nguyên tố v.v. và nắm được vài luật căn-bản về số đã theo.

Phân tích số từ phương-trình của Diophantus gọi là *thuyết về số*, một ngành toán học thuần - túy nhất. Diophantus đã góp công vào toán-học khi giúp ta sắp loại những số một kiểu, hơn

là chỉ tìm hệ-thức giữa số trong bài toán nhất định nào. Đại-số lần lần đã trở thành môn học riêng biệt.

Công-trình của từ phương

Khi khoa-học ở Tây-Âu bị lu mờ trong một cái h đen tối kéo dài đến ngàn năm; một số toán-gia Ấn-Độ và A-Rập đã duy-trì được môn học đại-số tại những trung-tâm học hỏi riêng biệt. Họ không tìm thêm được gì mới nhưng đã làm cho lối giải những phương-trình mất vẻ huyền-bí giả-tạo. Năm 825 sau Tây-lịch, hiền triết ở Bagdad tên al-Khowarizmi là người đã bày ra lối viết số theo thập phân, có viết một sách giáo-khoa về đại-số. Nhan-đề sách bằng tiếng A-Rập là *al-Jabr w'al muqabalah*, dịch ra đại-khái là «nghệ-thuật hợp những lượng không biết với lượng đã biết». Nghĩa đối với ta có xác hay không chẳng quan-trọng. Điều đáng ghi là hai chữ đầu *al-Jabr* là gốc của tiếng Pháp *algèbre*, tiếng Anh, Đức hay Nga *algebra*, mà Hoa với Việt dịch là *đại-số*.

Vấn-đề có nghĩa nhất mà toán-gia a-rập al-Khowarizmi để lại không giải-quyết là làm sao đến những số bây giờ ta gọi là số âm. Có ai đã cầm trong tay điều gì dưới số không không? Học sinh ngày nay bắt đầu học đại-số thuộc lòng luật cộng nhân cho cộng ra cộng, hay dương nhân cho dương ra dương, trừ nhân cho trừ ra cộng, hay âm nhân cho âm lại ra dương. Chỉ có người Ấn-độ là đã tìm ra lối hòa hợp hơi lạ đó và nhận-thức được khi giải một phương-trình bậc hai như $x^2=4$, không chỉ có giải đáp $x=2$ mà còn $x=-2$.

Điều trừu-tượng ấy phải chờ đến thế-kỷ 16 mới trở thành thông thường. Toán-gia Ý Leonard de Pisa hay Fibonacci,

sống ở thế-kỷ 12, 13, đã nhận ra số âm dưới hình-thức « người đầu tiên đã mắc nợ ». Chúng ta có thể lấy làm lạ sao các toán-gia thời ấy không đủ thông-minh để hiểu một điều quá giản-dị đối với một trẻ ngày nay. Nhưng, điều đó rất thường, nhận-thức của trẻ hay người lớn ngày nay đã hưởng nhờ những sự phát-minh của toán-học, của khoa-học, được phổ biến tại học-đường hay nhờ những phương-tiện chuyên thông văn-hóa, tuy nhiên, chúng ta vẫn có những thành-kiến dựa nơi cái học đã được chấp nhận, dựa nơi thứ « khoa-học đã làm xong » và cũng, như các bậc tiền-bối, không lĩnh-hội ngay điều gì quá mới lạ, không hiểu thấu những điều tìm kiếm của thứ « khoa-học đang tạo thành » mà đến một thời-gian sau lại có vẻ hiển-nhê và quá tầm thường.

Đến thế-kỷ 16, người ta biết giải-đáp phương-trình bậc nhất và bậc hai, mà chưa hiểu về phương-trình bậc ba. Những toán-gia giải-đáp được là một tu-si dòng Phanxi-cô người Ý Luca Pacioli, một giáo-sư Scipione del Ferro và môn-đệ là Antonio Fior, toán-gia Tartaglin, quen gọi là ông Cà-Lắm, ông này truyền lại cho Cardano bí-quyết để Cardano viết sách vĩ-đại về phương-trình (*Ars Magna*). Cardano đã chấp nhận ý-niệm về số âm, đưa ra những luật về loại số ấy. Cardano còn đề-nghị một loại số mới gọi là lượng nguy. Đó là căn bậc hai của một số âm — một điều khó chịu hơn số âm nữa, vì không có số nào nhân với mình có thể ra số âm được. Ngày nay, toán-gia gọi căn bậc hai của số như $\sqrt{-2}$ là số ảo, với ký-hiệu i .

Sự xung đột giữa khoa-học thuần-túy với óc vị-lợi thên-cận lại xảy ra một

lần nữa với số ảo này. Vào năm 1816, chiếc tàu *Méduse* bị đắm nơi bờ biển Tây Phi. Có 140 người trong số hành-khách bám được một cái bè (mà ba năm sau họa-sĩ Géricault đã dùng làm đề-tài bức tranh *Le Radeau de la Méduse* bây giờ có thể xem tại viện bảo-tàng Louvre ở Ba-ê). Mười hai ngày sau, khi được cứu, chỉ còn 15 người hấp hối. Trong lúc dư-luận Pháp đang xúc động vì cảnh khủng khiếp đã xảy ra, theo lời tường thuật của người sống sót, nào tàn sát lẫn nhau vì thức ăn nước uống, nào giết nhau để ăn thịt cho đỡ đói, trong lúc đó, tại viện Hàn-lâm Khoa-học, những nhà bác-học lại tranh-luận với nhau về con số ảo! Thật là một dịp rất may cho một vài nhà báo, không linh-hội được giá-trị của khoa-học thuần-túy đã gặp cơ-hội đề bộc lộ lòng nhân-đạo và tình thương nước thương nòi chỉ có mình mới có. Họ mở chiến-dịch chống lại lối học phù phiếm, viển-vông, xa hẳn những nhu-cầu thiết yếu của đồng bào, sống dai lâu và tàn-nhân của hạng "chỉ trích thậm-tệ bọn không biết đau đớn về cái chết thảm-thương của những người bị đắm tàu mà lo cãi nhau không những về toán số, mà về con số ảo, con số biểu-tượng cho điều không có nữa! Độc-giả của họ chắc đã hả dạ vì có người chỉ-trích thay mình công việc

khó hiểu của một thiếu-số khoa-bảng, ăn bám xã-hội mà xa lánh quần chúng. Con đường từ khoa-học thuần-túy đến thực-dụng có khi quá dài vì chưa có người hay cơ-hội chấp nối, hay có khi chẳng thấy tăm dạng. Làm sao giải-thích và khuyên đám người nóng tính chịu kiên - nhẫn, làm sao nói chuyện được với những người cho rằng Cộng hòa không cần nhà bác-học, trí-thức không bằng cục phên hay nghe nói đến vác-hóa thì rút lựu-đạn với dao găm? Cũng may cho số ảo. Không bao lâu người ta đã nhận thấy công-dụng của nó khi nghiên - cứu đến những luồng điện hai chiều. Áp dụng việc tìm kiếm này, người ta cải-thiện được ánh sáng các hải-đăng, và nhờ đó tàu bè có thể tránh bớt tai-nạn.

Số ảo, cũng như số phức-tạp (số có thể viết trong hình-thức $a + bi$, trong đó a và b là số thật) đã giúp cho việc giải - quyết một số phương - trình về « tình-trạng » của nguyên tử trong vật-lý-học. Sự phỏng - đoán còn mơ-hồ của phương-định Cardano sau này được xác số dương, hay âm hay phức-tạp đúng theo số bậc, ví dụ phương-trình bậc nhất có một nghiệm-số, bậc hai có hai, phương-trình bậc n sẽ có n giải-đáp. Đó là định-lý căn-bản của đại-số

(Còn tiếp)

CUNG-GIỮ-NGUYÊN

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

PARIS

*A votre service
tous les services de la*

**nationale
de Paris**

L. L. LAN

Nhờ có nhạc sỹ Phạm-Duy và tu sỹ Thanh-Tuệ tôi mới đọc được một số thơ của Lan sau khi đã phải khó nhọc tìm kiếm gần cả năm trời (thư cho Phạm Duy 5 cái và Thanh Tuệ gần 20 cái ngoại trừ mấy cái quảng cáo mời gọi vô hiệu quả đăng trên 3 tạp-chí phát hành rộng rãi nhất hiện nay là Thời Nay, Văn và Bách-Khoa). Tôi phải đọc lại ngay vài câu thơ đầu tiên của tác giả mà tôi đã xem được cách đây gần mười năm cho hả giận :

*tôi đang mơ giấc mộng dài
đừng lay tôi nhé cuộc đời chung quanh
tôi đang nhìn thấy màu xanh
ở trên cây cỏ rất lành rất thơm*

Bình dị quá, tự nhiên quá, trong sáng quá (dù dĩ nhiên không phải đó là tất cả những tính chất làm tiêu chuẩn tuyệt đối cho thơ) và, sau cùng, con gái quá! Tôi vốn yêu vô cùng cái nữ tính tự nhiên và nồng đậm trong thơ đàn bà (dù tôi cũng yêu vô cùng những đứa con gái có đàn ông tính trong người chút đỉnh). Tôi nghĩ đó là yếu tố quyết định sinh mệnh của thơ họ. Nghĩa là dù họ có đá động đến cái gì, thơ đàn bà là phải làm toát ra cái hơi thở đàn bà từ ngôn ngữ, hình ảnh và âm điệu. Phải chăng là từ bản chất trời sinh, làm sao họ có thể làm cái gì lớn hơn ngoài cái việc bồng đứa con trong lòng. Tôi không thiên cận và lạc hậu đâu. Bởi làm sao đào đâu ra một nữ thi-hào đúng nghĩa trong văn-học-sử cổ kim trên mặt địa-cầu này (Có thể có biệt lệ biết đâu đối với những hành tinh có người khác).

Đàn bà sinh ra là vậy. Họ có thể trở thành một nhà đại bác học nhưng không thể trở thành một thi sỹ lớn đúng nghĩa một cách tuyệt đối. Bởi vì dù có thể được bẩm sinh một cảm tính thật tế nhị và vi diệu, họ làm gì trải qua những nỗi đau đớn tuyệt đỉnh, hân hoan tuyệt đỉnh. Họ đơn tu-ệ-đơn-à nhất là có một tâm hồn thật rộng lớn một cách trường kỳ đi kèm theo cái cảm xúc sôi sục như điên thấy rõ ràng những tên đàn ông đặc biệt. Xem thơ đàn bà đối với tôi là thưởng thức cái hơi hám, cái tính chất gì khác biệt, cái âm tính mà giống đực như tôi chỉ có thể cảm chứ không bao giờ thấy chảy luân lưu trong máu được. Vậy thôi. Nhưng ở L.L.Lan, sau cái nữ tính tràn ngập trong những bài thơ có văn (ngữ ngôn, thất ngôn, lục bát) như trong đoạn thơ phân tích những màu sắc biến thiên

phong phú vừa đáng kiêu hãnh vừa đáng
 âu lo của mình :

*tôi đang nhìn thấy màu hồng
 của tôi thay đổi luôn luôn theo trời
 hoàng hôn màu đỏ mây tươi
 bình minh nắng trắng ấm trôi vào lòng
 những vì sao tím rất trong
 mảnh trăng vàng rõ chờ mong tôi nhìn*

Sau khi thao thức muộn đời của tình yêu
 (mà tất cả đàn bà dù siêu quần bạt
 chúng đến đâu cũng muốn dừng lại khi
 gặp bến hôn nhân), có lúc Lan đã đi
 sâu vào cõi hoang tịch muộn đời của
 kiếp sống. Có lẽ bà đã đi quá sâu trong
 thế giới vô vẻ của tình yêu bằng tâm hồn
 hơn là bằng thân xác nên đã nhìn thấy
 một cánh cửa mở vào cái cõi âm u ghê
 rợn này :

*ta đi về chốn nào đâu
 miên man trong cõi u sầu mênh mông
 tái tê làm bước chân ngừng
 ta đi lạc ở trong lòng đau thương*

Vâng, bà chỉ có thể đi lạc đường vào
 trong cõi đau thương mà thôi. Bà không
 thể nấn ná ở lâu hơn như đàn ông (dù
 là một người đàn ông đã có vợ và vô số
 nhân tình) Nhưng làm sao chúng ta
 đòi hỏi một người đàn bà phải kéo dài
 cái « thú đau thương » (chữ dùng của
 một thi sỹ tiền chiến) được, dù người
 đó xem ra rất tận tình, chung thủy và sẵn
 một tấm lòng hoài cảm mênh mông :

*tay của người yêu run rẩy sang
 từng trang với với ôi từng trang
 thời xưa còn lại bao nhiêu đó
 bụi cũ bay mờ hoen không gian*

Hãy nghe tác giả thở than kín đáo :

*mùa thu này đến êm như khói
 mưa cũng mong manh nắng cũng buồn
 nên mỗi ngày qua như muốn nói*

người yêu ơi sợ quá thời gian

*đêm qua trong mộng rưng rưng khóc
 thấy giữa mùa thu ngập lá vàng
 một đóa linh hồn rơi lạc lững
 trong chiều tan tác ánh chiều tan*

Đọc đến đây tôi có cái cảm tưởng tất
 cả sắp chấm dứt. Và người thơ
 xa vắng trong tác giả cũng tan biến như
 sương khói nhường chỗ cho sự hiện diện
 cụ thể và chân chương của người vợ,
 người mẹ. Cho nên tôi không ngạc nhiên
 lắm khi thấy tất cả 6 bài thơ của Lan
 (do Phạm Duy cẩn thận đánh máy và
 sửa chữa từng chút cho tôi) đều ghi
 ngày tháng của một khoảng thời gian
 một năm (1959), một năm mà thôi, một
 năm thật thi vị của đời người con gái —
 tôi đoán. Nhưng Phạm Duy còn hứa
 khi khỏe sẽ bỏ công đánh máy thêm
 cho tôi một số nữa trong số 300 bài thơ
 còn lại của bà. Con số 300 bài mới thật
 làm tôi ngạc nhiên. Một người đàn bà
 đã viết được một số thơ nhiều như thế
 có thể đã vượt qua tình trạng một nhà
 thơ tài tử rồi. Nhưng ném một cái nhìn
 về mười lăm năm nay, rồi 30 năm trước
 rồi cả nghìn năm xưa ở đây, tôi đâm ra
 dè dặt: cho đến nay cái mảnh đất cong
 cong hình chữ S này — nơi tích tụ bao
 nhiêu nền văn minh thế giới và là nơi
 duy nhất chắc chắn đang làm một tổng-
 hợp-để xương máu và kỳ diệu cho toàn
 thế giới — có sản xuất ra được
 một đẳng quần hồng nào là thơ chuyên
 nghiệp và sống quần quai với thơ cho
 đến ngày xuống lỗ đâu. Không phải hồn
 hào và vong ơn tiền nhân khi tôi phải
 nói thật: Đoàn Thị Diễm, Hồ Xuân
 Hương, Bà Huyện Thanh Quan .v.v...
 dù có thông minh đến đâu đã có để lại
 cái gì đáng kể cho chúng ta lắm đâu.
 Dầu sao tôi cũng muốn tin rằng mấy

trăm bài còn lại của tác giả (mà tôi chưa hề đọc tới) một ngày nào đó, nếu có in ra, sẽ không làm tôi quá thất vọng như bao nhiêu trường hợp khác. Tôi cũng hy vọng sẽ gặp được một hai bài thật đạt và gần như toàn bích như hai bài tôi đã đọc cách đây gần mười năm: một bài lục bát nhẹ nhàng, mới mẻ, đầy hình ảnh, gợi cảm, sáng sủa, với lời thơ dễ thương vô cùng nói lên được ái tâm hồn xao xuyến, lo sợ, và tế nhị hiếm có của một đứa con gái ngập ngừng trước ngưỡng cửa của tình yêu và cuộc đời; một bài ngũ ngôn mang cái hồn vừa thanh nhiên vừa lạnh lùng như trong thời đại phi thuyền không gian này:

*chơi vơi trong niềm nhớ
mối sầu lên gân mây
trăng đã đi theo gió
tôi còn chờ ai đây?*

Xin nhắc lại bài thơ này làm năm 1959, hai năm sau cuộc phóng chiếu vệ tinh nhân tạo 80 ký của Nga-sô (vệ tinh thám hiểm không gian đầu tiên của nhân loại) mà thật ra từ sau hiệp-định Genève 1954 nhiều người đã đoán trước và bàn bạc liên miên. Không hiểu một đứa con gái như tác giả lúc đó có lưu ý được gì đến bước nhảy thật dài đó của khoa học hay không. Không hiểu cô ta có giật mình khi ý thức rõ ràng cái mên mông chòm ngọp của vũ trụ không. Chỉ biết cô ta biết tiết chế cái nữ tính vào cái tâm trạng bàng hoàng chung của thời-đại:

*có mối sầu bên cạnh
vẫn lạnh lùng hồn ơi
hương tình yêu mỏng mảnh
bay đi đâu xa rồi*

để cho tình ý vừa đậm, vừa sâu, vừa xa vắng hơn. Càng đọc càng thấy nó dàn rộng ra mông lung. Vậy mà nó đã chịu nén trong mấy câu thơ năm chữ

ngắn ngủi đó. Nó đã đạt có lẽ một phần nhờ vào đặc tính của thơ ngũ ngôn, một phần nhờ cái tài tự nhiên làm cô đọng cảm nghĩ của mình mà đồng thời không làm đặc ngôn ngữ, cái cảm bầy của thơ ngũ ngôn luôn luôn giăng ra cho những anh chàng thi sỹ dáo dác và ham hố sa vào. Hãy đọc thêm một lần nữa hai câu:

*có mối sầu bên cạnh
vẫn lạnh lùng người ơi*

để thấy rõ ràng cái tâm hồn con gái không thường tình của bà. Tác giả đang yêu như mọi người, đó là cái chắc. Nhưng lọt vào cái thế giới đó rồi, đứa con gái là tác giả lúc ấy không nhắm mắt nằm yên để tận hưởng lỗi sầu mộng và nhớ nhung êm ái của mình. Bà đã không chịu dừng lại. Hay nói một cách chính xác hơn, cảm xúc đã dẫn bà chạy đi thật sâu đụng vào một cánh cửa mở ra một thế giới khác, thế giới thân yêu mà những tâm hồn lớn vẫn thường xuyên lui tới vừa như một biệt ân vừa như một hình phạt hay nghiệp dĩ: cảnh trời đất không cùng và nỗi đau khổ bao la nghìn đời của kiếp sống. Cho nên bà đã lạnh lùng, không phải lạnh lùng như một chứng bệnh tâm-sinh-lý bất hạnh nhất của riêng đàn bà, mà bởi cái cảm tính tinh vi cùng tâm hồn khá rộng lớn của tác giả. Không lạ gì khi thấy đứa con gái đang yêu đó đã nhìn thấy trong tâm tưởng:

*hương tình yêu mỏng mảnh
bay đi đâu xa rồi*

và trở về thực tại nặng nề có phần tro trên, bứt rứt và chán chường:

*trăng đã đi theo gió
thì còn chờ đợi ai*

Đó cũng là một trong những bài thơ tình hay nhất, ít ra trong vòng mười lăm năm nay. Nó kết hợp một cách tài tình tâm sự bé mọn riêng tư của một đứa con gái với cái tâm trạng chung bao quát của thời đại. Nó đánh bạo chớ theo luôn cái không khí của thời đại và lấy đó làm không khí luôn cho bài thơ ngắn của mình. Thật khó tưởng tượng một đứa con gái làm thơ coi như tài tử là L.L.Lan lại thành công trong công việc đó. Vậy mà người ta không thể nào mỗ xẻ xem những chữ nào, câu nào đã dung chứa được cái không khí âm u và cái tâm trạng mang mang đó. Bởi chữ và lời thì bình thường. Còn kỹ thuật thì có gì cao và lạ đâu. Người ta chỉ thấy đứa con gái đó khôn ngoan chịu nổi những ý tưởng của mình trong từng đoạn bốn câu thơ ăn cả vần trắc lẫn vần bằng xen kẽ nhau một cách chặt chẽ từ đầu đến cuối, như :

*trời dài như tấm lụa
buông kín đầu ngàn cây
ngàn cây mê ngủ quá
gió lay hoài không hay*

mà tứ thơ lại vô cùng tự nhiên, nhẹ nhàng, chơi vui (1).

Có phải thật sự một số luật lệ cổ hữu nào đó trong thơ như vần điệu muôn năm vẫn là nơi thử lửa rục rỏ nhất của chân tài hay không. Có phải đôi khi luật thơ càng chặt chẽ, thì tài càng phát hiện ngàn ngút như bốc khói hay không. Có phải những phong trào thi ca như Đa Đa, Dã Thú v.v... ở Âu Châu tuy có khác nhau nhưng đã cùng đua nhau phá sản và đổ ào ào bởi vì muốn tiêu hủy hết những luật lệ mang tính chất gàn như tiên thiên của thơ như vần điệu và sự liên hệ mật thiết giữa cách diễn tả và tư tưởng

hay không. Người ta đã hô hào đi tìm lại cái có thể gọi là sự thật đích đáng hay chân lý chơi vui ngoài những giao ước mặc nhiên và tự nhiên của ngôn ngữ. Những kẻ đứng đầu gió (chứ không phải những kẻ theo đuôi một cách vô ý thức) những phong trào này thật ra đã cảm thấy chơi với cái bất lực của ngôn ngữ và cái lý sự đã cùng đường của mọi lý luận và mọi cảm nghĩ. Họ đã quăm quai đến cái độ tưởng như sắp điên thật rồi. Đó là cả một nhược điểm. Bởi vì họ đã không thâm trầm như những thi sĩ Đông Phương biết mình biết người, biết âm biết dương, biết trời biết đất để điều tiết những cơn quậy và vũng vầy của ý thức mình. Mà trên hết cũng tại vì họ kém tài. Cho nên họ đã đưa thơ họ vào con đường cụt của sự tự sát ngu xuẩn nhất.

Nói như thế không phải lạc hậu, bảo thủ để đi đến chỗ không chấp nhận ngay những phá phách rục rỏ của thơ tự do. Tuy nhiên chúng ta chỉ công nhận những phá phách có thật và mạnh mẽ phát xuất tim máu óc não do cảm xúc bản vọt ra hay đầy tới từ từ mà kinh nghiệm cá nhân của tác giả viết bài này đã trải qua khi viết bài « Độc thoại » cách cả mười năm :

*đàn ông thì có lông
đàn ông thì có một cái đầu
đàn ông thì tự sát
đàn ông thì còn sống
ô đàn ông đàn ông*

Tôi đã dày công bỏ cả tháng trời với ý định thử rút cái ý tưởng cùng khi lực ngắt ngoẻo của bài thơ trên nhét vào một bài thơ thường (bốn chữ, năm chữ, sáu chữ, bảy chữ... có vần điệu đường hoàng) để thử xem nó có còn là thơ và nhất là có gọn ghẽ, dễ nhớ hơn không.

(1) Tôi soạn bỏ một đoạn ở chỗ này.

Tôi đã thất bại hoàn toàn. Trước hết chúng không có cách chi hoàn hảo như những đoạn ngũ ngôn, tứ tuyệt: có vần điệu thẳng rắng ví dụ cũng của tôi như :

*một đêm trăng mờ ảo
 ana tìm về thăm em
 phố buồn như hoang đảo
 gió ngừng ru bên thềm*

của một người bạn trẻ là Đặng Tấn Tới :

*mai kia ai ngờ
 lòng cũ như mơ
 lên con tàu mới
 chạy về ban sơ
 niu song cửa sổ
 khóc ròng cảnh xưa*

của một thi sĩ người Nam có tài là Trần Tuấn Kiệt :

*em hát trong rừng sao
 tôi ngủ dưới cội đào
 chợt mùa đông tuyết phủ
 biết tìm em phương nào*

và ngay cả của nhà thơ tài tử L.L.Lan:

*chung quanh đêm tan mãi
 từng làn ánh sáng phai
 tôi nghe hồn run rẩy
 chiếc bóng gầy làm hai*

Tôi đã sẵn trốn đi hơi xa giới hạn một bài viết về một thi sĩ, một nữ thi

sỹ, một nữ thi sĩ tài tử, một nữ thi sĩ tài tử ẩn danh hầu như chưa có độc giả nào biết là L.L.Lan. Tôi thật buồn khi biết rằng tác giả đã bỏ làm thơ. Tôi thật chán rầu khi biết rằng nếu tác giả có tiếp tục cũng chỉ rước lấy thất bại có thể tác giả chưa hề nếm mà thôi. (1)

Ôi Định-mệnh đối với những thi sĩ Việt Nam — nhất là đối với những nữ sĩ — sao khắt khe quá vậy. Họ sống quá ngắn cái tuổi của thơ so với cái tuổi đời của họ. Riêng đối với L.L.Lan, người đã làm một số thơ kỷ lục bất ngờ về phía các nữ sĩ (trên 300 bài theo lời nhạc sỹ có biệt tài soạn lời ca rất thơ là Phạm Duy), chúng ta có lý do gì đặt một chút hy vọng nào không? Tôi cảm thấy một nỗi đau thương nhẹ nhàng khi đã sinh cùng thời với tác giả mà không được gặp. Nhưng mà tại sao chúng ta lại tham lam như thế, không sợ cái hồn nữ sĩ của thời con gái với những tháng ngày mộng mị và thao thức trở về van xin hay sao :

*đừng lay tôi nhé cuộc đời
 tôi còn trẻ quá cho tôi mơ màng.*

NGUYỄN-ĐỨC-SƠN

(1) L.T.S. Tôi soạn bỏ một số câu ở đoạn này

REGAST.T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức Hòa-Lan

Năn nỉ

tôi đang mơ giấc mộng dài
đừng lay tôi nhé cuộc đời chung quanh
tôi đang nhìn thấy màu xanh
ở trên cây cỏ rất lành rất thơm
tôi đang nhìn thấy màu hồng
của tôi thay đổi luôn luôn theo trời
hoàng hôn màu đỏ mây tươi
bình minh nắng trắng ấm trôi vào lòng
những vì sao tím rất trong
mảnh trăng vàng rờ chờ mong tôi nhìn
tôi đang nhìn thấy trong tim
tình yêu bay những con chim tuyệt vời
đừng lay tôi nhé cuộc đời
tôi còn trẻ quá cho tôi mơ màng

Chơi vơi

chơi vơi trong niềm nhớ
mối sầu lên gần mây
trăng đã đi theo gió
tôi còn chờ ai đây ?

trời dài như tấm ụa
buông kín đầu ngàn cây
ngàn cây mê ngủ quá
gió lay hoài không hay

chung quanh đêm tan mãi
từng làn ánh sáng phai
tôi nghe hồn run rẩy
chiếc bóng gầy làm hai

có mối sầu bên cạnh
vẫn lạnh lòng hồn ơi
hương tình yêu mỏng mảnh
bay đi đâu xa rồi

trăng đã đi theo gió
thì còn chờ đợi ai
chơi vơi trong niềm nhớ
buồn cho hết đêm nay

Từ hai chữ « chung cư »

đến tinh-thần học-hỏi của nhà giáo

● NGUYỄN-VĂN-QUAN

Trong một buổi học tập về tình báo của các khóa sinh giáo chức ở Thất Sơn, một vị sĩ quan giảng huấn, khi nói đến các giai đoạn thu-thập tin tức về tình báo, ông có đề cập đến việc sử dụng các tin báo. Vị sĩ quan này viết chính tả rất đúng : chữ sử trong « sử dụng » ông viết với « s » chứ không viết với « x », như thiên hạ thường viết. Nhưng khi viết xong ông lại bị vị sĩ quan khác « chỉnh » là ông đã viết sai. Ông quay về phía khóa sinh giáo chức phán xét giùm. Tức thì, hằng trăm nhà « đại diện gương mẫu » cho văn hóa giáo dục phán rằng : « Phải viết chữ sử với « x », chỉ có một số ít phản đối lấy lệ trước áp lực của đa số, cũng đành câm miệng để nhìn vị sĩ quan « viết đúng » phải sửa lại « cho đúng » theo ý của đa số nhà giáo. Ôi ! Sức mạnh của đa số hùng hồn thay : Sức mạnh đã từng giết chết một Galilée ngu đại quyết bảo vệ chân lý.

(Cũng không trách họ làm gì, ngay cả trong đề-thi Tú Tài I năm nay, các bậc « cha-mẹ của-học-trò » còn viết : « câu ba : dân ta đã sử dụng những văn-tự .. » khi làm thang điểm cho bài luận, trưởng ban đề nghị chấm điểm chính-tả cho thí sinh, một giáo sư buồn rầu than thở : « Các bậc thầy của chúng nó ra đề viết chính-tả còn sai, thì còn chấm chính tả chúng nó làm gì ? »

Thói quen làm thành luật lệ, xưa nay là vậy ; nhất là thói quen của đa số.

Theo họ ngôn ngữ, văn tự, tự nó không có ý nghĩa gì, nó chỉ là qui ước, không cần phải giải - thích, ai cũng hiểu là được rồi.

Rất đồng ý ! nhưng các ngài quên rằng ngôn-ngữ văn-tự không có ý-nghĩa gì trong lúc sơ-khai mà thôi. Dần dần ngôn ngữ gắn liền với sự vật, mang lấy ý nghĩa của sự vật nó diễn tả. Từ đó ngôn ngữ không phải là một âm thanh, một hình ảnh vô nghĩa mà trái lại nó mang cho người nghe, người đọc như gấn-trọng của sự vật mà nó gọi lên.

Cuối cùng ngôn - ngữ văn tự đi đến những quy luật chặt chẽ, là hình thức toàn mỹ của một cộng đồng có văn hóa cao. Bằng cứ là các nước văn minh tân tiến đều có những Hàn-lâm-viện để thẩm định quy luật hình thức của ngôn-ngữ văn-tự họ.

Chúng ta chỉ buồn cho họ, những nhà giáo Trung-học, tự xem mình có văn hóa cao, đại diện cho nền văn học nước nhà, nhưng trình độ hiểu biết về ngôn-ngữ dân- tộc còn kém quá. Họ tự hào mình biết rõ mẹo luật : Viết đúng chính tả chữ Anh, chữ Pháp..... Nhưng chữ Việt thì họ viết bừa bãi, không cần hỏi, ngã, c, t, Họ lý luận « Viết sao người ta hiểu thì thôi, tiếng mẹ đẻ mà, cần gì phải học ». Không khéo, trong tương lai, các nhà giáo « cách mạng » sẽ bỏ qua hỏi ngã g, v, d ,, vì phân biệt là việc làm vô ích.

Hèn gì mà học sinh lớp đệ nhị, đệ nhất còn chưa phân biệt được hai chữ «gi» với «vi»... Tôi còn nhớ một vị giáo sư ở trường tôi, có lần bị học sinh «chỉnh» vi viết sai hỏi ngã ông trả lời rằng: «Viết hỏi hay ngã gì cũng được, không cần thiết». O! Ông dạy Quốc văn mà ông còn «phán» như vậy huống hồ chi các «ngài» dạy môn khác.

Viết tiếng mẹ đẻ mình một cách bừa bãi, không chứng tỏ mình tài ba mình có tự do không ràng buộc vào hình thức. trái lại chứng tỏ mình có văn hóa thấp kém, hỗn độn, chưa thể gọi là văn minh tiến bộ được.

Cũng không hãnh diện gì khi thuộc: văn phạm Anh, Pháp vanh vá h, hiểu tường tận từng tiếng gốc La-tinh, mà chữ Việt thì ă-m-ô, không nghiên cứu học hỏi. Đều rồi đối với người ngoại quốc mình không chút tự hào về văn hóa của mình, còn đối với đồng bào chỉ thuộc hạng trí thức mất gốc mà thôi.

Than ôi! Những nhà giáo Việt-Nam, những cán bộ phát huy cái văn-hóa bốn ngàn năm văn hiến. Các ngài hãy chịu khó nghiên cứu chút ít chữ Việt trước đã.

Nước mình vốn bị đô hộ bởi Tàu hơn mấy ngàn năm. Cho nên văn hóa Tàu tràn lan cả nước. nhất là ngôn ngữ văn tự của mình chịu ảnh hưởng của Tàu nhiều lắm: Cứ nhìn vào các công sở: nào là những chữ: y-tế, công chánh, nội vụ, thuế vụ, giáo dục... đều là thoát thân của chữ Hán. Chữ Hán ngày càng thông dụng và làm ngôn ngữ ngày càng phong phú. Nói như Phạm Quỳnh: «Văn triết-lý không dùng chữ Hán nghe không xuôi».

Nhưng khi đã xài chữ Hán thì phải

biết quy luật của tiếng Tàu trước đã.

Đầu tiên, khi dùng chữ Hán, ta phải biết tường tận ý-nghĩa chữ đó như thế nào: chữ xử nghĩa là thế nào? là đối đãi, là ăn ở, là vị trí, là phán đoán... còn chữ sử có nghĩa là sai-khiến. Đã hiểu rõ chữ sử với chữ xử chúng ta sẽ thấy sử-dụng (sai khiến, dùng một vật gì làm một phương tiện) là đúng nghĩa, còn xử dụng là vô nghĩa, chữ cư xử (ăn ở đối đãi với ai) là đúng nghĩa, còn cư sử là vô nghĩa (Sở dĩ chữ x và s hay lẫn lộn vì người Bắc khi phát âm thường không phân biệt hai phụ-âm này).

Kể đó, ta phải hiểu văn phạm chữ Tàu. Ở chữ Tàu, trong một tiếng kép, chữ trước bao giờ cũng phụ nghĩa cho chữ sau (Tối du: Bạch mã: tiếng Bạch phụ nghĩa cho tiếng Mã). Còn trong tiếng Việt thì ngược lại, tiếng sau phụ nghĩa cho tiếng trước (Ngựa trắng: trắng phụ nghĩa cho tiếng ngựa) Cũng vì sự tương phản đó mà khi ta nói: cha mẹ dân, tình anh em trong nhà binh... thì văn phạm Tàu bắt ta phải nói: Dân chi phụ mẫu, binh chi huynh đệ (chớ không phải « huynh đệ chi binh »).

Biết những dị biệt giữa văn phạm Hán và Việt, ta mới dùng từ ngữ chính xác được. Sau biến cố Mậu Thân, hơn bao giờ hết các giới thẩm-quyền thường nói đến hai chữ « chung cư ». Chính vì không hiểu hai yếu-tố trên, người ta đã sai lầm khi gán hai chữ chung-cư là danh từ dịch từ chữ « building » của tiếng Anh.

Trong hai chữ « chung cư » nếu theo nghĩa thuần Hán, thì chúng ta thấy nó khó diễn đạt ý nghĩa tiếng « building » của tiếng Anh. Vì « chung » nghĩa là chuồng, là cuối cùng, là cái đồng hồ,

là đồ đo lường... mà không hề có ý nghĩa nhiều người. Nếu hiểu nghĩa « chung » theo chữ Việt (nôm) chung là cho mọi người, là cùng nhau (tương đương với chữ « công » của chữ Hán). Hiểu nghĩa « chung » theo chữ Nôm và « cư » theo chữ Hán có nghĩa là nhà ở cho mọi người : Vẫn còn xa nghĩa với « building » lắm.

Nhưng lối ghép chữ nửa Nôm, nửa Hán theo lối lai càng quái gở đó, nhất định học-giả không khi nào dùng đến : Hoặc thuần là chữ Việt có nghĩa là *nhà chung*, hoặc thuần là chữ Hán là : *Công cư*. Khổ nỗi « nhà chung » thì ai cũng biết là nhà ở của những tu-sĩ, còn « công-cư » thì ám chỉ nhà cho các công chức cao cấp ở. (Nghĩa như : công xá, công ốc)

Như vậy theo thiện ý, người đầu tiên viết ra hai chữ đó không phải « chung cư » mà chính là « chúng cư » là nhà cho số đông người.

Nếu không lầm thì trong một bài báo của ký-giả quá-cổ Từ-Chung, viết về người Mỹ, ông đã dùng hai chữ « chúng-cư » (có dấu sắc) để nói những căn nhà chọc trời, cho một số đông đảo dân chúng cư ngụ. Chữ chúng này đã thông dụng từ lâu chứ không mới mẻ gì ; Từ trước Ôn-Như đã từng viết :

«Áng đào kiếm đằm bông nào chúng»

Nào chúng là làm xao xuyến, xúc động số đông đảo người chung quanh. Xưa nay ai đọc câu thơ đó mà không hiểu.

Cũng vậy : chữ « chúng cư » là nhà cho nhiều người ở, thật dễ hiểu vừa

sát nghĩa với chữ dịch, vừa đúng văn pháp như những chữ : y-tế, công-chánh, giáo-dục .. mà lâu nay ai cũng dùng đến.

Rủi ro là người xướng ra, viết đúng, nhưng có thể ấn-công bỏ quên dấu sắc, khiến ta thấy người có uy tín viết ra (dù thiếu dấu sắc họ không cần suy nghĩ, vì lười biếng và nhất là ít chịu tìm hiểu về văn tự tiếng mẹ đẻ. Từ kiến thức về ngôn-ngữ nghèo nàn ít ỏi, đến hậu quả là : suy-luận trở nên nông cạn, thiên-cận.

Họ cho rằng « chung-cư » là chỗ nhiều người ở chung, mà không cần biết mẹo luật tiếng Việt.

Cũng lý-luận một cách nông cạn, hơi hợt như thế nên đa số dùng chữ « tịnh xá » thay cho chữ « tinh xá ». Họ thấy đạo Phật, nơi thờ Phật đều lấy sự yên tĩnh làm cốt yếu cho nên, nhà ở các tu-sĩ tu học phải gọi là tịnh xá (nhà yên lặng) chứ không phải tinh-xá. Họ không hiểu rằng trong chữ « tinh » (nghĩa là trong sạch, là chuyên nhất) ngoài ý nghĩa về vật chất lẫn tinh thần, còn bao hàm cả ý nghĩa yên-tĩnh trong đó.

Thật vậy, ở một căn nhà yên lặng hoàn toàn (tịnh xá) nhưng dư bản đầu óc bị những ý tưởng xấu xa, xằng bậy ám ảnh, thì làm thế nào tinh tâm được đề tu hành. Còn tịnh xá là chỗ ta gác bỏ mọi nhớ nhớp của cuộc đời ồn ào ở bên ngoài, để thân mình được thanh khiết mà suy tư về đạo... Nếu đã hiểu tinh tường ý nghĩa của mỗi chữ, chắc hẳn những nhà « Đại-diên-cho-văn-hóa-giáo-dục » không còn lăm lăm giữa chữ « tịnh-xá » với « tinh-xá », « chúng cư »

với « chung cư », hoặc « sử dụng » với « xử dụng ».

Đành rằng thói quen làm luật lệ : nhưng thói quen lười biếng suy nghĩ, lý luận nông cạn vì ít chịu học hỏi làm luật-lệ thì chắc chắn, không thể nào ngôn-ngữ dân-tộc tiến-bộ theo ý nghĩa văn-minh được, trái lại ngôn ngữ dân tộc sẽ trở thành thứ hỗn độn, bán khai mà thôi. Chúng ta phải công nhận rằng : « Trình độ văn minh của một dân tộc chắc chắn phải biểu lộ qua cái

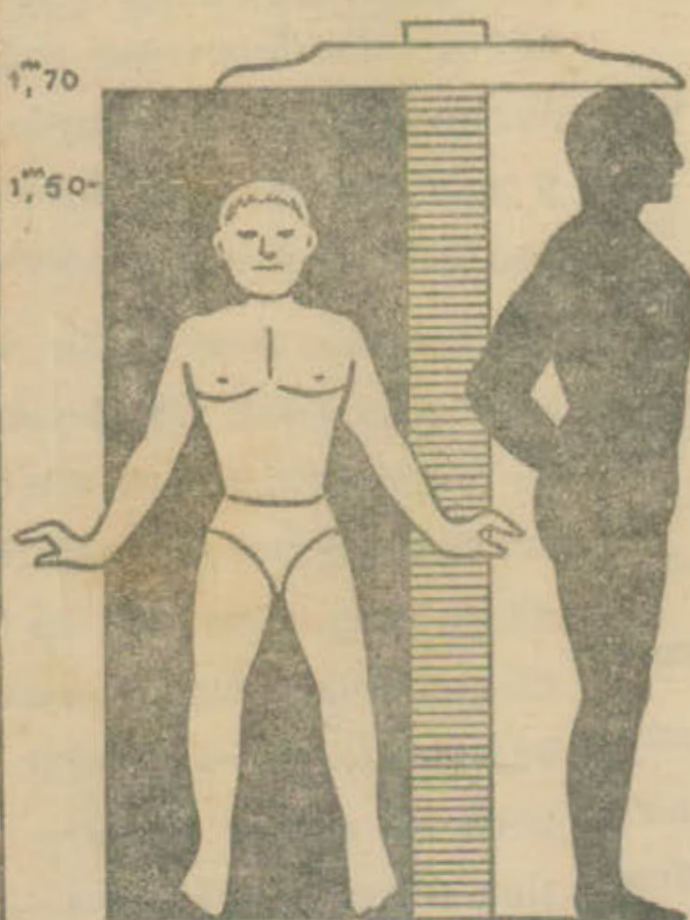
khôn phép, các qui củ toàn-mỹ của ngôn-ngữ »

Và ngôn ngữ khôn phép qui củ, tất phải do những học giả uyên thâm qui định, hoặc bằng những bộ tự-điền có giá trị, hoặc bằng một thứ « Hàn lâm viện » chứ không phải do đa số hỗn độn, tạo ra như ngôn-ngữ hiện nay. Nhất là nhà cầm quyền có lưu tâm đến nó không đã !

NGUYỄN-VĂN QUAN

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- YẾU PHÔI .
- MỆT MỎI .

Buổi sáng mùa đông

cho những nụ hoa vàng

● THÁI-LĂNG

Đó là bình minh của một ngày mùa đông xứ lạnh.

Quỳnh thức dậy trong vẻ ngạc nhiên, nàng co người lại rồi quay sang áp một phần thân thể lên Huân, lúc này chàng đã thức từ lâu và đang nằm hút thuốc. Khuôn mặt hai người mở lớn trong khói đục và đèn mờ. Huân cúi xuống hôn nhẹ lên tóc lên mắt lên môi lên hai cánh vai nàng, từ hôm nay con đường đó sẽ để em đi một mình với nỗi buồn của anh. Quỳnh rút tay ra khỏi chăn, nàng hỏi với một giọng như bị ghen.

— Dậy sớm thế anh

Khuôn mặt Quỳnh vẫn nghiêng sang Huân. Chàng vứt mẩu thuốc còn đang cháy dở rồi thở một hơi đầy khói, chàng nhìn thẳng với cái vẻ như không nhìn gì cả.

— Anh sẽ đi Nha-trang sáng nay.

— Nha-trang ư ?

— Nàng nằm thẳng lại, nàng trờ người ra khỏi chăn, nàng lại hỏi với một giọng không còn ghen nữa.

— Em không hiểu, anh đi thực ư.

— Dù sao anh cũng phải giúp thêm em, chúng mình sắp có con. Anh muốn giúp được em phần nào.

— Em không hiểu.

— Anh muốn giúp được em phần nào, anh đã nhờ người xin việc và lát

nữa đây anh sẽ đi xa — Rồi chàng nói tiếp trong vôi vàng như sợ bị ngắt lời, như sợ không thể nói được ra — Em hiểu, với mức kiến thức và vợ không nghề chuyên môn cùng tình trạng này sẽ không cho phép anh làm với bất cứ đâu ngoài mấy trại lính Mỹ, ở đó người ta không đòi hỏi nhiều về giấy tờ nhưng ở đó chỉ có một việc là thông ngôn. Anh sẽ cố...

— Không có gì cả — Quỳnh chọc ngắt lời chàng — thật bất ngờ anh đã dẫu em Tại sao phải làm thông ngôn tại sao phải làm cho Mỹ như mọi người tại sao phải chia lìa và hèn hạ Anh như thế, chúng ta như thế hay chỉ làm những gì xứng và hợp với anh. Thật ra mình chưa khổ lắm.

— Rồi chúng ta sẽ khổ vì cuộc sống càng ngày càng khó. Anh không thể cứ ngồi đấy nhìn em với cái bụng nặng nề phải cuốc bộ đến trường nói liền ba bốn giờ để lúc về chỉ uống nước lạnh. Cái đó làm anh khổ.

— Nhưng em cũng khổ nếu chúng ta phải chia lìa vì sinh kế vì không chịu được thiếu thốn và nhất là anh phải đi làm thông ngôn, hồi chạy loạn em đã thấy những tên thông-ngôn thật hèn và dốt. Hãy chỉ làm những gì thật xứng với anh, còn không...

— Những gì là xứng và hợp với anh ?

Vẽ tranh ư? anh chết rồi. Bây giờ tiền quá mạnh, người ta đã cố làm cho đồng tiền có sức mạnh để mọi người phải tìm đến nó. Anh phải đi vì rồi đây chúng ta sẽ khổ.

— Không!

Quỳnh rói ra yếu ớt, nàng vòng tay ôm qua ngực chàng. Huân vẫn rằm thẳng, chàng lại hút thuốc và thở lên đỉnh màn. Họ để cho yên lặng kéo dài. Ngoài trời bắt đầu sáng cùng với tiếng chim hót ở xa và gió thổi lá cây vào kính.

— Hãy ở lại với em, chúng ta phải được như thế này mãi mãi, anh đừng làm gì cả, không cần làm gì cả. Anh hãy vẽ, rồi bày tranh trong con chúng ta ra đời. Hãy ở lại với em, chúng ta chưa quẳng lắm.

— . . .

— Em chịu được tất cả, em sẽ ống theo Tác-duy-sinh như anh trước kia gạo lúc mồi mè. Hãy giữ lại niềm kiêu hãnh trong anh bằng cách không làm gì cả.

— . . .

— Anh, đừng làm mất những gì đẹp nhất. Ngày anh còn sống trên căn gác đó, kiêu hãnh khác khổ xa lạ, anh không làm gì cả, anh ống bằng cơm gạo lúc và muối mè đen, đã bao lần em ứa nước mắt khi thấy anh ăn, nhưng em cũng yêu anh đạt đó bởi đó. Đừng, hãy ở lại với em. Huân muốn rói, rằng những cái đó chẳng còn gì khi họ đã sống chung và sắp có con cùng bao nhiêu thứ khác phải lo, cho nên chàng nhất định rồi. Có là gì những cái đó, em yêu có là gì những cái đó nữa đâu.

Lúc này những khói thuốc đã bao

phủ họ trong bốn vách màn Quỳnh úp mặt xuống gối như đang khóc, Huân quay sang vuốt nhẹ tóc nàng, chàng như muốn nói một câu gì đó nhưng lại thôi, chàng rút người ra khỏi chăn mặc vội áo ấm. Trời thật lạnh. Huân ra cửa nhìn qua khung kính, sương đang tan và nắng bắt đầu lên, những bông hồng đỏ ngoài vườn thấm nước, cây mimosa lá bạc long lanh. Chàng đứng đó thở khói vào kính, tất cả nhòa đi chỉ còn nghe tiếng gió thổi qua khe cửa.

Huân quay vào nhìn lại căn phòng nhỏ trong ánh đèn mờ, cái giường ở một góc bàn viết cạnh bên, tủ áo và ghế bình tất cả vẫn ngủ yên. Huân đi lại phía Quỳnh, nàng nằm đấy quay mặt ra ngoài cùng hai cánh tay nâu trên nền chăn trắng. Khói thuốc đèn mờ và cánh màn ngăn cách, làm như nàng ở thật xa. *Dù sao anh cũng nhất định rồi. Vài tuần trước đây, Quỳnh cho Huân biết nàng đã có hai, đó là hạnh phúc đó là tất nhiên nhưng đó cũng là niềm lo âu không rời của họ. Huân đã không nói gì nhưng cúi xuống hôn thật nhẹ lên bụng nàng đề nghị đến những cái đang chuyển biến đang kết hợp và sẽ xảy ra, rồi Quỳnh vuốt nhẹ tóc chàng nhìn xa xôi và cười. Từ nụ cười cho đến cái nhìn xa em đã thành một đàn bà trẻ.*

— Anh muốn giúp được em phần nào — chàng nói thật nhỏ, nhỏ đến độ như chỉ để riêng mình nghe — Anh không thể cứ mỗi sáng đưa em tới trường rồi lang thang từ thư viện sang quán cà-phê vào rừng thông hay lên đồi cỏ dại cho hết giờ em giậy để chúng ta lại cùng về trên những con đường thật đẹp. Con đường thì đẹp nhưng em thì mệt với cái thai trong bụng, với những cơn chóng mặt với những lúc buồn nôn

và anh thấy khổ, cái khổ mà những ngày sống một mình chưa bao giờ anh biết tới. Chưa bao giờ tôi phải tìm việc mưu sinh, nay phải nghĩ đến nó vì cuộc sống và do tự ái đao ông Em yêu, người đàn bà trẻ, em cần được nghỉ ngơi.

Chàng đứng sững nhìn mọi vật cũng trong cái vẻ như không nhìn gì cả, chàng định lại gần Quỳnh nhưng ngập ngừng rồi trở ra phía cửa. Bên ngoài, từng đợt sương đang tan trên những bông hồng thắm nước, từng nụ hoa vàng rơi nhẹ trên cỏ xanh, và xa kia là tiếng hát của chim lân vào gió. Huân đứng đấy nhìn tất cả trong một dáng buồn, hơi thở của chàng đang làm mờ khung kính và mọi vật như biến dần đi. Rồi chàng thấy một vòng tay ôm chặt ngang lưng cùng với hơi thở ấm và thơm của Quỳnh. Họ đứng lặng cùng nhìn ra ngoài, nắng đang lên và sương loãng dần. Một lúc sau tiếng Huân trùng xuống khi mắt chàng vẫn nhìn vào khoảng kính mờ và một tay siết nhẹ vai nàng.

— Anh nhất định rồi.

Quỳnh như muốn nói điều gì nhưng thôi, nàng bám chặt vai Huân một lúc rồi vào soạn những thứ cần dùng cho một người đi xa.

oOo

Họ đi sát vào nhau trên con đường mòn cỏ ướt. Hai mắt Huân buồn bã nhìn ra phía trước, một tay chàng xách chiếc túi nhỏ không lặng lẩm còn tay kia khoác qua vai Quỳnh, khuôn mặt nàng chìm xuống và khuất sau những đợt tóc dài bị gió thổi bù tung. Từng mảng sương mờ trắng bay nhẹ ngoài xa.

— Em vào đi.

— Một quãng nữa thôi, hết bãi cỏ này em sẽ về ngay.

— Hãy nghĩ đến anh nhưng đừng buồn.

— Chưa bao giờ chúng ta cần nhau điều gì — Quỳnh thở nhẹ trong một cơn gió tạt qua — Bây giờ cũng thế, em mong chuyến đi này chỉ để anh tản bước mà thôi.

— Anh mong sẽ giúp được em phần nào.

— Cứ ở bên em là đã giúp em rồi.

—

— Em không muốn đồ sự vắng anh để lấy mấy ngàn đồng mỗi tháng. Hãy đi cho thỏa rồi về với em.

— Anh sẽ viết về.

— Không.

Họ ngừng lại giữa một cơn gió xoáy, chiếc túi nhỏ rơi nhẹ xuống chân, hai bàn tay với những ngón xương và dài của Huân đã ôm chặt lấy khuôn mặt đó, khuôn mặt da nâu với hai tròng mắt to và buồn. Họ ôm nhau thật chặt giữa bãi cỏ hoang giữa cơn gió xoáy. Khi Huân cúi xuống thì hai mắt Quỳnh khép lại, một giọt nước nhỏ trào ra chạy dài trên má, chàng vội bỏ đi.

Quỳnh vẫn còn đứng đấy, nàng nhìn theo cái dáng cao và gầy của Huân đang mờ dần vào những tầng sương màu chì, nàng nhìn mãi và quên đi những cơn gió lạnh đang lùa vào tóc vào áo vào da thịt nàng.

oOo

Huân đi xuôi theo con đường dốc, thành phố vừa thức dậy, chàng vào uống cà-phê trong quán nhỏ gần bến xe. Những người phải đi làm sớm ngồi sát nhau bên mặt quầy, hơi ấm tỏa ra thân mật. Đã từ lâu Huân vẫn đến đây ngồi

với những bác tài, anh lơ, những người lao động chân tay. chàng nghe họ nói, nhìn ngắm họ để thấy một hơi ấm gần gũi trong khoảng cách vô hiab. Có cái gì đó chia cách giữa tôi và họ chia cách giữa tôi và mọi người. Huân uống cà-phê, hút thuốc, chàng nhìn mọi người mọi vật trong khói ấm cũng với cái vẻ như không nhìn gì cả, rồi chàng xách chiếc túi nhỏ đi thật chậm ra chỗ đậu xe.

Huân ngồi phía trước cùng bác tài và hai bố con một người đứng tuổi. Chiếc xe nhỏ lao nhanh ra khỏi bến, buổi sáng Đà-lạt yên lành, những hàng cây mặt hồ những mái nhà cùng những vườn hoa đều có vẻ như còn náu ngủ, Huân nhìn lại những gì quen thuộc nhất, chàng hút thuốc và thở khói ra cửa xe, khuôn mặt chàng bất động như cây cỏ ngoài kia. *Từ hôm nay con đường đó sẽ để em đi một mình với nỗi buồn của anh.* Tờ trạm kiểm soát đầu tỉnh Huân ngồi thẳng lại, đi mắt buồn nhìn ra chờ đợi răng cưa chặt vào nhau. *Đã từ lâu tôi không đủ giấy tờ và sự không đủ đó làm tôi sợ sệt, tôi đã sợ nhiều cái không đáng sợ.* Tự do hay không cũng chỉ bằng mảnh giấy. Một cảnh binh ghé đầu vào xe dòm ngó, một quân cảnh đến hỏi giấy Huân và sau cùng xe được chạy. Khuôn mặt Huân lại trũng xuống bất động. Một người đàn bà phía sau bắt đầu nói truyện, họ phàn nàn đủ thứ: sinh sống khó đi lại khó nuôi con khó, gia đình nào cũng có tang tía những tang trẻ, nhà nào cũng có người bỏ đi toàn những người cột trụ. Họ cũng bàn nhau về sinh sống chung quanh người Mỹ, những đồng rác đầy tiền, những vụ lấy cắp đầy túi, những bán đất không ngờ, nhà cho thuê và gái điếm. Mọi người đều than vãn số g càng ngày

cực. Những tiếng truện trò xung quanh đến với Huân đứt quãng không đều, chàng nghe như nó đến từ xa, chàng hút thuốc và nhìn ra thung lũng hai bên. *Bây giờ em làm gì.* Xe bắt đầu đồ dốc lác qua lác lại dậm dật không đều, đứa trẻ ngồi bên Huân bật khóc, mấy người đàn bà phía sau thôi nói truyện, chàng vẫn nhìn sang hai bên với những hàng cây xoáy tròn chóng mặt dưới thung lũng sau. *Bây giờ em làm gì.* Đứa trẻ vẫn khóc, người đàn ông đỡ con vụng về rồi xin Huân cho đứa trẻ nằm gối lên chân. Xe ngừng để kiểm soát, hai anh lính Thượng đeo súng dài nhìn vào trong với đôi mắt dại. Tiếp đó là đoạn dốc cao và ngắn, lại những hàng cây xoáy tròn, những khúc quanh và thung lũng sâu hút, xe lao đi giậm giựt, đứa trẻ nôn ộc ra Huân. Sữa chua và chất nhầy xanh vàng dính đầy người chàng, Huân thấy ngứa và ngộp, đứa trẻ lại nôn ra nữa. Xe phải ngừng để hành khách nghỉ ngơi. Người đàn ông tỏ ra khờ khạo khi xin lỗi Huân để ôm con đi tìm nước rửa. Rồi xe lại chạy. Khi hết đèo thì nắng đã lên cao chiếu xuống quần áo Huân bốc hơi chua nồng nặc, chàng không nói được gì chỉ hút thuốc thở khói và nhìn ra xung quanh. Tiếp theo đồi núi và rừng là những đồng lúa còn xanh. Người đàn ông ôm con vào lòng vụng về khờ khạo, ông ta lại xin lỗi Huân rồi đưa khăn chùi những vết bẩn dính trên người chàng. Huân thấy khó chịu, không phải do đứa trẻ nôn ra mà ở những lời ông ta xin lỗi mãi, chàng nói thật nhỏ trong một vẻ rụt rè ngượng ngộp.

— Không sao đâu trẻ con mà.

— Khờ quá cậu ơi.....

Ông ta như muốn nói điều gì nhưng bị ngẹn, Huân lại hỏi thêm.

— Ông cũng đi Nha-trang ?

— Không, tôi xuống Ba-ngòi thăm mẹ nó làm dưới đó.

—

— Cực quá cậu ơi, lâu ngày mẹ nhớ nên bắt tôi mang xuống cho coi, mẹ cháu quét dọn đồ cho mấy ông Mỹ nên không nghỉ được, nghỉ là họ thế người khác liền

— Thế còn ông ?

— Tôi làm gác dan cho một trường Tây trên đó, hồi trước tụi tôi sống được nhưng bây giờ cực quá nên mẹ nó phải đi làm thêm, cực lắm cậu ơi — ông ta ngừng lại để chùi miệng cho con rồi nói tiếp trong tiếng thở dài — Năm nay thiệt trời hành tụi tôi. Tôi mới mất một đứa trai nhỏ, còn đứa gái lớn thì... thiệt trời hành tụi tôi nên ngày đứa nhỏ chết vợ chồng tôi cùng mang đi chôn để con chị ở nhà coi thằng nhỏ này, ai ngờ bị một thằng Tây nội trú xuống hãm cậu ơi... nó mới mười hai tuổi mà, tôi điên lên nhưng biết kêu ai, sau đó...

— Thôi, thôi đừng nói nữa.

Huân thấy mệt và khô trong họng, chàng không muốn nghe những truyện bi thảm xảy ra cho bất cứ ai.

Nắng từ trên cao rọi xuống thiêu đốt thái dương, hơi chua từ chất bần bám trên quần áo xông ra nồng nặc,

Huân thấy nhức đầu muốn nôn. Người đàn ông không nói gì thêm, ông ta ôm chặt đứa con trên lòng, đôi mắt khô nhìn thẳng như muốn khóc. Tới Ba-Ngòi hai bố con người đó xuống, xe nhà binh bắt đầu nhích, tất cả một vùng trong tầm mắt Huân đều bụi mù đất cát. Những dãy xe nặng và dài chạy như điên trên con đường xấu, người tài xế phàn nàn luôn miệng, Huân không nhìn ra xung quanh nữa. Rồi xe lại phải ngừng để kiểm soát. Một quân cảnh Mỹ, một cảnh bị Đại-hàn và gã thông ngôn. Tên lính Mỹ lật qua lật lại cái thẻ của Huân rồi chuyển sang gã thông ngôn, tên này nhìn Huân nhìn cái thẻ rồi cười và gật cái đầu với tên lính Mỹ. Thế là không những chỉ có cảnh sát, quân cảnh, dân vệ được quyền soát giấy mà nay cả lính Mỹ lính Đại-hàn và thông ngôn nữa. Ai cũng hỏi được tụi nếu họ mang súng hay sau họ có người mang súng. Một quá rồi, hơi chua lại bốc lên nồng nặc làm cho Huân choáng váng. Xe lại chạy vào đám bụi mù ngọt ngọt. Khi tới một cây cầu nhỏ nó vừa leo lên đã phải tụt lại ngay để nhường lối cho một chiếc Jeep mang sao trắng. Người tài xế luống cuống nên chiếc Jeep đang lao vút lên cầu phải hơi chậm lại, Khi hai xe kề sát bên nhau tên lính lái chiếc Jeep vội phóng tay sang đập bác tài tụi bụi, hấn vừa đánh vừa nạt nộ bằng một thứ tiếng xa lạ cộc cằn, rồ.

VIÊN THUỐC HỒNG
CÓ SINH-TỐ C

Neurotonic

EX. 735/ETT/OCOP/16.4.48

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

chúng bỏ đi. Mọi người trên xe ngỡ ngác, Huân không hiểu không biết phải làm gì lúc đó, mấy người đàn bà hỏi thăm bác tài. Câu trả lời nhẵn nhụi yếu ớt.

— Tôi bị hoả mà, làm xe con đường này tôi bị hoả mà, họ là trời... cưỡng lại chúng bả rồ liền...

Huân thấy khuôn mặt đó bây giờ hèn mọn, cả chàng cũng thế, cả một vùng xung quanh chàng đây cũng thế. Tại sao Phải chăng em đã thấy những gã thông-gôn trong dịp thế này. Huân thấy mình bất lực, khô cứng và không thể nào hòa trong những bụi mù đất cát và sức mạnh bạo quyền. Huân cũng biết nơi chàng sẽ tới cũng chẳng khác gì đây, làm sao thoát xa những vùng tử nhục, làm sao để đứng thẳng người lên, làm sao để không còn những nơi biến mị h

thành hèn hạ. Làm sao ư, chàng không thể biết. Huân không còn nhìn sang hai bên, cũng không còn nhìn thẳng, chàng nhắm mắt ngồi yên mặc cho thân thể trôi đi trong bụi mù và hơi chua nồng rặc. Hãy làm những gì xứng với anh, chúng mình chưa khổ lắm. Bây giờ em là n gì.

oOo

Rồi đến trạm kiểm soát trước khi vào thành phố, người ta hỏi kỹ hơn đến những giấy tờ chàng không thể có. Huân bước ra khỏi xe trên con đường đầy bụi. Chàng xách chiếc túi nhỏ bằng một tay, còn tay kia buông thõng, chàng đi thật chậm theo sau một người lính về phía hàng rào kiểm soát. Ở đó là giấy kẽm gai.

THÁI-LĂNG

(trích truyện dài cùng tên)

Rượu bổ
QUINQUINA

Quina '9'

CÔ ACIDE GLUTAMIQUE

*khai vị,
ăn thêm ngon.*

BỔ OC
bồi dưỡng
cơ thể






BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

KN 2071.8YT

đã phát hành

TƯ TƯỞNG SỐ 5

Số đặc biệt về :

MARTIN HEIDEGGEE

VÀ SỰ THẤT BẠI CỦA TƯ TƯỞNG
TÂY PHƯƠNG HIỆN NAY

với những bài của : **Phạm Công Thiện, Ngô Trọng Anh, Lê Tôn Nghiêm và Trần Công Tiến**

Với một Tình Yêu hướng tới và cho đi không mong cầu. không đợi chờ đền đáp, niềm khổ đau ám ảnh cũng có thể là một hạnh phúc tuyệt vời, nỗi thiếu vắng thường xuyên cũng có thể là một gắn gũi xót xa ; đó là Tình-Yêu-Tội-Nghiệp của người con gái trong :

VỤC NƯỚC MẮT

tác phẩm mới nhất của

NGUYỄN-THỊ-HOÀNG

tổ hợp GIÓ xuất bản . 350 trang

THIÊN CỒ

Hồn tôi vốn cũ
Linh tôi vẫn khuya
Cảnh vắng đi về
Đường thơm lá mục
Khu vườn cây hồng
Ngôi nhà mái lá
Lặng trời mênh mông

Nhưng hồn ma cũ
Diu qua thiên cồ
Trập trùng đời xưa
Đêm nào gió mưa
Chiều nào nắng quái
Tháng nào bão cầm
Mùa nào nước lớn
Trôi xa trôi xa
Hồn ma tang bồng

Những đêm mộng寐
Thấy quê nhà xưa
Còn nguyên mái rạ
Còn đủ ruộng sân
Còn vắng trăng cũ
Chong đời mịt mù

Đó ai thiên cồ
Đá còn bây giờ
Cây từ năm xưa
Đất ngủ đời đời
Tôi còn đủ hơi
Sống qua năm tháng
Nhớ người vô hạn
Còn ai mất ai?

(Thanh-Xuân)

ĐẠ SẦU

Đời rộng, một mình
Những đêm đứng đây
Không chờ không trông
Trời ngủ nhiều mây
Sao thức đầy đồng
Cỏ khô cỏ cháy
Buổi loạn người điên
Ta đi khắp miền
Tìm xương tìm thịt
Những người nằm xuống
Trong giấc tình cờ
Chôn vùi mộng mơ
Đời sau còn nhớ?
Người sau có quên?
Những người ở lại
Ngày tháng buồn tênh

Hôm qua người sống
Bây giờ người đâu?
Bữa trước nguyện cầu
Chiều nay đã chết!
Núi cao biển sâu
Vang lời thống thiết
Canh khuya gục đầu
Nhớ thương em nhỏ
Mất, còn nơi đâu?

(Thanh-Xuân)

BIÊN GỌI

Thơ TƯỜNG-LINH

Mai sau tôi về hoang-đảo xa
Ở đó cây và đất chưa già
Ở đó màu trắng chưa nhiễm độc
Tiếng mùa reo giữa tiếng chim ca

•

Nhìn lưà hoa đậu chưa có tên
Nỗi buồn lục-địa cố người quên
Tôi xa kẻ sống xa người chết
Như một hải-nhi mở mắt nhìn

•

Viễn đất mờ xa tận cuối trời
Bao giờ lại mở hội xuân vui
Máu anh máu chị đau huyền-thoại
Hương cũ còn chằng sắc lửa ngời !

•

Hãy để tôi yên người hỏi người
Và xin người hãy xóa tên tôi
Trong guồng nhân-thế đa-đoan ấy
Chút vốn tin yêu mất cả rồi.

•

Tiếng nói quen xưa lịm tắt dần
Tôi nghe biên gọi những lời thân
Ngàn sau tôi vẫn nằm trên cát
Âm hải-triều lên khóc cố-nhân.



Nhức đầu

• Nhức

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

KN số 1211/BYT/QCQP

NÓI ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN CẬY :

TỰ LỰC

Số 92 — Đại lộ Lê-Lợi — Saigon
ĐT. 20.267

SÁCH VỜ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH
SÁCH GIÁO KHOA

VIỆT, ANH, PHÁP

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm
xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại

NHÀ SÁCH TỰ-LỰC

Theo bước di dân

Vào một buổi sáng, từ một tỉnh lỵ nổi tiếng sản xuất nhiều thứ trái ngọt, chị mang hành lý đến một quận lỵ hẻo lánh nằm bên dưới hai trái núi nhỏ. Chuyển công tác của toán Xã Hội gồm năm người : Anh Sinh, toán trưởng có nụ cười rất hiền, chị Lý với dáng mảnh khảnh, anh Định khổ người nhỏ choắt, và em Lịch một cậu trai mới lớn lém lỉnh và bắt đầu đại gái.

Chiếc trực thăng vừa đáp xuống bãi thì mặt trời đã lên đỉnh đầu. Cơn nóng nực ủa đến. Bụi cát ở bãi đáp bốc mịt mù và đuôi dòn về phía Chi Y-Tế. Một tốp quân sĩ đang ngồi rải rác ở hành lang của Chi để chờ chuyển bay vụt đứng dậy chạy ús lại chiếc trực thăng.

Toán Xã Hội chui qua chiếc cổng đón chào ầu khách để đến Bộ Chỉ-huy Chi-Khu. Chị Lý nói :

— Khí hậu ở đây khác xa khí hậu ở Saigon.

Anh Sinh nói :

— Ở đây cao hơn Saigon 100 thước.

Anh Sinh day qua chị nói :

— Bất cứ ở vùng cao nguyên nào, phong thổ cũng hợp với phụ nữ. Ở đây lâu, thế nào các cô cũng hồng hào...

Chị nhìn Sinh cười đầy hậu ý. Sinh hiện giờ vẫn là nhân tình của chị. Chính nhờ anh, chị sống thoải mái, không

dồn nén nhưng cũng không mơ ước. Cuộc đời trong trẻo quá làm chị đôi lúc có cảm tưởng mình như con hình nhân múa may giữa ruộng dưa nhờ sức mạnh của gió. Sinh đã có vợ con. Anh không thể tiến xa hơn cuộc lên lút với chị. Còn chị, một quả phụ, dù trẻ đẹp nhưng không hy vọng bước đi một bước nữa trong khi chị còn ba đứa con nhỏ ở nhà.

Đón tiếp toán Xã hội là viên Trưởng Ban Chiến tranh Chính trị của Chi khu. Hấn có nét mặt mუმ-mုံm, da trơn, tóc húi ngắn. Hấn nói :

— Quý vị lên đúng lúc. Mai đây quận sẽ có mở cuộc di dân vĩ đại từ các làng chưa kiểm soát về chỗ định cư.

Nét mặt hấn non tươi, nhưng thân hình hấn cao lớn. Bộ quần áo treillis cắt bỏ sát làm nổi cặp mông đầy đặn của hấn. Chị quan sát hấn, ngờ ngờ đó là một khuôn mặt quen thuộc vào thời thơ ấu. Nhưng đúng lúc chị ném về hấn cái nhìn vụng trộm, thì hấn cũng nhìn chị một cách ngượng ngùng, gian xảo.

Viên trưởng ban Chiến tranh Chính trị dắt bọn chị vào một căn nhà trong Chi Khu rồi nói :

— Quý vị tạm ở đây. Thời gian đi công tác còn dài lắm.

Hấn giao cho anh Sinh chum chia

khóa, rồi nhìn chị một cách gian xảo làm chị quắc mắt gườm gườm nhìn lại. Hấn nở nụ cười để đối phó.

Chị Lý cất giọng trong trẻo, bảo chị :

— Tôi lo dọn dẹp đây, e n nên đi chợ mua thức ăn, dù sao chúng ta vẫn phải nấu nướng.

Em Lịch nói :

— Tôi không quen ăn cơm tiệm. Bọn đầu bếp khách trú tra cho nhiều mỡ dầu vào món ăn.

Dù sao chị cũng phải phụ chị Lý dọn dẹp. Căn phòng hơi tối, chỉ có một cửa sổ. Ánh sáng lại bị che khuất bởi dây nhà lợp tôn hơi cao, cách cửa sổ dăm ba thước. Chị quét sơ bộ phần đóng bằng những mảnh ván thông, và giữ bụi hai chiếc ghế bố màu đà. Hình như căn nhà này chưa bỏ trống quá một tuần. Cửa sổ không mạng nhện, và bụi chỉ phủ một lớp mỏng trên bộ phận. Chị vào buồng tắm. Nước còn nửa lu, trong góc kẹt còn vướng một chùm tóc rối. Quá khứ của căn nhà này có lẽ dăm ấm với bóng dáng của một người đàn bà.

Chị dọn dẹp với chị Lý độ một tiếng đồng hồ thì xong. Chị bước ra vòng rào Chi khu. Một người đàn bà đứng ở cổng, mặc chiếc áo dài đen, tóc uốn cao nhìn chị chăm chú rồi hỏi :

— Cô thuộc toán Xã-hội phải không?

Chị gật đầu. Người đàn bà tự giới thiệu :

— Tôi là nhân viên chi Thông Tin. Tôi trông cô hơi quen. Hình như trước kia cô ở Vinh Long ?

Chị nhìn khuôn mặt người đàn bà. Trong sào huyết của ký ức bỗng nhóm lên một tia lửa. Chị hỏi lớn :

— Chị Bình đó phải không ?

Người đàn bà nắm tay chị :

— Cô Kim, cô nhớ dai đó chứ.

Bình đưa chị đến một quán nước lụp xụp cất bên Chi Cảnh sát. Ở đây khá rộn rịp. Những người có việc lo thủ tục giấy tờ ở tòa Hành chánh ở Chi Cảnh sát, và nhóm binh sĩ ở Chi Khu, cùng bọn Thám kích Mỹ có thể lại đây uống nước chanh hoặc la-ve để giải khát.

Bình chọn một cái bàn trong chỗ kín đáo rồi gọi hai chai cam vàng. Chị ta nói :

— Tôi ở đây được ba năm rồi.

Bình là vợ anh Xuân người hàng xóm của chị. Vợ chồng anh đã bỏ xứ trên mười năm. Trước kia chị ta trắng trẻo, mập mạp. Bây giờ chị ta hơi khô, nét mặt có vẻ ưu phiền mệt mỏi.

Bình nói :

— Anh Xuân mất đã ba năm rồi cô ạ. Anh ở quận này làm Trưởng Chi Thông Tin, đi công tác ở ấp 5 bị V.C phục kích. Tôi được ông phó quận thương tình đưa tôi vào làm ở chi này, với số lương quá ít ỏi.

Chị Bình thở dài :

— Tôi mắc kẹt ở đây luôn. Hết nghĩ tới chuyện về xứ. Tôi phải nuôi hai cháu nhỏ sinh năm một. Đứa lớn hiện nay được sáu tuổi.

Chị Bình thở dài, chấm nước mắt. Bỗng có tiếng người lao xao ở mái hiên quán nước. Chị Bình ngồi nhồm dậy, ngóng cổ nhìn ra, nói :

— Xe công voa về !

Một đoàn xe vận tải nhà binh rầm

rộ kéo qua, bụi đỏ bay tạt vào quán. Rồi đó có tiếng trục thẳng rền rĩ ngoài bãi đá. Một binh sĩ Địa-phương-quân, mặt đỏ gay, răng bịt vàng chói lọi, bước ra ngoài hiên nhìn chăm chú. Một lát hẳn tươi cười, bước vào :

— Bữa nay lãnh lương được rồi. Ông Trung úy Hát ở Trung đội Tài-chánh ôm cặp da bước xuống trục thẳng ki kìa.

Một người lính Nghĩa quân khác vươn vai ngáp :

— Bà chủ quán ơi ! Cho năm chai la-ve đi. Tối nay lãnh lương, nên bây giờ tôi phải xài cho hết mớ bạc vun.

Bình buồn rầu nhìn chị :

— Ở đây, tin tức thư từ đến chậm lắm. Mỗi một chuyến trục thẳng đến là tôi bồn chồn, hy vọng có một thư quen... Nhưng hơn nửa năm rồi, tôi không nhận gì cả. Có lẽ người thân đã quên tôi rồi...

oOo

Chị quên kể cho em hoạt cảnh một Chi khu giáp biên giới với trái tim và linh hồn riêng biệt của nó. Đây cũng là một thung lũng, nhưng không có hoa vàng thán thoai. Nó có một quá khứ sán lạn vì dân sống ở đây bám víu vào nguồn lợi phong phú của đồn điền cao su. Nhưng bây giờ rừng chồi lẩn rừng cao su bị khai quang. Những vùng bất an ninh bị dội bom thường xuyên, nên hãng cao su phải ngừng hoạt động. Khung cảnh ở đây xơ xác nhất là vào những buổi xế chiều.

Sau khi từ giã chị Bình, chị đi ra chợ mua một ít trứng, bắp cải và thịt nguội. Bữa ăn trưa hôm nay không thể tươi tắn hơn, bởi vì chị cảm thấy hơi

mệt do sự di chuyển và do cái cảnh nhốn nháo, hoạt động mà chị vừa mới tiếp xúc. Chị đi ngang qua Chi khu, gặp toán binh sĩ khiêng những bao gạo từ trên xe để cất vào nhà kho. Một toán khác thì lôi những thanh sắt chất đống ở bên hông khu hành chánh về phía khu cổ vấn Đồng minh. Nhưng ở đó, thiên hạ bu nghet tánh tò mò xui chị rẽ vào đám đông. Một chiếc xe Dodge mui trần đậu gần bên chiếc hầm nôi. Xác chết một thanh niên nằm ở trong lòng xe, chân gác lên băng. Cạ vụt lợm giọng khi nhìn đôi bàn chân trần, tái xanh của xác chết vẫn còn mang giếp làm bằng lốp xe. Gió buổi sớm phe phẩy lật ngược tà áo sơ mi sọc đen của hắn để lộ cái bụng trắng nhợt nhạt có một mảng lông chạy từ lỗ rốn trở xuống. Máu từ ngực vẫn rỉ rả ứa ra. Viên Trưởng ban Chiến tranh Chính trị bảo chị đó là xác chết tên xã ủy Việt Cộng do nhóm Thám kích Mỹ hạ sát. Hình như tên huyện ủy có mang theo trong người một số tiền bốn ngàn đồng và một khẩu Colt Trung cộng Giọng của viên Trưởng ban Chiến tranh Chính trị sao mà khô lạnh. Xác chết vẫn nằm tênh hênh ở trong xe. Mọi người bàn tán, không lộ vẻ cảm xúc mạnh, trong khi đó chị có cảm tưởng sống lưng, gáy, trán của mình như có một phiến nước đá chuỗi qua. Chị bợn dạ, muốn mưa mà mưa không được.

Em ạ, trưa hôm đó chị không ăn cơm nôi. Giấc ngủ trưa đầy hình ảnh đôi bàn chân và cái bụng của xác chết. Chị tỉnh dậy, mình mẩy đau đớn một cách âm ỉ, miệng lạt và khô.

Viên Trưởng Ban tới thăm chị, và hắn lộ vẻ tinh quái khi nghe chị hồn hồn kể lại cái ám ảnh của chị. Chị mời hắn uống trà, thứ trà bột của Mỹ đựng trong

những chiếc lọ dài. Trong câu chuyện, viên Trưởng ban Chiến tranh Chính trị của bộ chỉ huy Chi Khu này tỏ vẻ bất mãn đời sống quân đội cùng hệ thống bàn giấy. Hắn cho rằng ở những công tác Ủy ban Điều hợp Tâm lý chiến, hắn mới tìm đôi chút không khí sôi động và hắn được hồi hộp đề mà sống thú vị. Hắn chấm dứt câu chuyện bằng cái ngáp. Những người trong toán Xã hội đi đầu mất. Chị đi tắm, rồi sửa soạn nấu cơm vì hôm nay chị giữ việc bếp núc, ngày mai tới phiên chị Lý, ngày mốt tới em Lịch, và cứ thế luân phiên tới hết người trong toán, trừ anh Sinh ra.

Mâm cơm do tay mình dọn, dù ở bất kỳ nơi đâu cũng gọi cho chị cái không khí gia đình. Chị mới gia nhập Toán Xã hội chừng ba tháng nay và làm việc ở Ty. Đây là lần đầu tiên chị đi công tác với Sinh người đầu tiên mà chị không hề đặt nhiều kỳ vọng vào tương lai. Anh Sinh có đầu óc quá nặng về gia đình mà chị yêu con mình nên chị không bao giờ muốn chia xẻ tình thương của chị đã ban cho chúng với một người đàn ông nào khác. Nhưng chị thấy dễ chịu khi nghĩ tới cuộc đàn diu với Sinh. Những chiều mưa êm đềm, tại một khách sạn tối tăm ở tỉnh lỵ chị đã tìm sự an ổn trong vòng tay của Sinh. Những cơn ân ái dồi dào cùng cơn mưa rào rào trên mái ngói đã giúp chị quên quăng đời góa bụa và cái gánh nặng gia đình. Sinh không hẳn là con người bí mật, có những thái độ cần tặc quá đáng. Song chàng không muốn đời sống tình cảm riêng tư của mình phơi bày lộ liễu trước mặt mọi người trong toán. Chị thì phó mặc cho sự xếp bày của Sinh và chị sung sướng một cách vừa phải.

Cán phòng của khách sạn như dần

vào ký ức của chị một nét đậm đà. Mỗi buổi sớm mai thức dậy, trong vòng tay của người đàn ông hiền lành đó; chị có thể nhìn bầu trời xanh mưa, mây trắng mịn như mỡ cừu ngoài cửa sổ. Làn da mềm mại và ấm áp của chàng như gây một sự chờ che làm chị yên tâm, mơ lại giấc mơ lạc vào thung lũng hoa vàng như lúc mới trưởng thành.

cOo

Căn Toán Xã hội tạm trú thuộc căn cứ một Đại đội nã n sát Bộ Chỉ huy Chi khu. Ngày Di dân đến. Trước đó một ngày, cả một trung đội công binh của sư đoàn, toán Dân Sự Vụ của Khối Chiến tranh Chính trị Tiểu khu, một trung đội Cảnh sát Dã chiến, và một Đại đội của sư đoàn tấp nập đổ về... Một ngày nghỉ xả hơi dành cho chị. Song sự ồn ào của Trung đội Công binh làm chị mất giấc ngủ trưa. Đó đây trong doanh trại xe vận tải quân sự đậu lênh nhễnh.

Bồn nước, chảy theo giờ giấc và theo số lượng đã ấn định nên không đủ cung cấp cho mọi người tắm gội giặt rửa, nên chị qua Chi Y-tế rửa ráy, giặt rũ. dịp này chị gặp Tuyết cô bạn cũ làm cho Ty Y-tế tỉnh. Tuyết bận rộn lắm. Nàng chỉ vào nhà xác, nói:

— Đêm qua toán Thám kích bị định quân bao vây. Nghe nói bọn họ thiệt hại năm sáu nhân mạng gì đó. Ngoài ra có bảy người bị thương nhẹ.

Chị chợt nhớ là đêm qua, khi tiếng súng cối pháo kích vào Lữ đoàn của quân đội Đồng Minh thì trên không trung, vài chiếc phi cơ rọi đèn bay vùn vù trên lãnh thổ Chi khu và hỏa châu chốc chốc bắn sáng rực trời. Bây giờ, trong Chi Y tế bảy người quân nhân băng bó nằm trên những chiếc giường sắt đợi chờ về

Bệnh Xá Tiều khu. Họ đã ngủ thiêu thiêu vì trời đã trưa quá rồi. Mùi ê te bay phảng phất và bụi từ chỗ đáp phi cơ chốc chốc theo cơn gió khô nóng ùa vào.

Tuyết nhìn qua bên chi khu nói :

— Buồn thật. Ở đây có vẻ như là một chỗ bị bỏ quên.

Cô Y-tá trực nói :

— Nhưng ở đây rồi người ta sẽ bị ràng buộc. Hồi mới lên đây, tôi khóc hoài. Nhưng rồi một người đàn ông đến với tôi, chia sẻ với tôi tâm sự. Bây giờ anh là chồng tôi. Sức mấy mà tôi tính chuyện đi nơi khác.

Chi thăm nghĩ nếu Sinh và chị lập gia đình ở đây... Song ý tưởng đó thoáng qua, nó không gợn lên đầu óc chị một mơ ước hoặc một xúc động của con nào. Đêm qua Sinh đã bảo với chị :

— Tội nghiệp cho bọn người di dân. Họ đã sống từ lâu ở nơi chôn nhau cắt rún, bỗng nhiên bị tập trung về trại định cư.

Chi lại hỏi Sinh bọn họ sẽ lấy gì sinh nhai. Chính quyền địa phương chỉ giúp họ một ít thực phẩm quà tặng, vật dụng xây cất nhà cửa lúc đầu. Sinh có vẻ trầm ngâm. Nhưng dù sao đi nữa, đem những người dân ở các vùng chưa kiểm soát về quản lý là một sự sắp đặt tỉ mỉ và chu đáo của chính quyền. Họ phần nhiều thuộc về thân nhân của đối phương và nếu trại định cư gần quản lý, chắc chắn dân chúng trong quản sẽ tránh bớt những cuộc pháo kích của đối phương.

Em ạ, chắc chắn là đối phương sẽ mất địa bàn hoạt động. Sau cuộc di dân

này, những vùng chưa kiểm soát đó sẽ bị dội bom B52. Đó là một chuyện đau lòng. Chính quyền chỉ tập trung ở một địa điểm cơ rúm. Xung quanh là bóng đêm và ác mộng. Chị không sao yêu nổi một cuộc đất mà chung quanh tràn ngập sự dọa dẫm, và sự sinh nhai trông cậy vào các sở Mỹ. Chị chợt nghĩ đến chị Xuân, đến cô Y tá trực. Họ đã có một lý tưởng hoặc một ước vọng gì đó mới có thể bám víu nơi đây. Những người đàn bà thuộc con nhà lành đi tha phương cầu thực phải bao lâu mới quen được cuộc sống ở một xứ lạ? Chị sẽ sống cuộc đời dờn dờn theo những chuyển công tác. Nhưng chị sẽ được nhìn ngắm nhiều cảnh vật, chứ không phải ép mình đóng khung vào một nơi hoang vu buồn bã.

Dân trong các làng thuộc vùng chưa kiểm soát đã kéo về trại định cư. Quân sĩ các binh chủng, các ngành cùng phối hợp giúp đỡ họ dọn dẹp nhà cửa. Chỉ loáng một buổi chiều mà mỗi căn nhà trong trại đã được treo cờ xí, bích chương, biểu ngữ Toán Xã hội còn phải phụ với chi Cảnh Sát để kiểm kê hoặc làm cuộc sưu tra dân định cư để phát gạo cho họ.

Buổi xế nông bức. Chỗ định cư là một ngôi trường tiểu học nằm sát bên doanh trại của toán thám sát Mỹ. Bọn người lo việc kiểm kê làm việc tại những chiếc bàn viết dành cho học trò kê sát nhau. Chiếc máy phóng thanh đặt trên ngọn cây bả đậu chốc chốc vang lên giọng tố Cộng của toán Dân sự vụ, hoặc của Chi Thông tin. Ngay trôi về oái. Cơn gió ở bãi đất trống vẫn không xua đuổi cơn nóng chút nào. Em Lịch và Chị cứ loay hoay ghi chép. Công việc quá nhiều, nên đầu óc chị tối sầm.

Một người đàn bà vạch ngực đen thui để cho đứa con bốn tháng bú. Bà ta lại gần chị than :

— Trời ơi ! Không có nước làm sao mà uống, hoặc rửa ráy nè trời.

Chị trao cây bút cho chị Lý, cầm chiếc nón lá dắt người đàn bà đi lại viên Trưởng Ban Chấn tranh Chính trị, kể rõ tình trạng thiếu nước cho hẳn nghe. Hắ vội vã trèo lên chiếc xe Dodge nói lớn :

— Yên chí ! Chốc nữa sẽ có xe nước đem lại.

Chị nói đùa :

— Kiểm nước xong rồi thì phải về đây lo việc phát gạo. Rán làm phước cho thiên hạ nhờ. Rồi ông sẽ kiếm được vợ đẹp.

Hắn cong cớn :

— Tôi chỉ ước ao vợ tôi cao ráo, sạch sẽ như cô thôi.

Chị bước lại chiếc xe của Ty Y-tế màu trắng đục như sữa. Gần sát bên xe một chiếc bàn vuông chất đầy thuốc, rế-sô, nồi luộc kim tiêm và dụng cụ bằng bó .. Tuyết và toán y tá của Chi Y-tá loay hoay tiêm thuốc ngừa cho dân

Vừa thấy chị, Tuyết nói :

Khi nào về tỉnh nhớ thăm em. Em sẽ đãi chị ăn măng cụt và sầu riêng.

Chị mỉm cười không đáp. Thú thật, chị ngại những sợi dây liên lạc lỏng lẻo. Chị không bao giờ muốn lưu lại tỉnh, trừ những đêm sống ở khách sạn với Sinh. Hơn nữa, công việc cung cấp nhu cầu cho đám di dân còn bề bộn. Nhân viên trong toán Xã hội thay phiên nhau nghỉ xả hơi trong một thời gian ngắn, và còn công tác ở đây có lẽ trên nửa năm. Những chuyến đi

về làm cùn nhứt những dự định nóng hổi của chị và chị thật sự thấy cuộc đời mệnh - ông, loãng nhạt, khó nhóm lên một mục tiêu để chị bám chặt.

Chị lững lừng ra cổng trường học. Một toán người gồm đàn bà sồn sồn, ăn mặc rách rưới đang vây lấy toán Dân-sự-vụ để lãnh bánh mì.

Một bà già, răng khuyết, mặc chiếc áo bà ba vải đen, phai màu, vá ở vai, sau khi cầm ổ bánh, nói với toán Dân-sự-vụ một cách chân thành :

— Cám ơn Mỹ Ngụy.

Mọi người cười ré lên khiến bà ngạc. Viên Trung sĩ của toán Dân-sự-vụ nói :

— Ngoại ơi, chỉ tụi Việt Cộng mới gọi tụi cháu là Mỹ Ngụy thôi. Ngoại nhớ cho.

Bà già cười lỏn lển :

— Ấy, tôi quen miệng rồi.

Hình như cuộc di dân đã chấm dứt vào lối ba giờ chiều. Khi đoàn xe vận tải ngừng lại trước cổng trường thì binh sĩ ủa lại phụ giúp dân chúng khiêng lúa gạo, đồ đạc, bàn ghế xuống xe. Mỗi một căn lớp học, có thể chứa được ba gia đình. Phần đông là người già cả, phụ nữ và trẻ con. Đoàn ông thì gồm những kẻ tàn tật. Em có tưởng tượng chăng những mảnh đời lẩn khuất giữa nơi thâm u, sống lây lất, lem luốc như dân tộc thiểu số ? Chị lại nghĩ đến những trận mưa bom dội trên những thung lũng xanh rờn. Từ trên trục thẳng nhìn xuống, chị chỉ thấy những hố bom trắng toát và sâu hùm in lên nền cỏ xanh rờn, và nền cỏ bị rỗ chằng chịt trông thật hãi hùng. Vậy mà ở những nơi đó, người ta vẫn sống lây lất... Bây giờ cuộc di dân đã

xua họ ra quản lý, họ ngỡ ngác như những con chuột trước ánh sáng của ngọn đèn pha.

oOo

Không hẳn là ở đây, cuộc sống khô cằn. Mỗi chiều anh Định thường lại nhà người bán báo để mua loại báo chống bóng chính quyền và Quốc-hội. Người bán báo mỗi ngày phải cỡi xe Honda đi lên một thị trấn gần sát biên giới để mua báo về. Mỗi tờ tạp san cũng như nhật báo bán mắc hơn giá chính thức năm đồng. Tin tức quốc nội cũng như ngoại quốc đều đến đây cũng còn nóng sốt và mọi người tra sẵn tin tức đều mãn nguyện.

Chiều nay, tại một quán bán kem và nước cốt trái cây, Sinh và chị ngồi thoải mái đọc báo. Quán đông nghẹt lính sư đoàn. Một đĩa hát do Adamo trình bày vừa thay thế đĩa hát vọng-cổ Cốc kem lạnh, rắc đậu phộng trên mặt nằm bên tờ tạp chí phụ nữ.

Sinh hỏi chậm rãi :

— Em muốn về Saigon không ?

Chị lơ đãng :

— Sao cũng được. Nhưng về cùng anh thì hơn.

Chị bỗng nghẹn ngào. Những cuộc ăn nằm với Sinh trong căn phòng của khách sạn nơi tỉnh lý làm chị có cảm tưởng mình là một kẻ bán phấn buông hương. Tình yêu mà xây ra ở nơi mang nhãn hiệu có vẻ phong trần đó làm chị nhìn quá rõ hoàn cảnh mình.

Tiếng Sinh ảm áp :

— Em có điều gì buồn ?

Chị im lặng. Ở các bàn bên cạnh, bọn gái điếm cười giữa rộn rịp. Bộ

quần áo dành mặc trong nhà của chị bỗng làm chị nhột nhột. Tự nhiên chị nghĩ : mình có đi xa đời sống ngoan hiền cũ không ? Cuộc đời làm công chức với những công tác lưu động như dán một nhãn hiệu không mấy tốt đẹp lên thân thể chị. Cuộc sống phiêu bạt không thích hợp với đàn bà dù nó đầy đầy những công tác cao đẹp.

Sau một hồi kiếng đồ, các cô gái làm trong sở Mỹ túa ra. Giờ tan việc thường ồn ào tiếng nói cười. Năng đã khuất sau dãy nhà bên kia đường. Một chiếc xe bò kiu kịt đi qua. Sau đó là một đoàn trâu đi ngược với các cô gái làm trong sở Mỹ.

Sinh nói :

— Chúng ta còn đi nhiều nơi nữa.

Buổi chiều ồn ào nhưng thiếu thân mật bỗng làm chị rưng rưng muốn khóc. Chị lại nghĩ đến những người di dân tập trung ở một nơi trống trải đầy nắng vàng và bụi cát. Chiến tranh thường xua người ta ra khỏi những nơi quen thuộc... Chị cũng vậy, chị cựa quậy một cách khó khăn với chuyến đi như thế này. Dầu sao, người đàn bà bình thường vẫn muốn có một mái nhà để dọn dẹp một căn bếp để nấu nướng, một ông chồng và đàn con để săn sóc... Em ơi, hình như chị đi sai một nhịp điệu của bản trường ca gồm tất cả ý nghĩa đời một người đàn bà.

Sinh nói :

— Ta về Chi khu thôi.

Anh sáng đã xám màu chì. Những rẻo đường về Chi khu giăng đầy kềm gai. Chị về tới căn nhà tạm trú thì đã đổ đèn. Rải rác đó đây, những sạp bán thức ăn và bán đồ nhậu đốt đèn khí đá. Từ những đống súng cộng đồng, thỉnh

thoảng tiếng sùg cối đình tai nhức óc vang lên.

oOo

Chiếc Caribu cất cánh. Tai chị ù đi. Đã một giờ trưa rồi. Mất bốn tiếng đồng hồ ngồi ở phi trường của Lữ đoàn, chị thấm mệt. Vì không đổi được tiền « xen » nên chị chịu nhịn đói, nhịn khát vì không mua được bánh « săng ưích » và nước cốt trái cây. Tiếng động cơ rền quá như vò nát đầu óc chị, cơn buồn nôn kéo đến và chị cảm thấy ở chân tóc chị mồ hôi lạnh ứa ra.

Đêm qua, chị phát gạo ở tại trường Tiểu-học mãi tới mười giờ tối. Em có tưởng tượng được chăng, trọn ngày dân chúng định cư thiếu nước? Mãi đến chạng vạng, xe nước mới đến. Người người chen lấn ò ạt ở cái bể xi năng. Đợi khi họ mang được nước về tới chỗ tạm trú, toán Xã-hội mới phối hợp các nhân viên ban Tiếp liệu để phát gạo cho họ. Chị làm sao quên được những khuôn mặt gầy gò, hốc hác, những tấm áo hôi hám, vá víu chẳng chị, những cặp mắt mệt mỏi bất mãn vây chung chị quanh dưới ánh đèn từ trên cây bã đậu rơi xuống? Gạo thuộc thứ viện trợ màu vàng vàng, phân phát một cách dè sẻn. Chị lao đầu vào công việc, một tay cầm cái đấu bằng thiếc, một tay cầm một khúc tre, đong gạo không ngừng tay. Trời im gió, nực nội. Bụi cám dính đầy tóc tai quần áo chị làm da chị xót ngứa.

Khi về tới chỗ dành cho toán xã hội, chị mệt nhoài. Phải nằm nghỉ một lúc lâu, chị mới đủ sức lê chân vào nhà tắm. Giòng nước mát lôi cuốn bụi bặm và chất mồ hôi nhờn trên da chị, nhưng cơn lạnh khó chịu như chui vào lỗ chân lông của chị. Rồi đó, cơn bão hoải, ngắt ngày kéo đến. Trọn đêm qua giữa cơn

hâm hấp sốt, chị chìm trong những giấc chiêm bao mù mịt. Chị mơ thấy lạc loài trong một đồng cỏ và chị chợt thấy dưới chân núi lấm tấm trên nền xanh mượt những chấm vàng rực. Thung lũng hoa vàng! Chị kêu lên mừng rỡ và chị chạy cắm đầu cắm cổ tới nơi mơ ước đến théo trút cả mồ hôi. Nhưng tới chừng đến đó, chị chỉ thấy đó là những vệt nắng. Rồi đó, thảm cỏ xanh phai màu dần dần, nắng chảy tràn ngập úp lấy chị xóa nhòa mọi màu sắc. Chị vùng vẫy trong nắng và chị kêu to lên, ra khỏi cơn ác mộng.

Bây giờ chị phải về Saigon. Cơn sốt còn vấy vùng trong từ khớp xương, trong từng sợi thịt, chiếc Caribu chao lên chao xuống. Qua khung cửa kính, một áng mây trắng mỏng như khói thoáng qua. Chị nhòai mình nhìn xuống phía dưới. Mặt đất chẳng chịt những hố bom Ngọn núi phơi mành dưới màn trời xanh biêng biếc. Dòng sông màu nâu uyển chuyển lướt trên màu xanh tươi của ruộng lúa. Thung lũng hoa vàng chỉ là một miền Đất Hứa... Chị tự thấy mình ngông quá.

Đám di dân đã rời nơi quê quán và hiện giờ sống trong những căn nhà lợp tôn. Nhóm công binh chỉ xây cất một số nhà đã ăn đình. Hai gia đình ở chung một căn. Làng số 2 là nơi tập trung của họ. Xéo xéo bên kia cụm rừng cao su đã đốn rạp, một đại đội Địa Phương Quân đóng đồn để canh giữ đường lưu thông của địch. Thật ra, chỗ định cư cách đây nửa tháng đã có một đại đội Tân Lập chiếm đóng. Binh sĩ của đại đội đó đã đào giếng, rào kẽm gai xung quanh căn cứ. Trong vòng hai ngày, trâu bò được cắt chuồng cách xa giếng nước và heo, gà, vịt đã đi lại ở bãi đất trống sau trại.

Suốt ngày, toán Xã hội bị dân di cư kéo tới than phiền là không đủ gạo nấu cơm, không đủ vật liệu sửa nhà, yêu cầu phát thêm dầu ăn...

Ủy-ban Điều-hợp Tâm-ý-chiến làm việc không ngơi dưới ánh nắng chói lòa và trong không khí lảng vảng những vầng bụi đỏ. Thật ra làm sao để cho họ thỏa mãn được? Chính quyền chỉ giúp họ phương tiện sinh nhai ở lúc đầu.

Thật chị sướng sờ bắt bao khi nhìn rõ được những cuộc sống rải rác, nhẩn nại giữa bao biển cỏ hải hùng, bây giờ đến vùng an toàn lại chấp chờn thấy viễn ảnh nghèo đói thất nghiệp.

Bây giờ chị được phép nghỉ xả hơi một tuần lễ. Chiếc máy bay vẫn tung mây lướt gió. Giữa tiếng động cơ đình tại nhưóc óc, thế mà những quân nhân người Mỹ đồng hành với chị vẫn ngủ gà, ngủ gật trên những chiếc ghế thành dựa lưng đan bằng dây. Gần về phía đuôi phi cơ là một kiên hàng to tướng được bọc bằng tấm ny-lông trong suốt.

Di nhiên là chị sẽ trở lại cái quân lỵ diu-hiu này. Bàn tay chị vô tình đặt lên bụng mình. Chị sức nhớ tới những cơn cơn dạ, những phút chóng mặt của chị trong tuần qua. Có thể là một mầm sống đang tượng hình trong bụng chị. Nhưng chị cố gắng tự bảo: có gì quan hệ nữa đâu? Cái viễn ảnh đi công tác lang thang khắp xó xỉnh tối tăm của đất nước làm chị chưa chi đã nản lắm

rồi Chị nghĩ tới Sinh... Nước mắt chị ứa ra. Chị khóc cho cuộc đời bấp bênh của mình, một quả phụ còn trẻ đang mắc kẹt vào một hoàn cảnh bế bộn, khó thể bước đi thêm bước nữa...

Chị khoanh tay lại. Động tác đó làm chị có cảm tưởng, mình đang bám víu một cái phao, nhưng càng bám víu chị càng sợ hãi, hoang mang. Những người phụ-nữ trong đám di dân sau khi về làng số 2 có thể nào liên lạc với chồng của họ đang theo Cộng sản và còn lẫn khuất ở nơi mà họ vừa tách rời? Chị lại nghĩ tới chị Xuân, đang trôi nổi ở một xứ lạ, cũng góa bụa như chị, dù có cảm thấy lẻ loi nhưng đã tìm một chỗ sinh nhai. Sống quen được một khung cảnh, một môi trường là cả một vấn đề thời gia. Nhưng còn chị? Chị khao khát sống với một người đàn ông mà chị yêu, thế mà chuyện đó như một thung lũng hoa vàng, dấu trong chiêm bao đi nữa, chị cũng không gặp được.

Chiếc phi cơ nghiêng cánh và đáp xuống phi đạo. Tiếng động cơ bót ồn, nhưng cơn nóng lại ủa đến. Khớp xương và bắp thịt của chị như muốn tách rời lẫn nhau. Trong đầu chị tiếng ồn ào của ảo giác càng lúc càng rậm, mồ hôi chị vả ra. Cơn buồn nôn kéo đến... Phải chăng mình đang bị thai hành? Chị ôm lấy bụng, kẹp thật sát chiếc xác tay vào bụng. Anh Sinh ơi! Chị kêu thầm và cảm thấy một chiếc màn đen từ từ áp vào mặt mình.

HỒ TRƯỜNG AN

REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức Hòa-Lan

Người ta đã nói nhiều về Hàn-Mặc-Tử, nhưng đây là quyển sách đầy đủ nhất về Hàn-Mặc-Tử của

HOÀNG-DIỆP

HÀN MẶC TỬ

Thi sĩ tiền chiến

Giải thưởng Phê bình Văn Chương năm 1967
của Trung tâm Văn bút Việt-nam

Bán tại Nhà sách Khai-Trí 62 đại lộ Lê-Lợi Saigon

đã phát hành

TRÊN ĐỈNH YÊU ĐƯƠNG

Luyện tập 16 bài tình ca của TRẦN-TỬ-THIÊNG

- Bìa Trịnh - Cung — Phụ bản Đỉnh - Cường, Trịnh-Cung.
Tựa Hoàng-TrúcLy.
- Tác giả xuất bản — Diên-Hồng tổng-phát-hành.

Cadao mới phát hành :

1) KIERKEGAARD, NGƯỜI CHỨNG CỦA CHÂN LÝ

của Georges Gusdorf — Tôn Thất Hoàng dịch

« Thế giới ở thế kỷ XX, bị xâu xé bởi những giao đồng chiến tranh và cách mạng, những khủng hoảng kinh tế và xã hội, nên không còn có thể tự nhận diện được mình trong những nền triết học của Tủ Sách Hồng. Nhưng thế giới ấy đã tự nhận diện được mình trong tư tưởng bi đát của Kierkegaard và trong thái độ bi quan tích cực của ông. Kẻ nào chỉ hy vọng nơi con người thì phải còn xem con người là đối tượng cho tín điều của mình, và sự hy vọng của y phải luôn có giá trị đầu y có đủ mọi thất vọng. Con người hiện đại, vì có đức tin nơi con người, phải có đức tin nơi cái gì vượt quá con người. »

2) **THÂN PHẬN** Thơ Hoài Khanh in lần hai có thêm 17 bài trích trong tập *Dâng Rừng*.

Người nữ tu

• truyện • LAN-SƠN-ĐÀI

anh cúi xuống nhìn hàng sao lằng đằng
tình yêu bay theo từng tháng sương mù
Chu-Vương-Miền

« Những ngày dài đầy sương mù trong đời tôi trên khắp các mặt trận Tây nguyên, khuôn mặt nàng không lúc nào ngừng rạng rỡ, chói sáng trong trong tôi. Người nữ tu ấy (chàng dùng chữ như vậy) như một huyền nhiệm, một thần được đối với tôi. Em biết không...

Chàng ngừng nói và tôi tự nhiên bị bàn tay chàng nhắc hẫng lên. Chàng thả tôi đứng xuống và hôn phớt lên gáy tôi đang khi khom xuống nhặt mấy hạt cát li ti dính trên chiếc quần «din» màu cứt ngựa đã hơi cũ. Và chàng nói :

« Sau nhiều đêm tôi leo tường trốn ra khỏi bệnh viện đi lang thang như một con chó đói. Rồi một buổi sáng, như nhiều buổi sáng tôi đã trải qua trong bệnh viện, người nữ tu ấy leo lên từng bậc thang trước hành lang, bước đi nhẹ nhàng trên từng bóng nắng lọt qua chòm cây của bệnh viện chiếu thẳng xuống từng viên gạch trước cửa phòng tôi. Như một chiếc lò xò, tôi bàng hoàng ngồi bật dậy. Hình như «Sơ» có vẻ ngập ngừng một chút rồi bước thẳng vào. Tôi ngã đầu chào đi :

« Anh không nên như vậy nữa ». Di nói sau khi trao cho tôi ly nước lọc còn nóng và mấy viên thuốc khi nói chuyện, tôi để ý thấy khuôn mặt di hơi ngược

lên và có vẻ như cau-có tựa một kịch sĩ đang đối thoại với một nhân vật khác trên sân khấu.

« Bệnh anh cần tịnh dưỡng kỹ, không nên thức khuya » Ngừng một lúc, di lập lại « Không bao giờ nên thức khuya. Giường anh đêm nào cũng chỉ còn chần đấp lên gối, Gia đình anh không có ai ở Saigon. Và nếu anh tiếp tục mãi tình trạng đó, bệnh anh sẽ không còn có hy vọng gì cứu vãn được. Anh đã quên những điều bác sĩ nhắc nhở anh trong mấy ngày đầu anh đến đây rồi sao ?

Hình như lúc đó tôi muốn nói một điều gì với di nhưng không biết sao tôi chỉ cúi đầu như để né tránh những điều di vừa soi rọi vào tôi.

« Tối nay có chiếu phim, anh nhớ ở lại và lên xem Một phim tình cảm, khá lắm. » Di lại bảo « Thôi anh nản nghỉ đi ».

Cơn gió ngoài khơi thổi thật mạnh, xô sóng vào bờ. Chàng choàng tay ngang lưng tôi. Một lần nữa tôi bị chàng nhắc hẫng người lên khỏi mặt cát và bước nhanh như chạy về phía trên bờ để tránh cơn sóng đó. Khi vừa đặt tôi trở lại thế quân bình, giọng chàng đều đều kể tiếp :

« Một đêm kỳ lạ bắt đầu ». Chàng

liếc nhìn tôi « Em biết không, khi phim chiếu tới đoạn người tình của cô gái già từ nàng đi về một miền núi để tiếp tục thi hành sứ mệnh gì đó. Cuộc chia tay hết sức ngậm ngùi dẫn ra tại một thị trấn nhỏ của miền Nam nước Pháp. Buổi chiều có tuyết rơi và tinh thoảng một vài cỗ xe lao ngang vun vút. Tôi hỏi như nói với tâm hồn bệnh hoạn của mình.

« Mỗi lần xa nhau như vậy chắc phải buồn lắm «Sơ» nhỉ. Dĩ nhiên tôi gần như chăm chỉ vò đầu khe khẽ gật. Dĩ nhiên bằng hơi thở như chỉ để riêng mình tôi nghe « Chỉ tôi nghiệp cho người ở lại, anh có nghĩ thế không ». Hình như tôi kéo dài tiếng « dạ » sau câu hỏi đó của di. Và trong bóng tối của hàng ghế sau cùng, tôi thấy cánh tay phải của tôi bỗng nhiên rơi hết sức nhẹ nhàng lên đầu gối trái của di và nằm ở đó rất lâu. Tuyệt nhiên không có một phản ứng nào cả dù một cử động khẽ về phía di. Sự xê dịch của bàn tay tôi hình như rất chậm và từ từ ngược lên phía đùi của di sau đó. Một cảm giác hề hề sức mát mịn chạy đều trong cơ thể tôi, và tôi nghe hơi ấm dần dần từ hai bên thái dương rồi cả khuôn mặt tôi như nóng hần lên. Tôi nói một câu gì đó và hình như di nghe không rõ nên quay sang nhìn tôi và như là phiền muộn.

« Sơ sợ ánh sáng lắm, anh nhìn hộ Sơ đi ».

Dường như lúc đó tôi thu tay về, trước khi buông hẳn lớp vải trắng trên chiếc đùi mềm mại của di. Cả hai như cùng một lúc quay nhìn về phía màn ảnh. Cánh tay tôi tựa lên trên thành ghế với dáng điệu của một người ngồi nghe thuyết trình viên nói chuyện trong một buổi hội thảo nào đó rất chăm chỉ, đứng đắn.

Buổi chiều xuống rất chậm. Gió từ ngoài khơi thổi vào. Từng cơn. Từng cơn. Chàng với tay gỡ chiếc kính râm của tôi và kéo vạt áo rộng thênh thang của chàng lên lau những hạt cát nhỏ li ti trên chiếc kính ấy. Chàng trao trả lại tôi bằng dáng điệu thật chậm chạp và mệt mỏi. Đó hình như là một tác phong đặc biệt cố hữu của chàng. Gần tháng trời nay, tôi luôn luôn bắt gặp như vậy và không có ý kiến gì. Chàng lục trong túi lấy ra một điều thuốc xi-gà và le lưỡi liếm trên toàn thể điều thuốc ấy trước khi vén ống quần lên lấy chiếc bịch lửa Sémor gas ra và nép sát vào lưng tôi bật lên châm hút. Tôi nghe nóng ở lưng và nói « cháy em, anh » chàng kho c tay lên vai tôi đi ngược lại bư cát cũ. Tôi nhìn thấy một cặp dĩa trắng trước mặt và định rượt theo bắt chàng. Chàng bảo lớn « Thôi đừng, em ». Tôi đứng lại theo lệnh của chàng. Ngoài xa sóng từng tràng trắng dĩa. Mùi thuốc lá của chàng thơm hết sức dịu dàng, gây cho tôi cảm giác gần như thoải mái trong cơn nắng cuối của buổi chiều ở miền biển. Chàng bế hẳn tôi lên đôi tay rắn chắc của chàng. (mà chàng như nửa đùa nửa thực với tôi một vài lần trước đây là đôi cánh của một thiên thần mới) bước qua một vùng nước và chàng đặt tôi ngồi trên một ghềnh đá cao có hạng trong mấy ghềnh đá chung quanh. Nước trùng trùng ngoài xa. Bây giờ cơn gió chừng như đã dịu. Tuy nhiên tôi vẫn co rúc trong người chàng. Chàng rít một hơi xi-gà thật dài và trao cho tôi cầm, giọng chàng lúc này êm như cơn sóng dịu nhẹ ngoài kia xa :

« Trên màn ảnh còn lại một chữ FIN tro trên. Tôi chưa nghĩ ra một lời văn hoa nào để chúc Sơ trước khi trở về phòng ngủ thì di đứng lên thoảng bên tai tôi.

« Anh ngủ ngon đêm nay ».

Tôi bối rối hẳn lên nửa muốn bước theo đi nửa muốn bước nhanh về phòng mình, miệng lầm bầm « Sơ cũng ngủ ngon ». Tôi chợt có ý nghĩ nếu đi bắt gặp khuôn mặt tôi lúc đó chắc hẳn phải buồn cười đến chết đi được. Tôi vội sờ túi định tìm thuốc lá hút cho đỡ ngượng với chính mình. Bao thuốc chẳng còn một điếu nào. Tôi vô ná và vứt bao không vào một xọt rất gần đó. Tôi đưa mắt nhìn về phía phòng của ban giám đốc bệnh viện. Bóng trắng của Sơ đã mất hút tự lúc nào. Tôi lầm lũi trở lại phòng mình nghe hồn tội nghiệp. Đêm đó tôi không leo tường để làm một con chó hoang ngoài phố. Nhưng cũng thật vô ích cho sức khỏe của tôi, một đêm ngủ lại nơi đang có hàng trăm lá phổi không ở trong tình trạng bình thường.

Sáng hôm sau, người bước vào phòng tôi để phát thuốc là một di Sơ tôi chưa từng quen mặt. Buổi cơm trưa hôm đó tôi không trở lại phòng ăn như thường lệ bởi cơn buồn bã và sức khỏe bị hao vùi của một đêm thức trắng. Tôi ngủ một giấc gần đến 4 giờ.

Trong phòng ăn buổi chiều hôm đó, tôi ngồi ở cuối bàn. Sơ xuất hiện dưới mắt tôi hết sức huy hoàng và đột ngột trong y phục người nữ tu trắng vào phút cuối của bữa ăn. Di sẵn sóc và hỏi thăm từng bệnh nhân sau khi nhìn một lượt khắp phòng. Tôi cúi mặt làm ra vẻ rất chăm chỉ và từng miếng cơm như một công chức già vô tư lự. Người sau cùng trong phòng ăn hôm đó mà Sơ dừng lại để hỏi thăm sẵn sóc là tôi. Tôi thăm thán phục và cảm ơn sự tế nhị này của di. Di ngồi xuống chiếc ghế trống bên cạnh tôi của một người bệnh

vừa ăn xong. Di gấp cho tôi từng miếng thịt, từ 1g cọng rau thơm, lượm từng hạt cơm rơi rớt chung quanh tôi Sơ này ép tôi phải ăn thêm, ăn thêm mãi. Nhìn bàn tay sẵn sóc triu mến của di, tôi bỗng nhớ đến mẹ tôi, người đã chết hàng chục năm rồi. Và tôi muốn khóc. Su cùng Sơ vừa bẻ cho tôi từng đoạn chuối vừa hỏi :

« Đêm qua anh có ngủ ngon không ».

Nuốt xong đoạn chuối Sơ vừa trao, tôi cúi nhìn lơ đãng xuống chân mình và đáp rất khẽ :

« Đêm nay chắc phải xin Sơ mấy viên thuốc an thần ».

Nói xong tôi ngược nhìn lên mặt Sơ và di nhẹ nhàng rút bàn chân di ra khỏi bàn chân của tôi đứng lên bước mau ra khỏi phòng. Tôi bắt gặp Sơ khép vội đôi môi khi thoáng thấy bóng người bước vào thu dọn phòng ăn.

Lão già dọn phòng quen thuộc nhìn tôi cười đùa.

« Ăn được mấy ngàn bát cậu ».

Tôi đáp vã lả cho qua.

« Ăn tợn lắm cụ ạ ».

Nói xong, tôi đứng lên chào lão rồi lách mình bước ra khỏi phòng.

Buổi chiều nắng rất nhẹ trên hàng cây xanh của bệnh viện. Tôi nghĩ chắc những ngày cuối cùng của mùa hè đã qua rồi khi nhìn sang mấy cây phượng cảnh nhánh xác xơ của một ngôi trường nằm im lìm bên trái bệnh viện cách mấy con đường. Tôi châm một điếu thuốc thơm vừa đưa lên môi kéo từng hơi khi nhìn thấy dáng của Sơ thoáng qua hành lang khu bệnh nhân. Vài con bệnh thơ thẩn ngoài công viên.

Bãi biển chiều nay người thật vắng. Tôi nói ý nghĩ đó khi trao lại mẫu nước xi gà chỉ còn thanh gổ cho chàng. Mấy giọt nước biển tung lên khi chàng ném thanh gổ ấy xuống mặt nước. Tôi hỏi chàng có lạnh không, chàng lắc đầu và vòng tay chàng siết chặt hơn vào thân thể tôi. Tôi nói với chàng « Em muốn khóc quá ». Chàng hỏi « Tại sao ? » Tôi trả lời « không biết nữa ». Và tôi tựa đầu lên vai nghe chàng nói :

« Tôi đã trở thành một bệnh nhân tốt của bệnh viện từ đêm tôi thăm dò tình ý của Sơ. Đêm buồn bã nhất và cũng là đêm cuối cùng như thế này :

« Không thể nào mặc một chiếc áo dài được sao ».

Di cúi mặt làm thinh.

Tôi tiếp tục ru Sơ lạc vào vùng « cấm địa »

« Người ta có thể bỏ ngai vàng, bỏ hàng triệu tiếng gọi về theo một tiếng gọi. Chuyện đó đã có xảy ra ».

Giọng Sơ như âm vang của một lốt đàn tranh lạc :

« Người ta khác ».

Tôi nắm tay di trong bóng tối. Bàn tay thật mềm mại và quyến rũ, và tôi hôn lên đó thật lâu. Tôi thì thầm :

« Rồi tôi sẽ ra sao khi bỏ bệnh viện này ».

Di đáp :

« Có một người cũng đau khổ nào khác chi anh ».

Một chút ánh sáng hành lang rơi vào kẽ cửa, tôi nhia thấy mắt Sơ đã ướt và một nụ hôn dài tôi đặt lên đôi mắt ướt đó. Tôi nói như trong cơn hôn đỗi với di :

« Tâm hồn Sơ rộng lớn quá. Bao

dung với tất cả loài người, không muốn bao dung cho một người ».

Tay di hơi run nắm lấy vai tôi.

« Anh, không phải thế, không phải thế đâu »

Một mũi lau tôi phóng nhanh để đưa di về phía chân tường :

« Hình như tôi ác tưởng quá về cuộc đời này, Sơ ạ »

Di bối rối trong dáng điệu hết sức tội nghiệp khi lập lại « Không phải thế, không phải thế đâu anh » và di uất nghẹn từng cơn.

Tôi làm như không nghe thấy sự uất nghẹn đó của di, giọng tôi vẫn đều đều như cơn mưa dai dẳng :

« Sự cởi áo nhà tu của Sơ chắc sẽ làm cho cả nhân loại kinh ngạc lắm. Sơ sợ thế phải không ».

Và tôi gợi ý chung thân với di một lần chót :

« Nếu thế, tôi sẵn sàng chôn vùi cuộc đời tôi bên di ở một miền xa xôi nào đó chỉ có hai người ».

Di nghẹn ngào :

« Không thể được, anh không hiểu gì hết. Thôi đừng nói thêm nữa » Di hơi run trong tiếng thở dài.

Người nữ tu ấy, em biết không, là con vợ của một vị cố đạo người bồ đào nha lai Pháp. Khi nàng mở mắt chào đời cũng là lúc vị cố đạo ấy được lệnh của giáo hội phải sang Phi Châu với một giáo vụ mới. Nàng lớn lên trong tình thương yêu cao ngất của mẹ. Nhưng mẹ nàng bị chết một đêm trên đường hồi cư bị máy bay oanh kích lầm. Lúc đó nàng vừa hưởng xong mùa xuân thứ mười một. Trong cơn đau đớn của tuổi thơ và trước vong hồn

mẹ, nàng nguyện suốt đời hy sinh cho chúa. Nàng ví mẹ nàng là người đ n bà đau khổ nhất trên đời, sau chúa. Nàng được một người đàn ông từng yêu mẹ nàng tha thiết nhưng chẳng đạt, giúp đỡ và gửi nàng vào học trong một trường dòng theo lời yêu cầu của một người bà con họ ngoại của nàng. Người đàn ông sau đó phiêu bạt mãi đến hôm nay nàng vẫn chưa may mắn gặp lại một lần nào. Nàng cho rằng tôi là người có nhiều nét giống ông ta mà nàng nhớ được qua ký ức.

Đêm đó nàng ngồi lại khóc cho tôi nghe gần đến sáng. Nước mắt nàng như từng giọt mồ hôi rơi xuống vai tôi đều đều, ấm nóng. Tôi mơ hồ nghĩ nàng như một kẻ lưu đày trên hoang đảo xa, Đối với nàng, tôi như kẻ « tha hương ngộ cố tri ». Thỉnh thoảng nàng cũng kể cho tôi nghe một vài đoạn trong thánh kinh mà nàng cho rằng vì mẹ nàng không có dễm phúc được đọc và ảnh hưởng nên mẹ nàng phải khổ và bị chết một cách oan uổng.

Nàng n.ủ thiếp trên tay tôi sau khi kể lễ thật nhiều điều.

Tôi xuất viện sáng sớm ngày hôm sau. Khi ra gần đến cổng, tôi nhìn lại thấy nàng đứng tựa thành cửa sổ nơi phòng riêng qua lớp sương mờ.

Sau những ngày rời bệnh viện không lâu, tôi được lệnh gọi nhập ngũ 1 khóa Sĩ quan trừ bị, tuy sức khỏe chưa được hoàn toàn hồi phục, nhưng tôi vẫn không được tiếp tục hoãn thêm một khóa nào nữa, sau những lần được miễn hoãn vì lý do sức khỏe, nghề nghiệp con độc nhất, rồi thặng dư tài nguyên.

Những ngày khi chưa được gán « anpha », tôi thật khổ sở vô cùng vì thương nhớ đến nàng. Thư tôi viết đi từ quân trường gửi về nàng 5 lần 7 lượt mà hồi âm vẫn chẳng thấy phương nào. Những hôm ngoài bãi tập, tôi thường vẽ tên

nàng và thánh giá trên cát, trên mũ, trên giày ba chạc, trên quần áo trận cho đỡ buồn, đỡ khổ. Lần đầu được về phép, tôi tìm ngay đến bệnh viện cũ để thăm nàng. Nhưng khi đến nơi, người ta cho biết chỗ ở mới của nàng bây giờ là một trại cùi ở miệt tân uyên, biên hòa gì đó. Tôi nghĩ chắc câu chuyện giữa tôi và nàng đã có đệ tam nhân dòm ngó. Thật khổn khổ cho nàng hết sức. Tôi buồn bã trở lại quân trường và nằm lì trong đó vào những ngày nghỉ suốt khóa học. Tôi cũng chưa có ý định phải tìm nàng với bất cứ giá nào.

Khi cầm lệnh bổ nhiệm trên tay, tôi đọc thấy cấp bậc của mình không phải chuẩn úy như các bạn đồng khóa và đơn vị tôi phải đến trình diện là một sư đoàn bộ binh, tên nghe lạ hoắc. Đó là kết quả của một đêm sinh hoạt. Tôi đến trễ khoảng chừng 5 phút giờ tập họp buổi tối. Và tôi đã bẽ gãy một chiếc răng cửa của một sĩ quan cán bộ.

Tôi bảo chàng « Anh kể lại em nghe chuyện đó đi ».

Chàng « ừ » và nói :

« Mẫu đối thoại đó như vậy :

— Anh đi đâu ?

— Dạ, đi « ngoài ».

— Anh có biết giờ tập họp không ?

— Dạ có biết nhưng không có đồng hồ.

— Đồng hồ anh đâu ?

— Dạ « mãi » rồi.

— Anh đùa với tôi hả ?

— Dạ, không dám.

— Đồ mất dạy, các anh đừng ý các anh là công chức, giáo sư, kỹ sư rồi vào đây làm trời, tôi bẽ răng các anh, nghe rõ chưa ?

— Dạ rõ. Nhưng thưa Trung úy, vừa bảo ai mất dạy.

— Tối bảo anh, tôi bảo các anh.

— Bốp, bốp, bốp bốp...

Tôi vỗ vỗ vào vai chàng nói 'Thích quá anh nhỉ, và tiếp.

« Trời tối quá rồi anh? Lúc bấy giờ mặt nước biển dưới chân tôi có nhiều chiếc bong bóng nhỏ. Chàng hỏi tôi 'Đói bụng chưa'. Tôi lơ đãng trả lời chàng :

« Em chưa nghe đói tí nào ». Và như nhớ ra điều gì quan trọng, tôi đưa tay lên sờ chiếc cằm của chàng, nơi có nhiều sợi râu xanh và cứng, tôi hỏi :

« Sao anh không được biệt phái về dạy học »,

« Biệt phái cái con khỉ, bọn anh là chuyên viên mà, biệt phái rồi lấy ai đánh giặc » chàng ho một tiếng sau câu nói.

« Đánh giặc mà cũng có chuyên viên nữa sao anh ».

« Ai biết, người ta bảo bọn anh là hạ sĩ quan (nguyên là giáo chức) hiện thời là chuyên viên của quân đội nên khó thay thế lắm ». Chàng trề chiếc môi dưới trông hết sức kiêu ngạo.

« Thằng bồ của con bạn em nó được biệt phái từ mấy tháng nay rồi ».

Chàng đáp « Thế à » và hỏi tôi :

« Thằng đó làm tới quan mấy »

« Quan cửt khô gì, nó học Thủ đức mới ra trường được vài tháng, thằng hồi còn ở ngoài cà chớn lắm, nó đeo em như đĩa đói vậy anh ».

Chàng bảo sau một nụ cười rất tức cười :

« Thằng đó là tổ sư thầy giáo đó em, đừng tưởng bở. Chứ như bọn anh 7 tám năm dạy học, 4 năm năm làm lính trên rừng sức mảy mà được may mắn đó. Thời loạn người ta ban phát ân huệ tùy thích mà em ».

Tôi nắm hẩn trên đôi bàn tay hộ pháp của chàng. Chiếc cằm có nhiều râu xanh của chàng đưa qua đưa lại trên hai má tôi làm tôi nhột điếng cả người.

Chàng thả tôi xuống bãi cát và nói :

« Cắt kính đi em »

Vài tiếng kêu của loài chim biển đôi vùng thênh thang trên nền trời đen xịt nghe man mác cả hồn. Tôi bảo :

« Mình về, anh »

LAN SƠN ĐÀI

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S.O.A.E.O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) - SAIGON

Tél : 93 741 - 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCHOLPROPANE
— PROUOXYDE D'AZOTE — ARGON, EUC...

Matériel pour soudures oxy-acétilénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Thời sự thế giới

TỪ TRÌ

Bất lực của Liên-Hiệp-Quốc. khủng hoảng xã hội tại Pháp, bầu cử Quốc-hội Tây-Đức, và những nỗ lực ngoại giao để vấn hồi hòa-bình ở Trung-Đông là những đề mục chính được dư luận quốc-tế chú trọng tới trong những ngày qua.

Trong tất cả mọi trường hợp này người ta đều thấy các chính phủ hay các nhà hữu trách gặp những khó khăn khó vượt qua. Nhưng sự-kiện trên cho ta thấy rõ tình hình thế-giới luôn luôn vấp phải những cuộc khủng hoảng không lớn thì nhỏ khiến mọi nỗ lực, chính trị, ngoại giao và kinh tế đều ổn định, càng ngày càng ít hy vọng thành công.

Khóa họp thứ 24 của Đại-hội-đồng Liên Hiệp Quốc

Đại-hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc đã nhóm họp kỳ thứ 24 Lần đầu tiên trong lịch-sử của tổ chức, một phụ nữ Phi-châu được bầu làm chủ tịch. Đó là bà Angie Brooks, Thứ-trưởng Ngoại giao Liberia. Bà Brooks là một luật-gia có tiếng tại Liberia và bà đã từng có 15 năm kinh-nghiệm tại Liên-Hiệp-Quốc.

Với tính thẳng thắn tự nhiên, bà Brooks ngay trong bài diễn từ cảm tạ các đại-diện đã bầu bà làm Chủ-tịch, đã nhấn mạnh đến sự bất lực của Liên-Hiệp-Quốc trong việc bảo-vệ an-ninh thế-giới và trong công cuộc thực hiện tiến-bộ của nhân-loại. Bà yêu cầu các quốc-gia hội viên tỏ thiện chí hơn lên để cứu vớt uy tín của tổ chức.

Chương trình nghị sự của Đại-hội-

đồng năm nay rất nặng nề vì Đại-hội-đồng sẽ phải bàn cãi các vấn đề bỏng cháy như tình hình Trung-Đông, vấn đề nhân quyền tại Bắc Ái-nhi-Lan, vấn đề kỳ thi chủng tộc tại Rhodésia, Angola và Mozambique và sau hết vấn đề chấp nhận Trung - cộng gia nhập Liên-hiệp-Quốc.

Tổng-thống Hoa-kỳ Nixon đã đọc một bài diễn văn quan trọng trước Đại-hội-đồng. Ông tuyên bố là Hoa-kỳ đang tiến tới hòa bình tại Việt Nam. Ngoài ra ông còn yêu cầu các quốc gia hội viên dùng áp lực ngoại-giao để buộc Bắc-Việt phải có một thái độ mềm dẻo hơn. Tuy nhiên ông Nixon không tiết lộ thêm điều nọ mới lạ nên các quốc-gia hội-viên đều tỏ ra thất vọng.

Sau đó Ngoại-trưởng Nga Gromyko đã lên tiếng chỉ trích chính sách Mỹ tại Việt - Nam. Ông yêu cầu Mỹ rút quân khỏi Nam Việt và Do-Thái rút khỏi các vùng Ả-Rập họ chiếm đóng từ tháng 6-1967, nhưng ông Gromyko lại đồng thời cho rằng quân đội Bắc-Việt phải được tiếp tục ở lại Nam-Việt và quân đội Nga không thể rút khỏi Tiệp-Khắc!

Với những quan điểm trái ngược này Đại-hội-đồng Liên-hiệp-Quốc trong năm nay vẫn tỏ ra bất lực không kém các năm trước. Tuy nhiên người ta cũng ghi nhận nhiều nỗ lực của các đại cường trong công cuộc đi tìm hòa bình cho Trung Đông. Thật vậy các đại-diện Mỹ, Nga, Anh và Pháp đã đồng ý mở lại các cuộc hội đàm tay tư

đề thảo luận về vấn đề văn hồi hòa bình tại vùng này.

Khủng - hoảng xã - hội tại Pháp và bầu cử Tây - Đức.

Hàng năm cứ vào tháng 9 khi dân chúng đi nghỉ hè về và Quốc - hội tái nhóm phiên họp thường lệ thì chính phủ Pháp đều phải nhúc nhủ để tìm cách giải quyết các yêu sách của thợ thuyền hay giáo chức. Năm nay lợi dụng lúc Quốc-hội và dân chúng đi nghỉ hè, Chính phủ Pháp của Tổng-thống Pompidou và Thủ-tướng Chaban Delmas đã đưa ra nhiều biện pháp để cứu vãn tình hình kinh tế tài chánh : như phá giá đồng phật-lãng và đưa ra một chính sách khắc khổ.

Làm như vậy hai ông Pompidou và Chaban Delmas hy vọng rằng khi dân chúng Pháp nghỉ hè trở về thì hai ông đã thành công trong công cuộc lãnh mạnh hóa nền tài-chánh trong nước để dân chúng có thể chấp nhận dễ dàng hơn một sự đã rồi.

Nhưng hai ông Pompidou và Chaban Delmas đã không đủ thì giờ hành động. Vì đồng phật-lãng phá giá nên giá sinh hoạt đã tăng nhiều. Tuy chính-phủ cấm nhưng các nhà thương mại đã tự ý tăng giá của mỗi sản-phẩm lên 5% nên dân chúng Pháp hết sức bất mãn. Lợi dụng sự bất mãn của dân chúng đảng Cộng-sản Pháp ra lệnh cho thợ thuyền đình công để phản đối chánh phủ. Các công nhân hỏa-xa, xe điện ngầm v...v... đã đình công 7 ngày khiến cho nước Pháp bị tê liệt. Tổng liên đoàn lao công (CGT) của ông Séguay, một lãnh tụ Cộng sản Pháp, tiếp tục kêu gọi đình công. Ông Séguay hy vọng rằng trước khó khăn xã-hội tân Tổng-thống Pháp Pompidou sẽ phải ra đi, đảng

Cộng sản có thể có hy vọng nắm chính quyền.

Trước cuộc khủng hoảng này Thủ-tướng Chaban Delmas đã đưa ra một chính sách mới nhằm mục đích thiết lập một « xã hội mới ». Ông đã mạnh dạn tố cáo là dân Pháp có khuynh hướng phá hoại hơn là xây dựng và ông đề nghị nhiều biện pháp để cải tổ và tân tiến hóa nền kinh tế Pháp.

Nếu dân chúng Pháp chưa rời bỏ khuynh hướng phá hoại, trong tương lai gần đây không những chính thể Pompidou — Chaban Delmas sẽ sụp đổ mà cả nước Pháp cũng sẽ suy sụp theo.

Trong khi tại Pháp đảng De Gaulle cầm quyền đang bị đe dọa thì tại Tây-Đức đảng cầm quyền Dân-Chủ Thiên-Chúa giáo cũng bị đe dọa không kém.

Thật vậy, trong cuộc bầu cử Quốc-hội liên bang vừa qua, tuy đảng Dân-Chủ Thiên - Chúa - Giáo (C D V) đứng hàng đầu với 46% số phiếu nhưng đảng Xã-hội (S P D) lượm được 43% số phiếu tổng quát.

Từ ba năm nay đảng Dân - chủ Thiên-Chúa-giáo liên hiệp với đảng Xã-hội để thành lập một nội các do đảng Dân chủ Thiên-Chúa-giáo đóng vai chủ động. Vì vậy ông Kiesinger (C D U) làm Thủ tướng và ông Willy Brandt (S P D) đóng vai trò thứ yếu với chức vụ Ngoại-trưởng. Nhưng trong 3 năm tham gia chính quyền, đảng Xã-hội đã tỏ ra rất đặc lực. Nhờ có ông Schiller thuộc đảng Xã-hội, trong chức vụ Tổng trưởng Tài chánh, mà Tây Đức thoát khỏi cuộc khủng hoảng do cựu Thủ-tướng Erhard để lại. Thành quả này

được đảng Xã-hội triệt để khai thác nên đảng này đã lượm được kết quả hết sức tốt đẹp trong cuộc bầu cử vừa qua.

Cuộc bầu cử này đã làm cho Tây Đức thoát khỏi hiểm họa độc tài của đảng Quốc-gia dân chủ theo khuynh hướng quốc-xã của Hitler. Tất vậy đảng này không thâu được 5% số phiếu trên toàn quốc nên sẽ không được đại diện tại Quốc hội.

Tuy nhiên hiện thời người ta chưa biết là ông Kiesinger hay ông Brandt ai sẽ làm Thủ tướng. Sự thành lập nội các mới còn tùy thuộc ở một đảng thứ ba là đảng Dân - chủ tự do (C S U). Nếu đảng này quyết định liên kết với đảng Dân chủ Thiên - Chúa - giáo thì ông Kiesinger sẽ trở thành Thủ-tướng của một chính phủ Liên hiệp Dân chủ Thiên Chúa giáo — Dân chủ tự do. Nếu đảng Dân chủ tự do liên kết với đảng Xã hội thì ông Brandt sẽ thành Thủ tướng và đây sẽ là lần đầu tiên từ khi Công hòa Liên bang Tây Đức thành lập một người không thuộc đảng Dân chủ Thiên Chúa giáo lãnh nhận chức vụ Thủ tướng.

Trung-Đông : áp lực của các cường quốc để văn hồi hòa bình

Tại Trung-Đông cả Ai-cập lẫn Do-thái đều đang tìm cách tăng cường lực lượng của mình. Bà Golda Meir, Thủ tướng Do-thái, đã sang Hoa-kỳ hội kiến với Tổng-thống Nixon về vấn đề Trung-Đông. Bà Meir đã lợi dụng chuyến đi này để mua thêm phi cơ và vũ khí trang bị cho quân đội Do-thái.

Ngoài ra Bà Golda Meir còn yêu cầu Mỹ viện trợ cho Do-thái 400 triệu Mỹ kim để đối phó với những khó khăn kinh

tế do quân phí gây ra. Ông Nixon có lẽ muốn dùng sự viện trợ này để bắt Do-thái phải có một thái độ hòa hoãn hơn. Vì vậy mà ông đã từ chối không chịu hứa hẹn một cách rõ rệt. Đồng thời ông cũng triệu Ngoại trưởng Rogers về trình bày với bà Meir những nỗ lực ngoại giao mà Mỹ cùng với Nga đang dùng để văn hồi hòa bình tại Trung-Đông.

Trong khi đó Tổng-thống Ai-cập Nasser cũng dự tính sang Mạc-tur-khoa để xin viện trợ. Nhưng hình như là Nga và Mỹ đã có thỏa thuận với nhau sẵn nên trước khi đi Tổng-thống Nasser đã tỏ ý thất vọng về chuyến công du này. Thật vậy, Nga luôn luôn làm áp lực để Tổng-thống Nasser có thái độ mềm dẻo hơn, mà chấp nhận một thỏa-hiệp-án (modus vivendi) với Do-thái. Nga lại còn đi xa hơn nữa bằng cách âm mưu đưa cựu Thủ-tướng Ai Cập Ali Sabry, thân Nga, lên thay thế Tổng-thống Nasser. Tổng-thống Nasser đã hạ bệ ông Sabry và cải tổ Chính - phủ, thành lập một nội các quân sự, loại trừ mọi vây cánh thân Nga của Sabry, khiến cho các lãnh tụ điện Kremlin hết sức khó chịu. Sau cùng Tổng-thống Nasser cáo bệnh để hoãn cuộc công du sang Mạc - tur-khoa.

Như vậy ta thấy rằng Tổng-thống Nixon đối với Bà Golda Meir và điện Kremlin đối với Nasser đã có cùng một thái độ. Có lẽ trong tương lai cả Nga và Mỹ sẽ hoạt động mạnh mẽ hơn để ép buộc cả Do - thái lẫn Ả - rập phải có một đường lối hòa hoãn. Đó là điều mà hai ông Rogers và Gromyko đang làm tại Liên-hiệp-quốc.

NHÀ XUẤT BẢN THÁI-ĐỘ

trên trọng giới thiệu bộ toàn thư về vấn đề tình dục của con người trong khuôn khổ xã hội, lịch sử và không gian. Đây không phải là những cuốn sách loại *bảo giám* hay *trai gái nên biết* đã có quá nhiều ở Việt-nam, mà là một bộ khảo cứu đã biết, nhằm đặt lại cho đúng và trình bày cho chính xác mọi vấn đề liên quan tới con người như một sinh vật tính dục và tình dục. Tất cả trong một viễn tượng đẹp nhất là tình yêu của con người. Những người viết bao gồm từ những triết gia quốc tế đều biết như MOUNIER, Bertrand RUSSELL, JASPERS... đến các nhà bác học và giáo sư đại học cũng bác sĩ có thẩm quyền nhất trong từng lãnh vực đi từ sự hình thành của bào thai, tới tuổi dậy thì, các lệch lạc đối trụy, hôn nhân, giao hợp, tuổi già và hồi xuân đến các vấn đề giáo dục tính dục, lịch sử tính dục, tương quan nhân loại của con người.

người dịch và giới thiệu : THẾ-UYÊN

TÌNH DỤC

bộ sách cần thiết cho các nhà giáo dục, các tu-sĩ phụ trách ngành nhập thế các đạo cũng các người trưởng thành muốn hiểu rõ trọn vẹn từ cách nam và nữ của con người.

Quyển một 195đ, Quyển hai 150đ, Quyển ba 240đ

XIN MUA ĐÚNG BẢN DỊCH THEO NGUYÊN TÁC CỦA THÁI-ĐỘ

tác phẩm văn-nghệ-xám tháng 10

Ta chống Tây-Sơn vì bất đồng với Tây-Sơn ở nhiều điểm, tuy nhiên đi lính cho Tây-Sơn để chống quân Thanh cũng là cái hay, tại trẻ này trốn vào chùa lý do là sợ chết không dám đi lính, vào chùa mà không chịu theo chúng ta phục hưng nhà Lê... Vậy hiền đệ nói với chúng nó rằng :
« Nhà chùa không phải là quán cơm xã hội để nuôi những loại hèn như vậy ! »

trích **PHÍA MẶT TRỜI MỘC** của CHU VƯƠNG MIỆN

Giá 110đ

Dạ hội Ca vũ Nhạc Kịch Cổ truyền Cố đô Huế

Trong Tuần Lễ Văn Hóa, hạ tuần tháng 9 vừa qua, Giáo sư Nguyễn Hữu Ba, (Giám đốc Tỳ-Bà-Viện, Trung Tâm Phục Hưng Quốc Nhạc V.N.) đã tổ chức một *Dạ hội ca vũ nhạc kịch cổ truyền cố đô Huế* vào ngày 29-9-69 hồi 20 giờ, tại Thính đường Trường Quốc - gia Âm - nhạc và Kịch - nghệ, 112 Nguyễn-Du, Sài Gòn, dưới sự chủ tọa của Quốc-vụ khanh đặc trách Văn-hóa.

Chương trình Dạ-hội gồm nhiều tiết mục : Dân Ca Nhạc Thính - phòng, Nhạc Lễ, Ca vũ và Hát bội do Ban Hương Bình, Ban Dân ca S.V.H.S. Tỳ-Bà-viện, Ban Nhạc Thính-phòng Tỳ-Bà-viện, Ban Đại nhạc, Tiểu nhạc Đại-nội Huế và Ban Hát-bội Đại-nội Huế cùng hợp diễn, thuộc quyền điều khiển của Giáo sư Nguyễn-Hữu-Ba.

Mở đầu chương trình, Giáo-sư nhân danh Ban Tổ-chức cảm tạ sự chiếu cố nồng nhiệt của khán giả và mong mỗi một sự rộng lượng, bỏ qua nếu có gì sơ sẩy trong buổi trình diễn. Kế đó, Nữ kịch sĩ Kim - Cương hồn nhiên và duyên dáng giới thiệu từng tiết mục.

Nguồn gốc của từng điệu hò, câu hát, màn vũ, khúc nhạc đều được giải thích tỉ mỉ.

Khán giả thưởng thức hầu hết các điệu hát đặc biệt miền Trung : từ Lý hoài xuân, Lý tình tang mang mang hoài cổ, qua Lý ngựa ô, Lý giao-duyên tình tứ, linh động, vui tươi đến Lý vọng-phu xót xa, ai oán ; rồi Hò mái nhì tha thiết trầm buồn. Lại cả điệu Vè (vốn là một lối kể chuyện rong rất phổ thông ngày trước) hồn nhiên, đơn giản... Các danh ca đất Huế như cô Tuyết Hương, Thu Tâm, Bích Liên. Bích Vân đã thu phục được cảm tình của khán giả qua làn hơi phong phú, đều luyện ; khi thì ngân dài, cao vút, khi thì lãnh lót, trong trẻo.

Phần hai gồm các điệu nhạc thuộc bộ-môn Thính-phòng.

Hai bản Lưu Thủy, Kim Tiền do các Nhạc sinh Tỳ-bà-Viện đảm trách, hai nhạc khúc trong sáng hồn nhiên, diễn tả được cái vui nhẹ nhàng, dằm thắm khác hẳn thứ vui cuồng thác loạn, thứ vui tươi được điều hòa bởi lý trí điều hòa giữa Thân, Tâm và Trí của con người. Khúc Tùy - hứng do Nhạc sĩ Nguyễn-Hữu-Ba diễn tấu độc huyền là một khúc nhạc do cảm hứng riêng của từng nghệ sĩ, có công-năng đặc biệt đi sâu vào cảm - quan người thưởng thức. Hai bản nhạc Cờ bản và Tứ-đại-cảnh làm cho ta cảm thấy lòng

khinh khoái, thanh thần và mừng tượng đến cái đẹp u nhã của một trời thu muộn. Hai điệu Nam-ai, Nam-bình như kể lẽ mối sầu vong quốc của dân Chiêm có một sức truyền cảm mãnh liệt và sau rốt, khúc Ngũ nguyệt được trình tấu bằng năm nhạc-khí đặc biệt : Tam, Tì, Nhị, Nguyệt, Tranh.

Những khúc nhạc này do các danh cầm đất Thần Kinh : cụ Vinh Trân (anh ruột vua Duy-Đân) các ông : Bửu Lộc, Vinh Phan, Nguyễn Gia Cầm, Nguyễn Hữu Ba.

Phần ba gồm những màn Vũ song cũng có phần Nhạc Lễ. Ban Tồ-chức đã phối hợp tài tình những bài nhạc thích nghi và làm nổi bật các vũ điệu thêm lên.

Trước hết là bài nhạc Ngũ-lôi-cổ, một điệu nhạc trống xuất quân ngày trước, nối tiếp cho bài nhạc Ngũ-lôi là màn Vũ múa kiếm theo tích *Trung Vương xuất trận*. Trong màn này cũng như các màn sau đó : Mã Vũ (thuở xưa vào những dịp đại lễ ở triều đình, Mã Vũ là một trong các vũ điệu được ưa chuộng : 64 người cỡi 64 con ngựa múa trước sân chầu, về sau không dùng ngựa thật nữa, vũ công mang lối ngựa giả mà múa) Múa lục cúng (điệu tả điệu múa cúng dâng sáu thứ : Hương, Hoa, Đàng (đèn), Trà, Quả và Âm nhạc) Phiếm vũ (múa Quạt) ; các nam nữ vũ công đã cống hiến những điệu vũ rất ngoạn mục.

Nhưng phải kể đến màn Vũ Tứ-linh (bốn linh vật : Long, Lân, Qui, Phượng, tượng trưng cho cảnh thái bình) các vũ công mang ốt bốn loài vật ấy mà múa. Đặc biệt nhất là khúc múa : « Lân mẫu xuất lân nhi » diễn tả Lân mẹ sinh con, Lân con chập chững trong những bước đầu trên mặt đất rồi đùa giỡn với cha, nũng nịu với mẹ và sau cùng Chú bé nhảy tót lên lưng mẹ v.v.. quả các nghệ sĩ đã đạt đến mức tuyệt vời, xuất sắc.

Phần tư, phần cuối buổi Dạ Hội là một đoạn trong vở tuồng Sơn Hậu, lớp « Treo mẹ Đổng ». Đến đó thì đã quá 11 giờ đêm nên Ban Tồ chức đề nghị mọi người sẽ không kịp về nhà trước giới nghiêm, phải trưng cầu ý-kiến khán giả. Tất cả đồng thanh :

« Hãy diễn tiếp ! hãy cứ diễn tiếp » Thế là màn cuối bắt đầu.

Một Tạ Ôn-Đình gian manh, quỷ quyết, một Tạ-Thiên-Lãng vừa hống hách vừa trẻ con, một Đổng-Kim-Lân oai dũng từ lúc kéo quân đến hỏi tội Ôn-Đình cho đến lúc lý trí và tình cảm bị xâu xé giữa Trung và Hiếu, đau đớn tột cùng vì nhìn thấy ngọn lửa sắp châm đốt mẹ già bên trong thành bộn phản nghịch ; cho đến vai gia nô lân trung thành của Kim-Lân và vai Đổng-Mẫu, tất cả đã diễn xuất một cách điêu luyện tài tình. Nhất là vai Đổng-Mẫu, diễn viên cho ta thấy tinh thần bất khuất, ý chí sắt đá, gan góc của một cụ già, coi cái chết nhẹ lông qua giọng nói oai nghiêm, sang sảng.

Hát bội là một môn nghệ thuật biểu tượng cổ truyền đang đi dần vào lãng quên mai một vì người ta ít có cơ hội thưởng thức một cách đúng đắn, chính xác.

Những ai đánh giá thấp hay có thành kiến với bộ-môn này, nếu được thưởng thức màn hát đêm nay, ắt nhận ra rằng mình đã sai lầm, đang trách.

Đây là lần đầu tiên tại miền Nam người ta được thấy một Dạ-hội đặc sắc trình diễn Ca vũ Nhạc kịch Cổ truyền, một Dạ hội thuần nhất tính cách địa phương mà vẫn chan hòa màu sắc và dân-tộc-tính; cũng là lần thứ nhất dưới ánh đèn sân khấu miền Nam người ta được thấy qui tụ đông đảo trên 60 nghệ sĩ đủ các bộ môn của đất Thần-kinh.

Có phải đúng như kỳ vọng của Ban Tổ-chức: *Tất cả cho sự Bảo tồn và Phát huy Văn hóa Dân tộc*, các nghệ sĩ đã đặt trọn tâm hồn trong vai trò diễn xuất, đã tận lực, xứng đáng với hai tiếng Phụng sự vô cùng cao đẹp?

MINH QUÂN

THỜI-SỰ KHOA-HỌC

Elmar Eder

Cậu bé 19 tuổi đó, gương mặt thật hồn nhiên. Với đôi mắt sáng và nụ cười hiền hoà, hàng ngày vẫn chơi với cô em gái nhỏ những trò mà bạn bè đồng tuổi cậu vẫn chơi. Chỉ có điều khác biệt là cậu có thể cầm phấn viết giải những phương - trình trong thuyết Tương-đối của Einstein cũng dễ dàng và tự nhiên như lúc chơi đùa.

Elmar Eder là một thần đồng. Các giáo sư ở Âu châu đã không ngần ngại xếp Elmar ngang hàng với một Harway M. Friedman của Mỹ (làm giáo sư toán học năm 19 tuổi), và một Maybel Thompson của Anh (mới 2 tuổi đã biết đọc, 4 tuổi làm được tất cả những bài toán khó, 6 tuổi nói thông thạo 3 thứ ngoại ngữ), Elmar là con một giáo sư toán học nổi tiếng đã từng giảng dạy nhiều năm tại viện Max-Plank ở Áo. Ông qua sống ở Đức lúc Elmar mới lên 2. Chính bà mẹ của Elmar đã khám phá ra thiên-tài về toán học của đứa con và ông bố đã ra công dạy dỗ chú bé. Năm 7 tuổi, Elmar có thể giải dễ dàng

những bài toán vi-tích phân, lên 9 tuổi cậu nắm vững thuyết Tương đối của Einstein và tổ chức một cuộc thảo luận đầu tiên về đề tài đó. Cũng vào tuổi đó, Elmar thông thạo mọi phương-trình toán học của Fourier và một mình tìm lại được tam giác Pascal về cách viết những công thức tổ hợp. Ông Otmar Eder đã phải vất vả lo cho con mình có thể vừa học ở Trung học vừa có thể tham dự vào chương trình Đại học. Elmar là cậu học trò duy nhất ở Âu-châu lấy được vừa bằng tú tài và chứng chỉ về toán trong cùng một năm.

Ông Otmar Eder tin tưởng rằng cách giáo dục có ảnh hưởng rất lớn vào việc đào tạo một thiên tài. Và ông đã dạy cho cô bé Suzanne, em gái của Elmar, vào năm cô này lên 3 tuổi về nguyên do tạo nên trọng-lượng cho mọi vật chất.

Người và khi

Nỗ lực của khoa nhân-chủng-học gần đây là cố gắng chứng minh rằng loài người với loài khỉ... là một.

Cái chìa khóa của vấn-đề đó nằm ở

trong một con khỉ cái có mỹ danh là Jama (viết tắt của Journal of the American Medical Association). Jama thuộc vào giống khỉ giả nhân được các nhà nhân-chủng-học coi là gần giống người hơn cả. Điểm đặc biệt của Jama là nó bị bệnh Mongolisme, một bệnh di truyền chỉ có ở loài người. Về phương diện di truyền học, bệnh Mongolisme do sự hiện diện của một nhiễm-sắc-thể phụ trội gây nên. Loài người chỉ có 46-nhiễm-sắc-thể; như vậy người bị bệnh Mongolisme có 47 nhiễm-sắc-thể. Sự kiện này đã được một giáo sư người Pháp, ông Jérôme Lejeune, nêu lên từ năm 1959. Jama, trái lại có tới 49-nhiễm-sắc-thể, trong lúc các loại giả-nhân bình thường chỉ có 48 nhiễm-sắc-thể.

Như vậy là Jama có cùng một căn bệnh với loài người. Người ta hy vọng là những kết quả thấu lưom được, từ những cuộc khảo cứu trên giống giả-nhân, sẽ giúp chúng ta những hiểu biết tường tận hơn về bệnh Mongolisme.

Người ta đang cố gắng tập cho khỉ biết nói. Con khỉ đầu tiên trong chủng loại của nó lên tiếng là một con khỉ Mỹ. Chú khỉ này có tên là Viki nói được đúng 4 tiếng Mỹ thì chết, thọ được 6 tuổi. Sau thất bại đó, người ta thấy là khỉ không có khả năng phát âm. Hai nhà tâm lý học của V.ện Đại-học Nevada là Allen và Gardner lại thử tìm cách tập cho một chú giả-nhân riêng của họ hiểu những ám-hiệu bằng tay, vì 2 ông nhận thấy là loài khỉ vốn xử dụng chân tay rất khéo léo. Chú giả nhân Washoe này, sau 7 tháng đầu tập luyện, hiểu được có 4 dấu hiệu. 7 tháng sau tiến được tới 9 dấu hiệu và sau gần 2 năm thì đạt được 34 dấu hiệu. Lúc đó Washoe đã có thể hiểu được những dấu hiệu có ý nghĩa

dài dòng như « Đưa cho tôi cái chìa khóa để đi ra ngoài. Lắng nghe con chó nó sủa đó ! » Washoe còn có thể hiểu được cả những ý nghĩa trừu tượng, phân biệt được dấu hiệu của một cái bôm và của mùi hương. Giáo sư Charles Hockett cho đó là một đóng góp lớn lao chưa từng có vào khoa nhân-chủng-học.

Phá thai như một lối thoát

Cách đây không lâu, nạn nhân của loại thuốc Thalidomide đã từng bị một thời kỳ khốn khổ. Nạn nhân không phải chỉ là đứa sơ sinh thiếu cả tay chân mà còn là bậc cha mẹ đã sinh ra nó. Đó là cả một nỗi khổ tâm ! Có những cặp vợ chồng không đành nhìn đứa con bất thành nhân dạng của mình, hay nghĩ xa xôi về tương lai của nó, đã âm thầm tìm cách giết chết đứa con mình. Trường hợp đó đã xảy ra cho một cặp vợ chồng trẻ ở Âu-Châu, và họ đã nhờ chính vị bác sĩ gia đình giúp họ quyết định cũng như giúp họ đầu độc đứa con. Vụ án đã làm dư luận sôi nổi lúc bấy giờ. Cặp vợ chồng trẻ và vị bác sĩ đã được sự ủng hộ của những bà mẹ khác ở mọi nơi vì sự thông cảm đối với nỗi khổ tâm của bậc cha mẹ khi sinh ra một đứa con tật nguyền. Sau cùng, cả 3 người được trắng án. Nhiều người nghĩ rằng như thế là đã tạo nên một tiền lệ và gián tiếp khuyến khích các bà mẹ giết con.

Những đứa trẻ thiếu may mắn khi sinh ra đời, thật ra, do rất nhiều nguyên do. Từ những nguyên do di truyền bắt nguồn từ những liên quan rất xa xôi ở giòng họ, cho đến những nguyên do hoà toàn ngẫu nhiên và những nguyên do ngoại lai ảnh hưởng vào người mẹ trong lúc đang mang thai.

Không phải bất cứ bà mẹ nào cũng có hy vọng như nhau là sẽ có được những đứa con tốt lành. Các bà mẹ trong khoảng từ 21 đến 29 tuổi nhiều hy vọng hơn những người khác. Người đàn bà càng lập gia đình trễ, càng nên lo sợ sẽ có những đứa con bất như ý. Noãn-cầu ở đàn bà không như tinh-trùng ở đàn ông có thể sinh sản mãi mãi, nó chỉ có một số nhất định (khoảng 300). Noãn-cầu trưởng thành dần dần và thời kỳ tốt đẹp nhất để thụ thai là từ 21-29 tuổi, sau đó nó sẽ già

đi và mất dần đặc-tính của nó.

Nhưng bà mẹ đã gặp một vài lần sinh nở khó, hoặc trong gia đình đã có người mang một bệnh di truyền nào đó, bác sĩ có thể giúp họ biết hình dạng của đứa con trước khi sinh ra. Việc làm có vẻ giản dị : Chỉ cần cho một cái kim vào sâu trong túi nhau hút ra một ít nước để phân tích. Khi có dấu hiệu của một thai nhi bất thường bà mẹ sẽ có thì giờ để sớm tìm một cách giải quyết.

TỬ DIỆP
10-69

THƠ-Ì-SỰ VĂN-NGHỆ

Tổng thống nghệ sĩ.

Trong cuộc họp báo ngày 22-9-69 của Tổng thống Pháp Pompidou, một ông chủ bút hỏi về vụ... vòng tay học trò đã siết chết cô giáo Gabrielle Russier.

(Nguyên giáo sư thạc - sĩ Gabrielle Russier, 32 tuổi, góa chồng, có 2 con, yêu một học sinh 17 tuổi. Cha mẹ cậu học sinh phát đơn kiện ; cô giáo bị bắt giam, rồi bị tòa án Marseille ngày 11-7-69 xử một năm tù treo và 500 quan tiền phạt vạ về tội quyến rũ trẻ vị thành niên. Cô Gabrielle Russier tự tử. Dư luận phản đối thái độ khắt-khe của tòa án).

Bị chất vấn về vụ này, Tổng-thống Pompidou cảm động ra mặt. Ông đáp giọng ngập ngừng : « Tôi sẽ không nói tất cả những điều tôi nghĩ về vụ ấy. Tôi cũng sẽ không nói về những điều tôi đã làm. Còn về những điều tôi cảm thấy, thì cũng như nhiều người, eh bien, *comprenez qui voudra ! Moi, mon remords, ce fut la victime raisonnable au regard d'enfant perdu, celle qui ressemble aux*

morts qui sont morts pour être aimés. C'est de l'Eluard. Merci ! »

Thật vậy, đó là thơ của Eluard. Bài thơ nhan đề là *Comprenez qui voudra*, nói về những người con gái bị làm nhục trong thời chiến tranh trước.

Pompidou vừa đọc thuộc lòng một đoạn, vừa sửa chữa mấy chỗ cho thích hợp. Ông Tổng-thống ứng khẩu nhại thơ.

Bí mật nhà nghề

Tạp chí TIN VĂN vừa dành một số đặc biệt để kể khổ về ngành xuất bản tại Việt Nam.

Nhà Buchet-Chastel lại cũng vừa mới cho ra một cuốn nhật ký lạ đời của Edmond Buchet, ghi lại sự việc từng ngày, suốt ba mươi năm trời, trong một nhà xuất bản lớn ở Pháp.

Những điều tiết lộ trong cuốn *Les Auteurs de ma vie* ấy có lẽ mách cho chúng ta được chút ít kinh nghiệm để giải quyết các khó khăn trong giai đoạn ngặt nghèo này chăng ?

Ông Bang Cà Ròn qua Pháp

Ông Bang Cà Ròn là một câu chuyện của Sơn-Nam đăng trên tạp chí Hương Quê. Chuyện lọt vào mắt xanh của ban biên tập tờ *Tin Quê-Hương*, xuất bản hàng tuần bằng tiếng Việt ở Paris.

Thế là ông Bang Cà Ròn được rước sang Pháp. Lặng lẽ. Có lẽ Sơn Nam không hay biết gì cũng nên.

Cùng lượt với ông Bang Cà Ròn, tức là vào đầu tháng 9-69, một phái đoàn nghệ sĩ do thiếu tướng Lâm-văn-Phát hướng dẫn, cũng qua Pháp. Hát nhạc Trịnh Công Sơn cho Việt kiều ở Paris nghe, Khánh-Ly cũng theo thói quen bỏ dép qua một bên.

Từ ông Bang bụng phệ cho tới cô ca sĩ đi chân trần, văn nghệ phen này hỗ trợ chính trị mạnh quá.

Gunter Grass và nước Tiệp bị thương

Tiểu thuyết gia Tây-Đức Günter Grass là bạn của kịch-tác-giả Tiệp-khắc Pavel Kohout.

Trước ngày Tiệp bị Nga xâm-lăng, hai nhà văn trao đổi thư từ, đề cập đến vấn đề chính trị đang ám ảnh số phận Tiệp-khắc.

Một số thư từ ấy vừa được xuất bản, bản Pháp văn dày hơn trăm rưỡi trang, nhan đề là *Lettres par-dessus la frontière*.

Con Bướm bay xa

Vẫn chưa ngớt chuyện *Papillon*.

Cuốn *Papillon* của H.Charrière, trong 4 tháng bán 600.000 bản. Bây giờ lại sắp có người đưa nó lên màn bạc.

Ông chủ nhà xuất bản Robert Laffont đã « trúng » lớn về cuốn sách *Papillon*,

lại còn muốn « trúng » về cuốn phim *Papillon* Ông ta đuổi nó đến tận màn ảnh, chưa chịu buông tha. Nói cho rõ hơn : R. Laffont hùn vốn với nhà sản xuất phim.

Một trong những nhà xuất bản gặp nhiều may mắn nhất tại Pháp trong năm nay đã cho rằng nghề xuất bản thuần túy không lời lãi bao nhiêu. Cứ mỗi cuốn sách 10đ., thì vốn 2đ., phát hành 5đ., tác quyền 1đ.20, quảng cáo 0đ.30, thuế má 0đ.50. Tất cả vị chi 9đ. nhà xuất bản còn lời 1đ. Hưởng 1đ. lời ấy, ông ta phải chịu tổn phí tổ chức, điều hành cơ sở làm ăn, chịu cái rủi ro sách ế v.v...

Nghe ông R. Laffont tả oán, rồi nghĩ tới hiện tượng nhà xuất bản mọc như nấm ở Sài Gòn, mới biết chúng ta gan cùng mình.

Học sinh là gì ?

Họ chưa nói rõ họ là gì. Nhưng họ quả quyết họ không phải những cái khổ để che chỗ kín của một phong trào chính trị.

Tờ tạp chí *Barricades* sảo ra mắt đã tuyên bố trước câu khẩu hiệu của giai đoạn mới : « Nous ne sommes pas les cache-sexe d'un mouvement politique ». Giới trẻ học đường cho biết là họ sẽ nổi loạn. Nguyên cái tên tờ tạp-chí đã quyết liệt rồi. Nhưng họ không để cho các đảng phái chính trị lợi dụng cuộc nổi loạn của họ.

Nghe nói điều khiển nhóm chủ-trương là một cậu 18 tuổi, còn tờ tạp chí chỉ có 12 trang. Tất cả đều bé nhỏ. Không biết họ có làm nổi to chuyện như lời rêu rao chẳng.

TRANG THIÊN

10-69

Cấm ai ?

« Hai nữ mình tình nói chuyện với nhau :

— Mà thấy anh chàng mặc mông-ta-guy xanh kia không ? Bờ của tao đấy. Anh ấy yêu tao tha thiết lắm.

— Thế hả ? Yêu nhau nhau lâu không ?

— Tao không nhớ rõ vì lúc đó tao tháo đồng hồ ra rồi ».

Chuyện cười trên đây là một trong số 150 « Chuyện cấm đàn bà » của nhà văn quân đội Đặng-Trần-Huân, do Sáng-Tạo xuất bản vào tháng trước.

Tác giả cuốn sách mang tên khe khắt với đàn bà trên đây là một người say mê các chuyện khôi hài, tiểu lâm... từ thưở nhỏ và anh đã đọc và sưu tập được rất nhiều chuyện cười ngoại quốc.

Những chuyện cười này anh đã thuật lại, viết lại, biến chế đi, một cách rất có duyên và đem đến cho người đọc nhiều bất ngờ hứng thú. Những chuyện đã in phần lớn đều là chuyện anh viết cho các nhật báo, tuần báo, nguyệt san lớn của quân đội, từ năm 1968, và vì là những « nụ cười của lính » nên cái cười thường ồn ào, vui nhộn, nặng về chuyện đàn bà ; Do đó mà anh ngại là nó không được thanh nhã, có thể làm người đàn bà Đông-phương phải cau mặt, như câu đố sau đây của một em nhỏ trong

tiệc cưới : « Cháu đố các bác biết rằng cái gì mà người nào cũng phải có, nhưng của Thủ-tướng Nhật Sato thì ngắn, của cố Tổng-thống Eisenhower thật dài, của Đức Giáo-hoàng chẳng bao giờ được dùng tới và người đàn ông nào cũng cho vợ dùng chung sau ngày cưới » (1) Bởi vậy tác giả đã phải cho cuốn sách của anh mang tên : « Chuyện cấm đàn bà ».

Nhưng thực ra sự chu đáo của anh hơi thừa, vì đàn bà lại chẳng bao giờ cau mặt khi đọc những chuyện cười của Đặng-trần-Huân cả (rất khoái là khác), mà người không bằng lòng lại là các vị trong Sở Phối-hợp, đã kiểm-duyet sách của anh. Quí vị này, đạo đức cùng mình, nên đã bỏ đi khá nhiều chuyện, thí dụ như chuyện sau đây mang tên là « Ăn tái » !

« Người đàn ông bước vào nhà tình nhân. Trời lạnh. Thiếu nữ mặc mi-ni-dúyp đang kéo cao váy ngồi sưởi bên lò than. Người đàn ông xoa tay :

— Thôi nếu dành cho anh, thì hơi chín quá rồi đấy ! »

Thành ra đáng lẽ chuyện cấm đàn bà phải mang tên là « Chuyện cấm Sở Phối-hợp » mới đúng.

THU THỦY

(1) Câu giải đáp là : « cái tên của người đàn ông ».

Đã phát hành

ZEN VÀ DƯỠNG-SINH

do Ông Thái-Khắc-Lễ biên soạn

(tái-bản lần thứ III) 300 trang

nói về lý-thuyết và cách thực-hành phép ăn chay bi-truyền của các võ-sĩ NHU-ĐẠO và các THIỀN-SƯ Nhật-Bản, có công-năng cải-tạo sinh-lực, làm trẻ đẹp người, thêm tuổi thọ, tăng cường trí-nhớ, chữa lành tất cả các bệnh nan-y như đau tim, bón, mất ngủ, di-tinh, bạch-đái, áp-huyết cao, ung-thư, ho lao, phong cùi, suyễn, bại, điên-cuồng, bị phóng-xạ nguyên-tử v.v...

Giá-bán : 195đ.00

Thư-từ xin gởi về :

Ông PHẠM-CHÂU hoặc
Thư viện Đại-Học Huế

Ông TRẦN-VĂN-RÔ
399/15, Phan-dình-Phùng Saigon

AN TIÊM đã phát hành :

ĐƯỜNG VÀO HIỆN SINH của Krishnamurti

bản dịch của Trúc Thiên 608 trang, giá 290đ

Ý NGHĨA VỀ SỰ CHẾT ĐAU KHỔ VÀ THỜI GIAN

của Krishnamurti

bản dịch của Nguyễn Minh Tâm và Đào hữu Nghĩa

240 trang, giá 103đ

NGƯỜI VIỆT CÓ DÂN TỘC TÍNH KHÔNG

biên khảo của Sơn Nam 112 trang, giá 80đ

CÁI CHUÔNG KHỈ

truyện ngắn của Nguyễn Đức Sơn

136 trang, giá 8đ

những sách trên đều do nhà An-Tiêm xuất bản và phát hành. Các đại-lý ở tỉnh, xin liên-lạc với nhà Lá-Bối 120 Nguyễn-Lâm Chợ-Lớn.

Lần đầu tiên được nghiên-cứu lại và viết bằng tiếng Việt :

ĐỊA-LÝ VIỆT-NAM

của Nguyễn - khắc - Ngữ và Phạm - đình - Tiếu

do Cơ-sở xuất-bản Sử-Địa ấn-hành

— Một cuốn Địa-Lý Việt-Nam phổ-thông rất cần-thiết cho mọi người muốn biết rõ về Đất Việt và Người Việt.

— Một cuốn sách giáo-khoa rất giá trị, khác hẳn các sách giáo-khoa khác dùng cho lớp Đệ-Nhị và thi vào các Trường Cao-đẳng, với những tài-liệu mới lạ nhất, chính xác nhất cho cả hai miền Nam-Bắc.

— Một cuốn sách có rất nhiều hình ảnh và bản đồ, in Offset, chưa hề có trong các sách địa-lý Việt-Nam khác.

Tìm đọc sách SÁNG TẠO :

VĂN-HỌC-SỬ ANH-QUỐC

Quyển II Đỗ-Khánh-Hoan

Tuyển tập Văn chương Nhi đồng

Q. I : **CA ĐAO NHI ĐỒNG**

Doãn Quốc Sỹ sưu tập

TỪ ĐÊM KHỞI CHIẾN

là từ năm 1946 đến những năm 1960, từ cuộc chiến tranh trước đến cuộc chiến tranh này.

Truyện dài LAN-ĐÌNH (Thê-Hiện xuất bản) đã phát hành khắp nơi.

Hội nghị Hồi giáo

VÀ LÒ LỬA CHIẾN TRANH TRUNG-ĐÔNG

(Tiếp theo trang 9)

V.P.

thì các nước Ả-Rập khó có cách nào động viên được khối Hồi-giáo rộng lớn này. Vì thế cho nên Ai-Cập, Algérie là những nước sốt sắng nhất trong việc triệu tập Hội-nghị Hồi-giáo.

Hội nghị này đã khai mạc ngày 22-9 với 25 nước tham dự trong số 35 nước được mời. Ấn-Độ là nước lúc đầu không được mời, sau vì có sự phản đối, lại được mời và có đi dự. (1) Irak là nước Ả-Rập duy nhất từ chối không dự hội nghị. Đi dự Hội-nghị có 5 vị quốc vương, 4 vị Tổng-thống, còn thì đều là các Ngoại-trưởng. Tổng Thống Nasser bị bệnh không đi dự, nhưng gửi thông-diệp cho hội nghị. Tổng-thống Bouurgiba (Tunis) cũng vắng mặt. Vấn đề đại diện của Mặt-trận giải-phóng Palestine được đặt ra. Về sau Mặt-trận này cũng được phép cử một quan-sát-viên như Liên-đoàn Ả-Rập (Ligue Arabe).

Các nước Liên-xô, Trung quốc mặc dầu có một số đông dân Hồi-giáo đều không được mời, cả Albanie là nước mà đa số dân theo đạo Hồi (1.120.000 trên 1.914.000) cũng không được mời vì là những nước cộng-sản.

Với một thành phần quá phức tạp, tập hợp từ nhiều nơi trên thế giới người ta tưởng Hội-nghị này không thể nào đi đến được một kết quả cụ thể, nhất là thời gian họp lại quá ngắn ngủi: chỉ có 2 ngày, không đủ thì giờ cho các phái đoàn trình bày lập trường chứ đừng nói là đi đến một quyết-nghị.

Thực vậy, thông-diệp với lời lẽ sắc bén của T.T. Nasser yêu cầu Hội-nghị quyết liệt với "bè lũ sát nhân Do-Thái",

trái hẳn với lời lẽ ôn hòa của Quốc-vương Iran, chỉ nói tới triết-lý của Hồi-giáo mà không đả động gì tới vụ hỏa-hoạn El Aqsa và kẻ thù Do-Thái. Thái độ quá khích của các phái-đoàn Soudan, Libye và Algérie hô hào một cuộc kháng chiến chống Do-Thái và yêu cầu các nước Hồi-giáo triệt để giúp đỡ Mặt trận giải phóng Palestine, trái ngược với thái độ hòa hoãn của Maroc không muốn đem vấn-đề chống Do-Thái là vấn-đề riêng của các nước Ả-Rập ra thảo-luận tại Hội-nghị Hồi-giáo.

Sau 2 ngày thảo luận sôi nổi, hội nghị đã đi đến một bản tuyên-cáo chung gồm mấy điểm chính sau đây:

1) Lên án cuộc đốt Thánh đường El Aqsa ngày 21-8-69 thực hiện trong khu vực chiếm đóng của Do Thái, làm cho tình hình Trung-Đông thêm căng thẳng.

2) Đòi cho thành phố Jérusalem trở lại quy-chế cũ của nó trước tháng 6-1967 từ 13 thế-kỷ nay.

3) Đòi các lực lượng Do Thái phải rút lui ra khỏi các khu vực chiếm đóng Ả Rập và tuân theo lời kêu gọi của Hội-đồng Bảo-an và Đại Hội-đồng LHQ.

4) Ủng hộ dân tộc Palestine phục hồi chủ quyền của họ và tranh đấu để giải phóng quốc gia.

(1) Tin sau cùng cho biết là vì những vụ đàn áp tín đồ Hồi-giáo xảy ra ở Ấn-độ trong tuần qua gây cho 500 người chết nên phái đoàn Pakistan đã lên tiếng kịch liệt phản đối sự có mặt của phái đoàn Ấn-độ ở Hội nghị. Cuối cùng phái đoàn Ấn-độ đã bị từ chối không cho dự hội-nghị và đã bỏ ra về. Vụ này lại đào sâu thêm mâu thuẫn giữa Ấn-độ và Pakistan,

5) Các quốc gia Hồi-giáo sẽ hợp tác chặt chẽ với nhau trên mọi lãnh vực kinh tế, khoa học, văn hóa và hứa sẽ giải quyết hòa bình các tranh chấp căn cứ trên hiến-chương Liên Hiệp Quốc. Một điểm đặc biệt là trong bản tuyên cáo chung đó, các quốc gia Hồi giáo đã lên tiếng kêu gọi các đại cường quốc (Anh, Hoa kỳ, Liên xô, Pháp) có trách nhiệm bảo vệ hòa bình thế giới, buộc Do-Thái phải rút quân khỏi thánh địa Jerusa'lem và các khu vực chiếm đóng A Rập.

Ngoài ra Hội nghị còn quyết định là một hội nghị Ngoại trưởng các quốc gia Hồi-giáo sẽ họp ở Djeddah vào tháng 3- 970 để duyệt xem những quyết định của Hội nghị đã được thực hiện đến đâu và thiết lập một văn phòng thường trực để phối hợp hoạt động của các quốc gia Hồi-giáo.

Tóm lại Hội nghị Hồi-giáo ở Rabat tuy không đưa đến một kết quả cụ thể nào, nhưng nó cũng đã cho ta thấy là

lập trường của khối Á-Rập đã thắng thế Tuy không lôi cuốn được các quốc gia Hồi giáo vào cuộc thánh chiến chống Do Thái, nhưng các nước A Rập cũng đã thuyết phục được họ ủng hộ Palestine và lên án hành động của Do Thái. Nó cũng đã xây nền móng cho một sự đoàn kết của một khối gồm ngót 600 triệu người Hồi-giáo, dù là không được chặt chẽ lắm, nhưng cũng tạo thêm được thế mạnh cho phe A Rập

Trên phương diện đó, Hội nghị Hồi-giáo ở Rabat là một thắng lợi chính trị của các nước A Rập. Thắng lợi này chắc chắn họ sẽ khai thác bằng cách thúc đẩy LHQ và các đại-cường mau chóng tìm một giải pháp cho vấn đề Trung Đông. Nhưng một mặt khác họ vẫn ráo riết chuẩn bị một cuộc chiến tranh trường kỳ và hao mòn đối với Do-Thái mà họ tin tưởng rằng sau cùng họ sẽ thắng.

VIỆT PHƯƠNG

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YT DP.Đ.